

ĐẠI HỌC HUẾ  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ  
KHOA KẾ TOÁN TÀI CHÍNH



**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**Đề tài:**

**THỰC TRẠNG KẾ TOÁN CHO VAY KHÁCH HÀNG  
CÁ NHÂN TẠI AGRIBANK VIỆT NAM  
CHI NHÁNH NGHI XUÂN HÀ TĨNH**

**Giảng viên hướng dẫn:**

**Th.S Hà Diệu Thương**

**Sinh viên thực hiện:**

**Lê Thùy An**

**Lớp: K44 KTDN**

**Huế 05/2014**

# Lời Cảm Ơn

Qua 4 năm học tại trường Đại học kinh tế Huế, em luôn được sự chỉ bảo và giảng dạy tận tình của Quý Thầy cô, đặc biệt là Quý Thầy Cô Khoa Kế Toán – Tài chính đã truyền đạt cho em những kiến thức lý thuyết cũng như kinh nghiệm thực tế trong suốt thời gian học tập ở trường. Cùng sự nỗ lực của bản thân em đã hoàn thành khóa học của mình, khóa luận tốt nghiệp này là tổng hợp của tất cả kiến thức em được học trên giảng đường và những hiểu biết thực tế qua một thời gian ngắn thực tập tại cơ sở.

Trước tiên, em vô cùng biết ơn Th. S Hà Diệu Thương đã tận tình hướng dẫn em trong suốt quá trình thực tập và hoàn thành khóa luận tốt nghiệp của mình. Và em cũng bày tỏ lời cảm ơn đến Quý Thầy Cô Khoa Kế Toán – Tài Chính trường Đại học kinh tế Huế đã giảng dạy và giúp đỡ em trong suốt 4 năm học qua.

Em xin chân thành cảm ơn Ban giám đốc, toàn thể cán bộ công nhân viên và đặc biệt là các anh chị phòng kế toán Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Chi nhánh huyện Nghi Xuân, đã tạo điều kiện thuận lợi cho em trong thời gian thực tập và tận tình chỉ bảo, giúp đỡ em hoàn thành khóa luận này.

Do kiến thức còn hạn hẹp, thời gian tìm hiểu chưa sâu do đó khóa luận của em không thể tránh khỏi những thiếu sót. Bởi vậy, em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến từ phía Quý Thầy Cô để em có thể hoàn thành tốt hơn bài khóa luận của mình.

Em xin chân thành cảm ơn !

Huế, tháng 5 năm 2014

Sinh viên thực hiện

Lê Thủy An

**MỤC LỤC**

PHẦN I: ĐẶT VẤN ĐỀ .....	1
1. Sự cần thiết của đề tài nghiên cứu .....	1
2. Mục tiêu nghiên cứu .....	2
3. Đối tượng nghiên cứu .....	2
4. Phạm vi nghiên cứu .....	2
5. Phương pháp nghiên cứu .....	2
6. Cấu trúc của đề tài .....	3
PHẦN II: NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU .....	4
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN VÀ NGHIỆP VỤ KẾ TOÁN CHO VAY KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN TRONG HỆ THỐNG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI. ....	4
1.1. Các vấn đề cơ bản về Ngân hàng thương mại .....	4
1.1.1. Khái niệm và đặc điểm của Ngân hàng thương mại. ....	4
1.1.2. Các hoạt động chủ yếu của NHTM. ....	4
1.2. Khái quát về Tín dụng Ngân hàng và các hình thức cho vay hiện nay .....	5
1.2.1. Khái niệm về Tín dụng Ngân hàng .....	5
1.2.2. Vai trò và nhiệm vụ của Tín dụng đối với nền kinh tế .....	5
1.2.3. Các hình thức cho vay hiện nay. ....	6
1.2.3.1. Cho vay từng lần .....	6
1.2.3.2. Cho vay theo hạn mức tín dụng .....	6
1.2.3.3. Cho vay theo dự án đầu tư .....	6
1.2.3.4. Cho vay trả góp .....	7
1.2.3.5. Cho vay thông qua nghiệp vụ phát hành và sử dụng thẻ tín dụng .....	7
1.2.3.6. Cho vay theo hạn mức tín dụng dự phòng .....	7
1.2.3.7. Cho vay theo hạn mức thấu chi .....	7
1.2.3.8. Cho vay theo các phương thức khác .....	7
1.3. Vai trò và nhiệm vụ của công tác kế toán cho vay .....	7
1.3.1. Vai trò của công tác kế toán cho vay .....	7
1.3.2. Nhiệm vụ của kế toán cho vay .....	8

1.4. Cơ sở pháp lý để tổ chức và thực hiện kế toán cho vay .....	9
1.5. Những vấn đề cơ bản của công tác kế toán nghiệp vụ cho vay khách hàng cá nhân.....	9
1.5.1. Chứng từ sử dụng trong kế toán cho vay khách hàng cá nhân.....	9
1.5.2. Tài khoản sử dụng trong kế toán cho vay khách hàng cá nhân.....	10
1.5.2.1. Tài khoản nội bảng .....	10
1.5.2.2. Tài khoản ngoại bảng .....	13
1.5.3. Phương pháp hạch toán .....	14
1.5.3.1. Kế toán theo dõi gốc vay. ....	14
1.5.3.2. Kế toán theo dõi lãi vay .....	15
1.5.3.3. Xử lý lãi quá hạn.....	16
1.5.4. Phương thức thu gốc và lãi .....	17
1.5.4.1. Thu nợ và lãi một lần khi hợp đồng tín dụng đến hạn .....	17
1.5.4.2. Thu nợ và lãi theo từng định kỳ xác định trong HĐTD.....	17
1.5.4.3. Thu nợ và lãi với định kỳ không ghi cụ thể trong HĐTD .....	18
1.6. Quy trình kế toán theo các phương thức cho vay chủ yếu.....	19
1.6.1. Quy trình kế toán cho vay từng lần.....	19
1.6.1.1. Kế toán nghiệp vụ cho vay (giải ngân).....	19
1.6.1.2. Kế toán thu lãi cho vay.....	20
1.6.1.3. Kế toán nghiệp vụ thu nợ gốc.....	21
1.6.2. Quy trình kế toán cho vay theo hạn mức tín dụng.....	22
1.6.2.1. Kế toán giai đoạn cho vay.....	22
1.6.2.2. Kế toán giai đoạn thu lãi .....	22
1.6.2.3. Kế toán thu nợ gốc.....	22
1.6.3. Dự phòng phải thu khó đòi .....	23
1.7. Đánh giá một số công trình nghiên cứu cùng lĩnh vực .....	24
<b>CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHO VAY KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN TẠI AGRIBANK VIỆT NAM CHI NHÁNH NGHI XUÂN – HÀ TĨNH .....</b>	<b>26</b>
2.1. Tổng quan về NHNo&PTNT Chi nhánh huyện Nghi Xuân.....	26
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của chi nhánh .....	26
2.1.2. Những hoạt động chủ yếu của chi nhánh .....	27

2.1.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy, chức năng và nhiệm vụ của các phòng ban .....	28
2.1.3.1. Sơ đồ tổ chức.....	28
2.1.3.2. Chức năng và nhiệm vụ của các phòng ban.....	28
2.1.4. Tình hình lao động của chi nhánh .....	29
2.2. Tình hình hoạt động của NHNo & PTNT Chi nhánh huyện Nghi Xuân.....	29
2.2.1. Hoạt động huy động vốn.....	29
2.2.2. Hoạt động sử dụng vốn .....	34
2.2.3. Kết quả tài chính .....	39
2.3. Tổ chức công tác kế toán tại ngân hàng.....	40
2.3.1. Tổ chức bộ máy kế toán .....	40
2.3.2. Tổ chức vận dụng hình thức ghi sổ kế toán .....	42
2.3.3. Tổ chức vận dụng chế độ chứng từ.....	43
2.3.4. Tổ chức vận dụng hệ thống tài khoản.....	43
2.3.5. Tổ chức hệ thống báo cáo kế toán.....	43
2.3.6. Tổ chức luân chuyển chứng từ .....	43
2.4. Thực trạng thực hiện kế toán cho vay khách hàng cá nhân tại NHNo&PTNT Chi nhánh huyện Nghi Xuân. ....	43
2.4.1. Kế toán giai đoạn giải ngân .....	43
2.4.1.1. Chứng từ sử dụng. ....	43
2.4.1.2. Tài khoản sử dụng .....	43
2.4.1.3. Quy trình hạch toán và luân chuyển chứng từ .....	44
2.4.2. Kế toán giai đoạn thu lãi.....	53
2.4.2.1. Chứng từ sử dụng .....	53
2.4.2.2. Tài khoản sử dụng .....	54
2.4.2.3. Phương pháp tính lãi.....	54
2.4.2.4. Quy trình hạch toán và luân chuyển chứng từ .....	54
2.4.3.1. Chứng từ sử dụng .....	62
2.4.3.2. Tài khoản sử dụng .....	62
2.4.3.3. Quy trình hạch toán và luân chuyển chứng từ .....	63
2.4.4. Kế toán giai đoạn gia hạn nợ .....	69

2.4.5. Kế toán giai đoạn chuyển nợ quá hạn.....	69
2.4.5.1. Chứng từ sử dụng .....	69
2.4.5.2. Tài khoản sử dụng .....	69
2.4.5.3. Quy trình hạch toán và luân chuyển chứng từ .....	69
2.4.6. Về lưu giữ và quản lý hồ sơ vay.....	73
2.4.7. Việc áp dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán của NHNo & PTNT Chi nhánh Nghi Xuân. ....	73
<b>CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP GÓP PHẦN NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẠI NHNo&amp;PTNT CHI NHÁNH NGHI XUÂN – HÀ TĨNH. ....</b>	<b>75</b>
3.1. Đánh giá thực trạng kế toán cho vay tại NHNo&PTNT Chi nhánh huyện Nghi Xuân – Hà Tĩnh.....	75
3.1.1. Ưu điểm .....	75
3.1.2. Tồn tại .....	76
3.2. Một số giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả công tác kế toán cho vay đối với tổ chức, cá nhân trong nước tại NHNo &PTNT Chi nhánh Nghi Xuân .....	77
<b>PHẦN III: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ .....</b>	<b>80</b>
1.Kết luận .....	80
2.Kiến nghị.....	80
3.Hướng nghiên cứu của đề tài .....	81
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>	<b>82</b>

**DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT**

<b>Kí hiệu</b>	<b>Ý nghĩa</b>
NHTM	Ngân hàng thương mại
NHNN	Ngân hàng Nhà nước
NHNo&PTNT	Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn
TCTD	Tổ chức tín dụng
CBTD	Cán bộ tín dụng
BCTC	Báo cáo tài chính
NQH	Nợ quá hạn
HĐTD	Hợp đồng tín dụng
TSBĐ	Tài sản bảo đảm
KH	Khách hàng
NH	Ngân hàng
CBNV	Cán bộ nhân viên
SXKD	Sản xuất kinh doanh
TSTC	Tài sản thế chấp
TG	Tiền gửi
TGTCKT	Tiền gửi tổ chức kinh tế
DPRR	Dự phòng rủi ro

## **DANH MỤC CÁC SƠ ĐỒ, BIỂU ĐỒ**

Sơ đồ 2.1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của NHNo&PTNT Chi nhánh huyện Nghi Xuân .....	28
Sơ đồ 2.2. Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại NHNo&PTNT .....	41
Sơ đồ 2.3. Sơ đồ trình tự ghi sổ tại NHNo&PTNT Chi nhánh huyện Nghi Xuân .....	42
Sơ đồ 2.4. Lưu đồ luân chuyển chứng từ giai đoạn giải ngân cho vay .....	45
Sơ đồ 2.5. Lưu đồ luân chuyển chứng từ giai đoạn thu lãi cho vay .....	55
Biểu đồ 2.1. Tình hình huy động vốn nội tệ của Chi nhánh qua 3 năm.....	32
Biểu đồ 2.2. Tình hình cho vay qua 3 năm 2011 – 2013.....	35
Biểu đồ 2.3. Tình hình thu nợ qua 3 năm 2011 – 2013 .....	36
Biểu đồ 2.4. Tình hình tổng dư nợ qua 3 năm 2011 - 2013 .....	37
Biểu đồ 2.5. Tình hình nợ quá hạn qua 3 năm 2011 -2013 .....	38



## **DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU**

Bảng 2.1. Tình hình huy động vốn tại NHNo&PTNT huyện Nghi Xuân .....	30
Bảng 2.2. Tình hình cho vay, thu nợ, dư nợ, nợ quá hạn .....	34
Bảng 2.3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	39

## **TÓM TẮT ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU**

Đề tài “*Thực trạng kế toán cho vay khách hàng cá nhân tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Chi nhánh huyện Nghi Xuân, Hà Tĩnh*” được nghiên cứu xuất phát từ việc nhận thức vai trò của hoạt động tín dụng và tầm quan trọng của công tác kế toán cho vay trong các NHTM hiện nay.

Đề tài trình bày 3 nội dung chính gồm: cơ sở lí luận, thực trạng và giải pháp.

Về cơ sở lí luận, đề tài tiến hành hệ thống hóa cơ sở lí luận về tổ chức công tác kế toán và nghiệp vụ kế toán cho vay trong hệ thống Ngân hàng thương mại để làm cơ sở nghiên cứu và tìm hiểu thực trạng công tác kế toán cho vay tại NHNo&PTNT Chi nhánh huyện Nghi Xuân.

Về thực trạng, đề tài đi sâu tìm hiểu thực tế công tác kế toán cho vay tại NHNo&PTNT Chi nhánh huyện Nghi Xuân, từ giai đoạn phát tiền vay, thu lãi, thu nợ, gia hạn nợ và chuyển nợ quá hạn cho khách hàng. Trong mỗi giai đoạn, đề tài đưa ra các trường hợp cụ thể xảy ra tại đơn vị kèm theo các chứng từ, cách hạch toán và xử lí chứng từ trong thực tế.

Về giải pháp, đề tài nêu ra các giải pháp trong ngắn hạn và dài hạn nhằm giúp cải thiện các mặt hạn chế còn tồn tại và nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác kế toán cho vay tại đơn vị.

## PHẦN I ĐẶT VẤN ĐỀ

### 1. Sự cần thiết của đề tài nghiên cứu

Sau hơn 20 năm đổi mới, với sự quản lý chặt chẽ của Đảng và Nhà nước, đất nước ta đã có được những thành tựu to lớn trong tất cả các lĩnh vực kinh tế - chính trị - xã hội. Cùng với sự phát triển chung của nền kinh tế, ngành ngân hàng cũng đã có nhiều chuyển biến to lớn, nó được xem như một tổ chức tài chính không thể thiếu nhằm luân chuyển tiền tệ, đảm bảo cho sự tồn tại lâu dài và hiệu quả của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân.

Trước những yêu cầu, thách thức mới của nền kinh tế thời kì mở cửa hội nhập kinh tế khu vực và thế giới, các doanh nghiệp cần phải nâng cao chất lượng lao động, củng cố và hoàn thiện cơ chế quản lý kinh tế, chế độ hạch toán kế toán đồng thời không ngừng cải tiến máy móc thiết bị, mở rộng quy mô sản xuất một cách hợp lý. Và để làm được điều đó đòi hỏi doanh nghiệp phải có một lượng vốn khá lớn, đôi khi vượt quá khả năng vốn tự có của doanh nghiệp. Bởi vậy, để đáp ứng nhu cầu về vốn của xã hội thì Tín dụng ngân hàng được xem là một giải pháp tối ưu, góp phần thúc đẩy nền kinh tế phát triển.

Cho vay là một nghiệp vụ khá phức tạp, nó phức tạp không phải ở việc hạch toán hay ghi nhận, mà là ở việc quản trị và giảm thiểu rủi ro không thu hồi được nợ sau khi giải ngân cho vay. Chính vì vậy, cho vay phải đảm bảo an toàn hiệu quả. Để đảm bảo được việc theo dõi quản lý các nghiệp vụ phát sinh trên, vấn đề đặt ra là phải có hệ thống kế toán hợp lý, rõ ràng, minh bạch. Vì vậy, đây là nghiệp vụ kế toán quan trọng và chiếm tỷ trọng khá lớn trong công tác kế toán tại ngân hàng.

Nhận thức được vị trí, vai trò vô cùng quan trọng của công tác kế toán cho vay, cùng với những kiến thức được học tập tại trường Đại học kinh tế Huế và những gì học hỏi được qua quá trình thực tập tại NHNo & PTNT chi nhánh huyện Nghi Xuân – Tỉnh Hà Tĩnh, em đã chọn đề tài ***“Thực trạng kế toán cho vay khách hàng cá nhân tại Agribank Việt Nam Chi nhánh Nghi Xuân – Hà Tĩnh”***

## **2. Mục tiêu nghiên cứu**

- Hệ thống hóa cơ sở lí luận về kế toán cho vay trong hệ thống NHTM
- Tìm hiểu thực trạng công tác kế toán cho vay khách hàng cá nhân tại NHNo & PTNT Việt Nam Chi nhánh huyện Nghi Xuân.
- Đề xuất một số giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả công tác kế toán cho vay khách hàng cá nhân tại NHNo & PTNT Chi nhánh huyện Nghi Xuân

## **3. Đối tượng nghiên cứu**

- Công tác kế toán cho vay, quy trình cho vay khách hàng cá nhân tại Chi nhánh

## **4. Phạm vi nghiên cứu**

- Về không gian : Ngân hàng nông nghiệp & Phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện Nghi Xuân.
- Về thời gian :
  - + Thời gian số liệu : Các số liệu phân tích và minh họa trong đề tài được thu thập trong các năm 2011 – 2013.
  - + Thời gian làm khóa luận : Từ ngày 10/2/2014 – 19/05/2014
- Về nội dung : Đề tài tập trung nghiên cứu thực trạng công tác kế toán cho vay khách hàng cá nhân tại NHNo&PTNT Việt Nam Chi nhánh huyện Nghi Xuân và các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác kế toán cho vay khách hàng cá nhân tại Chi nhánh.

## **5. Phương pháp nghiên cứu**

- Phương pháp thu thập số liệu: Là phương pháp dùng để trang bị những lý luận cơ bản sử dụng đánh giá công tác kế toán tại ngân hàng qua các phương tiện như sách, báo, internet và các số liệu từ phòng kế toán của ngân hàng, Phương pháp này dùng để hệ thống lại các cơ sở lý luận, thu thập thông tin của phân tích tài chính ngân hàng.a
- Phương pháp phỏng vấn: Trực tiếp hỏi, phỏng vấn Kế toán Trưởng và các nhân viên của phòng kế toán tại ngân hàng từ đó có thể nắm bắt được các vấn đề liên quan đến vấn đề nghiên cứu và tình hình hoạt động tại đơn vị.
- Phương pháp quan sát: Quan sát và ghi chép lại những công việc mà kế toán viên tại NHNo&PTNT Chi nhánh huyện Nghi Xuân thực hiện.
- Phương pháp xử lý số liệu:

- Phương pháp so sánh: So ánh đối chiếu các chỉ tiêu qua từng năm để đánh giá sự biến động của từng chỉ tiêu. Phương pháp này được sử dụng để đánh giá tình hình huy động vốn, sử dụng vốn và tình hình tài chính của ngân hàng.

- Phương pháp phân tích số liệu: Là phương pháp dựa trên số liệu đã thu thập và so sánh, tiến hành đánh giá các vấn đề liên quan đến tình hình huy động vốn, sử dụng vốn và tài chính của ngân hàng.

- Phương pháp tổng hợp số liệu: Là phương pháp dựa trên số liệu đã thu thập để rút ra những kết luận và đánh giá cần thiết.

- Phương pháp kế toán: Là phương pháp sử dụng chứng từ, tài khoản, sổ sách để hệ thống hóa và kiểm soát thông tin về các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Phương pháp này được sử dụng xuyên suốt trong quá trình thực hiện đề tài.

- Và một số phương pháp khác.

## **6. Cấu trúc của đề tài**

Đề tài được chia làm 3 phần với nội dung nghiên cứu như sau:

PHẦN I: Đặt vấn đề

PHẦN II: Nội dung và kết quả nghiên cứu

Chương I: Cơ sở lí luận về tổ chức công tác kế toán và nghiệp vụ kế toán cho vay khách hàng cá nhân trong hệ thống ngân hàng thương mại.

Chương II: Thực trạng công tác kế toán cho vay khách hàng cá nhân tại NHNo&PTNT Chi nhánh huyện Nghi Xuân.

Chương III: Một số giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả công tác kế toán cho vay khách hàng cá nhân tại NHNo&PTNT Chi nhánh huyện Nghi Xuân.

PHẦN III: Kết luận và kiến nghị

**PHẦN II**  
**NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU**  
**CHƯƠNG 1**  
**CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN VÀ**  
**NGHIỆP VỤ KẾ TOÁN CHO VAY KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN**  
**TRONG HỆ THỐNG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI.**

**1.1. Các vấn đề cơ bản về Ngân hàng thương mại.**

**1.1.1. Khái niệm và đặc điểm của Ngân hàng thương mại.**

**❖ Khái niệm**

Ngân hàng là một loại hình tổ chức quan trọng đối với nền kinh tế. Theo luật của Các tổ chức Tín dụng Việt Nam : NHTM là Ngân hàng được thực hiện toàn bộ hoạt động của ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác có liên quan vì mục tiêu lợi nhuận (Nghị định số 59/2009ND-CP của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của NHTM).

Theo luật Ngân hàng Nhà nước : Hoạt động Ngân hàng là hoạt động kinh doanh tiền tệ và dịch vụ NH với nội dung thường xuyên là nhận tiền gửi và sử dụng số tiền gửi này để cấp tín dụng, cung ứng dịch vụ thanh toán.

**❖ Đặc điểm**

- Là doanh nghiệp hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tiền tệ vì mục tiêu lợi nhuận, NH chủ yếu kinh doanh bằng vốn của người khác chứ không phải chủ yếu bằng vốn chủ sở hữu.

- Hoạt động kinh doanh của NHTM được phân vào nhóm hoạt động kinh doanh có rủi ro cao.

- Sự tồn tại của NHTM phụ thuộc nhiều vào sự tin tưởng của KH.

- Các NHTM chịu ảnh hưởng dây chuyền với nhau.

- Vốn bằng tiền vừa là đối tượng, vừa là phương tiện trong quá trình kinh doanh.

**1.1.2. Các hoạt động chủ yếu của NHTM.**

❖ Hoạt động huy động vốn

❖ Hoạt động sử dụng vốn

❖ Hoạt động trung gian

❖ Hoạt động khác

## **1.2. Khái quát về Tín dụng Ngân hàng và các hình thức cho vay hiện nay**

### **1.2.1. Khái niệm về Tín dụng Ngân hàng**

Tín dụng Ngân Hàng là quan hệ tín dụng giữa Ngân Hàng, các tổ chức tín dụng với các thành phần kinh tế và các tầng lớp dân cư như: các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình... trong đó NH đóng vai trò là tổ chức trung gian đứng ra huy động vốn và sử dụng số vốn huy động được để cho vay đối với các đối tượng nói trên. NH vừa là người đi vay vừa là người cho vay.

### **1.2.2. Vai trò và nhiệm vụ của Tín dụng đối với nền kinh tế**

Tín dụng NH có vai trò rất to lớn trong việc phục vụ phát triển kinh tế đất nước, cụ thể như sau :

- Tín dụng góp phần thúc đẩy sản xuất và lưu thông hàng hóa.

Trong quá trình SXKD, để duy trì sự hoạt động liên tục đòi hỏi vốn của các xí nghiệp phải tạm thời tồn tại ở cả ba giai đoạn: dự trữ, sản xuất và lưu thông nên hiện tượng thừa thiếu vốn tạm thời thường xuyên xảy ra ở các doanh nghiệp. Từ đó tín dụng đã góp phần điều tiết các nguồn vốn tạo điều kiện SXKD không bị gián đoạn.

Tín dụng là trung tâm đáp ứng nhu cầu vốn bổ sung cho đầu tư phát triển. Như vậy, vừa giúp cho doanh nghiệp rút ngắn được thời gian tích lũy vốn, nhanh chóng cho đầu tư mở rộng sản xuất, vừa góp phần đẩy nhanh tốc độ tập trung vốn

- Tín dụng góp phần ổn định tiền tệ, ổn định giá cả.

Tận dụng những nguồn vốn nhàn rỗi trong xã hội, tín dụng làm giảm khối lượng tiền mặt tồn đọng trong lưu thông. Mặt khác, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp hoàn thành kế hoạch SXKD, sản xuất ngày càng phát triển.

Ngoài ra tín dụng tạo điều kiện mở rộng thanh toán không dùng tiền mặt.

- Tín dụng góp phần ổn định đời sống, tạo công ăn việc làm, ổn định trật tự xã hội

Đây là hệ quả tất yếu của hai vai trò tín dụng nêu trên: nền kinh tế phát triển trong một môi trường ổn định về tiền tệ là điều kiện để nâng cao đời sống của các thành viên trong xã hội từ đó rút ngắn sự chênh lệch giữa các giai cấp.

- Tín dụng tạo điều kiện phát triển mối quan hệ kinh tế với nước ngoài

Trong điều kiện hiện nay, phát triển kinh tế của một nước luôn gắn liền với thị trường thế giới, kinh tế “đóng” đã nhường bước cho nền kinh tế “mở”. Và tín dụng đã trở thành một trong những biện pháp nối liền quan hệ kinh tế giữa các nước với nhau.

### **1.2.3. Các hình thức cho vay hiện nay.**

#### **1.2.3.1. Cho vay từng lần**

Đặc điểm của phương thức này là mỗi lần KH vay món nào thì phải làm hồ sơ vay món đó. Như vậy, nếu trong một quý KH có bao nhiêu món vay phải làm bấy nhiêu hồ sơ xin vay. Bộ phận tín dụng tiến hành phân tích hồ sơ xin vay và xem xét cho vay đối với từng hồ sơ cụ thể.

Số tiền cho vay = Tổng nhu cầu vốn của dự án – vốn chủ sở hữu – vốn khác

#### **1.2.4.2. Cho vay theo hạn mức tín dụng**

Hạn mức tín dụng là mức dư nợ vay tối đa được duy trì trong một thời hạn nhất định mà ngân hàng và khách hàng đã thỏa thuận trong HĐTD

Đặc điểm của phương thức này là KH chỉ cần lập một bộ hồ sơ vay vào đầu kì kế hoạch, có thể sử dụng cho nhiều món vay. Cụ thể, KH nộp hồ sơ vay vốn một lần vào đầu quý, dù trong quý KH có nhiều món vay cũng chỉ làm một bộ hồ sơ duy nhất. NH tiến hành phân tích tín dụng và nếu đồng ý cho vay, hai bên tiến hành kí kết HĐTD, trong HĐTD ngân hàng sẽ xác định hạn mức tín dụng cho KH.

Đối với phương thức cho vay này, một HĐTD được sử dụng cho cả quý. Đến cuối quý, HĐTD sẽ được thanh lí, và sang đầu quý sau KH muốn vay phải nộp một bộ hồ sơ vay vốn mới.

#### **1.2.3.3. Cho vay theo dự án đầu tư**

Ngân hàng cho KH vay vốn để thực hiện các dự án đầu tư phát triển SXKD, dịch vụ và các dự án đầu tư phục vụ đời sống.

Ngân hàng nơi cho vay cùng với khách hàng kí HĐTD và thỏa thuận mức vốn đầu tư duy trì cho cả thời gian đầu tư của dự án, phân định các kì hạn trả nợ.

Ngân hàng nơi cho vay thực hiện giải ngân theo tiến độ thực hiện dự án. Mỗi lần rút vốn vay, khách hàng lập giấy nhận nợ trong phạm vi mức vốn cho vay đã thỏa thuận kèm theo các chứng từ xin vay phù hợp với mục đích sử dụng vốn trong HĐTD.



**1.2.3.4. Cho vay trả góp**

Ngân hàng nơi cho vay và khách hàng thỏa thuận và xác định số lãi tiền vay trong suốt thời gian vay cộng (+) với số nợ gốc được chia ra để trả nợ theo nhiều kì hạn ( ngày, tuần, tháng/kì ) trong thời hạn cho vay.

Phương thức này áp dụng cho khách hàng có thu nhập ổn định, chắc chắn.

Hợp đồng tín dụng phải ghi rõ : kì hạn trả nợ, số tiền trả nợ ở mỗi kì bao gồm cả gốc và lãi.

**1.2.3.5. Cho vay thông qua nghiệp vụ phát hành và sử dụng thẻ tín dụng**

Tổ chức tín dụng sẽ chấp nhận cho khách hàng được sử dụng số vốn vay trong phạm vi hạn mức tín dụng để thanh toán tiền mua hàng hóa, dịch vụ và rút tiền mặt tại các máy rút tiền tự động hoặc điểm ứng tiền mặt tại các đại lý của TCTD.

**1.2.3.6. Cho vay theo hạn mức tín dụng dự phòng**

NH cam kết đảm bảo sẵn sàng cho KH vay vốn trong phạm vi hạn mức tín dụng nhất định. NH và KH thỏa thuận thời hạn hiệu lực của hạn mức dự phòng; cam kết đáp ứng nguồn vốn cho khách hàng trong thời gian hiệu lực của hợp đồng, mức phí trả cho hạn mức tín dụng dự phòng.

NH thực hiện thẩm định và quyết định cấp hạn mức tín dụng dự phòng khi đủ các điều kiện cho vay, theo đúng thẩm quyền được phân cấp; phải chủ động cân đối nguồn vốn để thực hiện cam kết theo hợp đồng hạn mức tín dụng dự phòng.

**1.2.3.7. Cho vay theo hạn mức thấu chi**

Ngân hàng thỏa thuận bằng văn bản chấp thuận cho KH chỉ vượt số tiền có trên tài khoản thanh toán của KH phù hợp với các quy định của Chính phủ và NHNN Việt Nam về hoạt động thanh toán qua các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán.

**1.2.3.8. Cho vay theo các phương thức khác**

Là các phương thức cho vay mà pháp luật không cấm, phù hợp với điều kiện của TCTD và đặc điểm của khách hàng vay.

**1.3. Vai trò và nhiệm vụ của công tác kế toán cho vay****1.3.1. Vai trò của công tác kế toán cho vay**

Cho vay là hoạt động kinh doanh chủ chốt của NHTM để tạo ra lợi nhuận. Là một lĩnh vực phức tạp và thường xuyên cập nhật theo những chuyển biến của môi

trường kinh tế, vì thế việc theo dõi, quản lý nó có ý nghĩa quan trọng đối với chính sách tín dụng của NH. Gắn liền với hoạt động cho vay là công tác kế toán cho vay, nó tham gia trực tiếp vào quá trình cho vay, nghiệp vụ cơ bản trong hoạt động kinh doanh của NH. Vì thế kế toán cho vay giữ một vai trò thiết yếu trong toàn bộ nghiệp vụ kế toán ngân hàng.

❖ **Khái niệm**

Kế toán cho vay là công việc ghi chép, phản ánh một cách đầy đủ, chính xác các khoản cho vay, thu nợ, theo dõi dư nợ thuộc nghiệp vụ tín dụng của ngân hàng.

*(Nguồn: Giáo trình Kế toán ngân hàng – trường ĐH Ngân hàng TP.Hồ Chí Minh)*

❖ **Vai trò**

+ Kế toán cho vay cung cấp cho NH và các doanh nghiệp, các cá nhân có quan hệ tín dụng với NH những thông tin liên quan đến quá trình cho vay, thu nợ, thu lãi,... kịp thời, chính xác.

+ Kế toán cho vay phản ánh tình hình đầu tư vốn vào các ngành kinh tế, tạo điều kiện cho các tổ chức kinh tế có đủ vốn để SXKD và mở rộng quy mô.

+ Kế toán cho vay hoạt động tác nghiệp hỗ trợ tín dụng ngân hàng quản lý món vay, đồng thời hạn chế rủi ro góp phần tăng thu nhập cho ngân hàng

+ Thông qua nghiệp vụ kế toán cho vay, NH đưa ra một khối lượng vốn lớn ra lưu thông phục vụ cho hoạt động SXKD, thúc đẩy sự nghiệp đổi mới và phát triển kinh tế của đất nước.

### **1.3.2. Nhiệm vụ của kế toán cho vay**

Kế toán cho vay phải xác lập hồ sơ, chứng từ cho vay hợp pháp, hợp lệ, kiểm soát để đảm bảo tính hợp lệ của chứng từ

Tổ chức ghi chép, phản ánh kịp thời, đầy đủ, chính xác các số liệu cho vay để đảm bảo nguồn vốn SXKD cho các đơn vị, cá nhân. Mặt khác cần theo dõi chặt chẽ kì hạn nợ để hạch toán thu nợ, thu lãi hoặc chuyển nợ quá hạn kịp thời đảm bảo an toàn tài sản và nâng cao hiệu quả tín dụng.

Quản lý hồ sơ, chứng từ cho vay chặt chẽ, khoa học để đảm bảo thu hồi nợ kịp thời.

Tham mưu và kế hợp với cán bộ tín dụng để nâng cao hiệu quả và mở rộng hoạt động tín dụng.

#### **1.4. Cơ sở pháp lý để tổ chức và thực hiện kế toán cho vay**

❖ Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22/4/2005 *Quy định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng* của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

❖ Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN ngày 25/4/2007 *về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng ban hành theo quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN* của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

❖ Quyết định số 666/QĐ – HĐQT – TDHO ngày 15/06/2010 về việc *Ban hành quy định cho vay đối với khách hàng trong hệ thống Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam* của Chủ tịch Hội đồng quản trị NHNN Việt Nam.

❖ Luật của Tổ chức Tín dụng.

❖ Hệ thống tài khoản và hướng dẫn của NHNN nói chung và của NHNo&PTNT Việt Nam nói riêng.

#### **1.5. Những vấn đề cơ bản của công tác kế toán nghiệp vụ cho vay khách hàng cá nhân**

##### **1.5.1. Chứng từ sử dụng trong kế toán cho vay khách hàng cá nhân**

- Khái niệm chứng từ : Là bằng chứng chứng minh tính hợp pháp, hợp lệ các nghiệp vụ kinh tế đã và đang diễn ra tại ngân hàng, là căn cứ để hạch toán.

- Chứng từ trong kế toán cho vay : Chứng từ dùng trong kế toán cho vay là những loại giấy tờ có giá trị về mặt pháp lý để xác định số tiền ngân hàng cho vay và người vay nhận nợ với ngân hàng.

- Chứng từ kế toán cho vay gồm hai loại : chứng từ gốc và chứng từ ghi sổ.

+ Chứng từ gốc : là những chứng từ được lập trực tiếp khi phát sinh các nghiệp vụ kinh tế. Là căn cứ pháp lý cho phép các nghiệp vụ kinh tế được thực hiện, bao gồm

- Giấy đề nghị vay vốn : là chứng từ do khách hàng lập để xin vay vốn ngân hàng, trong đó trình bày rõ mục đích vay, số tiền vay. Đây là căn cứ ban đầu để ngân hàng xem xét cho vay.

- Hợp đồng tín dụng : là căn cứ pháp lý quan trọng để giải quyết các tranh chấp xảy ra giữa ngân hàng với khách hàng.

- Hợp đồng thế chấp tài sản : là căn cứ pháp lý để giải quyết các khoản cho vay trên 50 triệu đồng.

- Khế ước vay kèm kì hạn nợ hay còn gọi là bảng phân kì hạn nợ : Là chứng từ xác nhận số tiền ngân hàng thu nợ khách hàng theo lịch trình thời gian cụ thể. Đây cũng là căn cứ để khách hàng trả nợ cho Ngân hàng theo đúng định kì.

- Một số giấy tờ khác theo quy chế cho vay, thu nợ, gia hạn nợ...được lập trên cơ sở của chứng từ gốc và phải có chứng từ gốc đính kèm.

+ Chứng từ ghi sổ :

- Chứng từ cho vay : nếu cho vay bằng tiền mặt thì chứng từ là séc lĩnh tiền mặt, giấy lĩnh tiền mặt, phiếu chi... Nếu vay bằng chuyển khoản thì dùng các chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt như ủy nhiệm chi để thanh toán.

- Chứng từ thu nợ : thu bằng tiền mặt thì chứng từ là giấy nộp tiền mặt, séc lĩnh tiền mặt. Thu bằng chuyển khoản thì chứng từ là ủy nhiệm chi, lệnh chi, phiếu chuyển khoản.

Chứng từ kế toán ngân hàng hợp pháp, hợp lệ là chứng từ được lập theo đúng quy định của về kế toán và các quy định về chế độ Chứng từ kế toán ngân hàng do Thống đốc ngân hàng nhà nước ban hành. Thông tin, số liệu trên chứng từ kế toán hợp pháp, hợp lệ là căn cứ để ghi sổ kế toán ngân hàng.

### **1.5.2. Tài khoản sử dụng trong kế toán cho vay khách hàng cá nhân.**

Tài khoản sử dụng trong kế toán cho vay là những tài khoản phản ánh toàn bộ số tài sản ngân hàng cho các tổ chức, cá nhân vay. Vì thế nó có vị trí quan trọng trong bảng cân đối kế toán ngân hàng.

#### **1.5.2.1. Tài khoản nội bảng**

- TK 21 : “Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước”

+ TK 211: Cho vay ngắn hạn bằng đồng Việt Nam, có các TK con :

2111 : Nợ đủ tiêu chuẩn

2112 : Nợ cần chú ý

2113 : Nợ doanh nghiệp dưới tiêu chuẩn

2114 : Nợ nghi ngờ

2115 : Nợ có khả năng mất vốn

❖ **Nội dung TK 2111 :**” **Nợ đủ tiêu chuẩn**”- Là các khoản nợ trong hạn được TCTD đánh giá là đủ khả năng thu hồi đầy đủ cả gốc và lãi đúng thời hạn.

Kết cấu TK :

Nợ	TK 2111	Có
- Số tiền cho vay tổ chức, cá nhân	- Số tiền thu nợ từ tổ chức, cá nhân - Số tiền chuyển sang TK nợ thích hợp theo quy định hiện hành về phân loại nợ	
- Phản ánh nợ vay của tổ chức, cá nhân đủ tiêu chuẩn theo quy định hiện hành về phân loại nợ		

Đối với từng KH cụ thể TCTD sẽ mở tài khoản chi tiết theo từng tổ chức, cá nhân vay tiền. Ví dụ : 2111.0001 hoặc 2111.0002 ....

❖ **Nội dung TK 2112 :**”**Nợ cần chú ý** “ - các khoản nợ được tổ chức tín dụng đánh giá là có khả năng thu đầy đủ cả nợ gốc và lãi nhưng có dấu hiệu KH suy giảm khả năng trả nợ.

Kết cấu TK :

Nợ	TK 2112	Có
- Số tiền cho vay tổ chức, cá nhân	- Số tiền thu nợ từ tổ chức, cá nhân - Số tiền chuyển sang TK nợ thích hợp theo quy định hiện hành về phân loại nợ	
- Phản ánh nợ vay của tổ chức và cá nhân cần chú ý theo quy định hiện hành về phân loại nợ.		

❖ **Nội dung TK 2113 :** ”**Nợ dưới tiêu chuẩn**”- các khoản nợ được tổ chức tín dụng đánh giá là không có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi khi đến hạn, các khoản nợ này có khả năng tổn thất một phần nợ gốc và lãi.

❖ **Nội dung TK 2114 :**”**Nợ nghi ngờ**”- Các khoản nợ được tổ chức tín dụng đánh giá là có khả năng tổn thất cao.

❖ **Nội dung TK 2115 : “Nợ có khả năng mất vốn”**. Các khoản nợ được tổ chức tín dụng đánh giá là không có khả năng thu hồi, mất vốn

❖ **Nội dung TK 219 : “Dự phòng rủi ro”**. Các TK này dùng để phản ánh việc trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý RRTD trong hoạt động ngân hàng của TCTD theo quy định hiện hành về phân loại nợ.

Bao gồm hai TK cấp III sau :

- Dự phòng cụ thể
- Dự phòng chung

Kết cấu TK :

Nợ	TK 219	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng dự phòng để xử lý các RRTD</li> <li>- Hoàn nhập số chênh lệch thừa dự phòng đã lập theo quy định.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số dự phòng được trích lập tính vào chi phí</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phản ánh số dự phòng hiện có cuối kì</li> </ul>

Hạch toán chi tiết :

- Đối với TK “Dự phòng cụ thể”: Mở TK chi tiết theo các nhóm nợ vay.
- Đối với TK “Dự phòng chung”: Mở một TK chi tiết.

❖ **Nội dung TK 394 : “Lãi phải thu từ hoạt động tín dụng”**. TK này phản ánh số lãi phải thu dồn tích trên hoạt động tín dụng. Việc hạch toán TK này phải thực hiện theo các quy định sau :

- Lãi từ hoạt động tín dụng được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kì.
- Lãi phải thu từ hoạt động tín dụng thể hiện số lãi tính dồn tích mà TCTD đã hạch toán vào thu nhập nhưng chưa được khách hàng vay thanh toán.

TK này có 4 tài khoản cấp III : TK 3941, TK 3942, TK 3943, TK 3944. Trong đó TK 3941 – Lãi phải thu từ cho vay bằng đồng Việt Nam.

<u>Kết cấu TK :</u>	
Nợ	TK 394
- Số tiền lãi phải thu từ hoạt động tín dụng tính dồn tích.  - Phản ánh số tiền lãi mà TCTD còn phải thu.	- Số tiền lãi khách hàng vay trả tiền. - Số tiền lãi đến kì hạn mà không nhận được chuyển sang lãi vay quá hạn chưa thu được

**1.5.2.2. Tài khoản ngoại bảng**

Hiện nay, việc cho vay còn chứa đựng nhiều rủi ro, thất thoát vốn cho NH, vì thế để hạn chế tối đa các tổn thất có thể xảy ra, các NHTM thường tiến hành cho vay có TSDB.

Ngoài việc hạch toán nội bảng kế toán các ngân hàng còn mở thêm tài khoản ngoại bảng để theo dõi các tài sản dùng để đảm bảo cho các món vay của khách hàng. Tài khoản ngoại bảng được hạch toán căn cứ vào phiếu xuất, nhập tài sản đảm bảo.

**❖ TK 994 “Tài sản thế chấp cầm cố của khách hàng”**

Tài khoản này dùng để phản ánh TSDB tiền vay của khách hàng.

**Kết cấu TK 994 :**

- Bên Nhập: Phản ánh toàn bộ giá trị tài sản hoặc giấy tờ tài sản nhập kho bảo quản.
- Bên Xuất: Phản ánh giá trị tài sản hoặc giấy tờ tài sản xuất kho trả lại cho khách hàng khi thu hết nợ.
- Còn lại: Phản ánh giá trị tài sản hoặc giấy tờ Ngân hàng còn đang giữ của khách hàng.

**❖ TK 941 “Số tiền lãi cho vay chưa thu được”**

Đối với các khoản lãi chưa thu phát sinh (lãi treo) kế toán không nhập lãi vào gốc mà hạch toán vào TK ngoại bảng (lãi treo) để tiếp tục truy thu.

**Kết cấu TK941 :**

- Bên Nhập: Phản ánh số lãi treo đến hạn truy thu.
- Bên Xuất: Phản ánh số lãi treo đã truy thu.
- Còn lại: Phản ánh số lãi treo chưa được truy thu.

**❖ TK 971 “Nợ khó đòi đã xử lý”**

TK này dùng để hạch toán các khoản nợ bị tổn thất đã dùng dự phòng rủi ro để bù đắp, đang trong thời gian theo dõi để có thể tiếp tục thu hồi dần. Thời gian theo dõi trên TK này phải theo quyết định của Bộ Tài Chính, hết hạn quy định mà không thu được thì cũng hủy bỏ.

**Kết cấu TK 971 :**

- Bên Nhập: Số tiền nợ khó đòi đã được bù đắp nhưng đưa ra theo dõi ngoài bảng cân đối kế toán.

- Bên Xuất:

+ Số tiền thu hồi được từ khách hàng.

+ Số nợ bị tổn thất đã hết hạn theo dõi.

- Còn lại: Số nợ bị tổn thất đã được bù đắp nhưng vẫn tiếp tục theo dõi để thu hồi.

Hạch toán chi tiết: Mở tiểu khoản theo từng khách hàng nợ và từng khoản nợ.

Việc mở chi tiết của các tài khoản đều có thể được kí hiệu theo mã số thích hợp của các TK Cấp III, Cấp IV và Cấp V của các ngân hàng.

**❖ TK 995 “Tài sản gán, chiết nợ chờ xử lý”**

TK 995 dùng để phản ánh giá trị tài sản gán nợ Ngân hàng nhận được từ khách hàng khi khách hàng không có khả năng trả nợ cho ngân hàng. Nguyên tắc hạch toán vào tài khoản này khi khách hàng đã chuyển quyền sở hữu tài sản cho ngân hàng, nghĩa là ngân hàng đã có quyền sở hữu, sử dụng tài sản gán nợ đó.

**Kết cấu TK :**

- Bên Nhập : Giá trị tài sản nhận gán nợ chờ xử lý.

- Bên Xuất :

+ Giá trị tài sản gán nợ đem phát mãi.

+ Giá trị tài sản gán nợ giữ lại để sử dụng.

- Còn lại : Giá trị tài sản gán nợ chưa xử lý.

**1.5.3. Phương pháp hạch toán**

**1.5.3.1. Kế toán theo dõi gốc vay.**

- Khi khách hàng thế chấp tài sản để bảo đảm nợ vay: Nhập TK 994 “Tài sản cầm cố thế chấp của khách hàng”



+ Khi giải ngân :

Nợ TK 2111

Có TK 1011,4211,5211,5012...

Sử dụng TK :

✓ TK 4211 : Khi khách hàng có TK tiền gửi tại ngân hàng cho vay.

✓ TK 5012 : Khi khách hàng có TK tại ngân hàng khác hệ thống với ngân hàng cho vay (thanh toán bù trừ)

✓ TK 5211/5111 : Khi khách hàng có TK tại ngân hàng cho vay nhưng khác địa bàn tỉnh, thành phố.

- Khi thu nợ :Nợ TK thích hợp (1011, 4211...)

Có TK 2111

- Khi chuyển nợ cần chú ý : Nợ TK 2112

Có TK 2111

- Khi chuyển nợ dưới tiêu chuẩn: Nợ TK 2113

Có TK 2112

- Khi chuyển nợ nghi ngờ: Nợ TK 2114

Có TK 2113

- Khi chuyển nợ có khả năng mất vốn. Nợ TK 2115

Có TK 2114

- Khi xử lý xóa nợ: Nợ TK 219

Có TK 2115

Đồng thời : Nhập TK 971 – Nợ bị tổn thất đang trong thời hạn theo dõi.

Hết thời hạn theo dõi Xuất TK 971.

- Khi khách hàng trả đúng nợ và lãi theo hợp đồng thì tiến hành thanh lí hợp đồng tín dụng và giải chấp tài sản thế chấp.

Xuất TK 994

- Thứ tự ưu tiên trả nợ vay : trả lãi => trả nợ quá hạn => trả nợ trong hạn.

### **1.5.3.2. Kế toán theo dõi lãi vay**

TK sử dụng : TK 702 “Thu lãi cho vay”. TK này dùng để phản ánh số lãi vay thu được từ khách hàng.

Nợ	TK 702	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều chỉnh hạch toán sai trong năm (nếu có)</li> <li>- Chuyển số dư có vào TK lợi nhuận khi quyết toán cuối năm.</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiền thu lãi vay.</li> </ul>
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phản ánh số tiền thu hiện có tại ngân hàng.</li> </ul>

- Khi ngân hàng tính lãi dự thu:

Nợ TK 394

Có TK 702

- Khi khách hàng trả lãi :

Nợ TK 1011

Có TK 394

- Nếu ngân hàng không tính lãi dự thu, khi khách hàng trả lãi kế toán hạch toán :

Nợ TK 1011

Có TK 702

- Nếu đến kì trả mà khách hàng không trả lãi, ngân hàng theo dõi ngoại bảng :

Nhập TK 941 :”Lãi vay quá hạn chưa thu được bằng VNĐ”

- Nếu phải xóa lãi :

Nợ TK 702

Có TK 394

Đồng thời ghi Xuất TK 941

### **1.5.3.3. Xử lý lãi quá hạn**

- Khi lãi vay của khách hàng quá hạn, ngân hàng ngưng tính lãi dự thu

- Ghi nhận thu nhập đã ghi nhận trước đó (TK 702) vào Chi phí :

Nợ TK Chi phí (809)

Có TK Lãi phải thu từ hoạt động tín dụng (3941)

Đồng thời Nhập TK 941 - Lãi cho vay chưa thu được bằng VNĐ.

Sau đó, ngân hàng tiếp tục theo dõi thu hồi số lãi từ khách hàng vay.

❖ Khi thu được lãi quá hạn, kế toán hạch toán :

Nợ TK 1011/4211

Có TK 702

Đồng thời Xuất TK 941

❖ Nếu ngân hàng vẫn không thu được lãi, thực hiện xóa lãi :

Nợ TK 702

Có TK 394

Đồng thời Xuất TK 941

#### **1.5.4. Phương thức thu gốc và lãi**

Căn cứ vào đặc điểm sản xuất kinh doanh, dịch vụ, khả năng tài chính, thu nhập và nguồn trả nợ của khách hàng, ngân hàng và khách hàng thỏa thuận về việc trả nợ gốc và lãi cho vay, thông thường có các phương pháp sau :

##### **1.5.4.1. Thu nợ và lãi một lần khi hợp đồng tín dụng đến hạn**

- Phương pháp này được NH áp dụng trong phương thức cho vay từng lần đối với những món vay có thời hạn ngắn hạn (Cho vay doanh nghiệp sản xuất, tiêu dùng...)

- Khi HĐTD đến hạn, NH sẽ thu toàn bộ nợ vay và lãi cho vay một lần, trong đó :

+ Nợ vay : số tiền ngân hàng đã cho vay (Dư nợ trên TK cho vay khách hàng)

+ Cách tính lãi cho vay :

Số tiền thu lãi cho vay = Nợ gốc x Lãi suất ngày x Số ngày thực tế

##### **1.5.4.2. Thu nợ và lãi theo từng định kì xác định trong HĐTD**

NH áp dụng phương pháp này đối với các khoản cho vay ngắn hạn (cho vay thương mại, tiêu dùng trả góp...), cho vay trung và dài hạn (cho vay trả góp, đầu tư dự án,...)

Kì hạn nợ của mỗi món vay được thực hiện trên cơ sở thỏa thuận giữa NH với KH, dựa trên đặc điểm chu chuyển vốn của quá trình SXKD, tình hình thu nhập của khách hàng. Khách hàng có thể trả nợ trước hạn để thanh toán cả Hợp đồng, cũng có thể trả từng lần theo từng định kì cho đến hết nợ khi đến hết hạn định.

Việc xác định số tiền thu nợ và lãi vay từng định kì được sử dụng theo 2 cách phổ biến sau :

- ❖ Thu nợ và lãi cho vay đều đặn bằng nhau mỗi kì (kì khoản bằng nhau)

$$a = \frac{V_0 * r * (1+r)^n}{(1+r)^n - 1}$$

Trong đó :

a : Số tiền thu nợ và lãi vay mỗi kì bằng nhau

$V_0$  : Dư nợ cho vay ban đầu (Nợ gốc ban đầu)

r : Lãi suất cho vay

n : Số kì khách hàng trả góp

- Số lãi vay kì thứ i ( $Li$ ) = Dư nợ cho vay còn lại đầu kì thứ i x Lãi suất cho vay.

- Số tiền thu nợ kì thứ i = a –  $Li$

- ❖ Thu nợ và lãi vay mỗi kì giảm dần (khách hàng trả góp theo gốc trả đều mỗi kì, lãi giảm dần dựa trên số gốc còn lại)

$$a_i = V + Li$$

$$V = V_0 / n$$

$$Li = Vi * r$$

Trong đó:  $a_i$ : số tiền thu nợ và lãi kỳ thứ i

$V_0$ : dư nợ cho vay ban đầu

r: lãi suất cho vay

$Li$ : số lãi vay kỳ thứ i

n: số kỳ khách hàng trả góp

V: số tiền thu nợ đều đặn bằng nhau mỗi kỳ

$Vi$ : dư nợ cho vay còn lại đầu kỳ thứ i

#### **1.5.4.3. Thu nợ và lãi với định kì không ghi cụ thể trong HĐTD**

Trường hợp này được NH áp dụng trong cho vay ngắn hạn theo phương thức cho vay thấu chi, cho vay theo hạn mức tín dụng. đặc điểm của cho vay loại này là dư nợ cho vay luôn biến động, định kì hạn nợ trong HĐTD không rõ ràng vì còn phụ thuộc nguồn thu nhập của KH. Thông thường, NH sẽ thu nợ và thu lãi như sau :

- Thu nợ ngay khi khách hàng có nguồn thu nộp vào ngân hàng

- Thu lãi cho vay

Thu lãi cho vay (tháng) = Tổng tích số dư nợ cho vay (tháng) x Lãi suất cho vay tháng/30

## **1.6. Quy trình kế toán theo các phương thức cho vay chủ yếu**

### **1.6.1. Quy trình kế toán cho vay từng lần**

Khi có nhu cầu vay, người vay làm đơn xin vay gửi tới NH để trình bày lý do, số tiền, mục đích sử dụng và kế hoạch trả nợ. Đây là căn cứ để ngân hàng xem xét, tính toán và quyết định cho vay. Sau khi được bộ phận tín dụng thẩm định, nếu khoản vay được giám đốc kí duyệt cho vay thì bộ phận tín dụng chuyển hồ sơ cho bộ phận kế toán thực hiện nghiệp vụ hạch toán kế toán, giải ngân.

Bộ phận kế toán tiến hành kiểm soát lại và hướng dẫn KH lập các chứng từ kế toán nhận tiền vay. Nếu KH dùng đơn xin vay kèm giấy nhận nợ thì không phải lập khế ước tiền vay, khi lập khế ước tiền hay đơn xin vay kèm giấy nhận nợ thì phải đầy đủ số liên quy định và ghi đầy đủ các yếu tố trên mẫu in sẵn để đảm bảo tính pháp lý cho chứng từ cho vay.

Trường hợp khoản cho vay phát tiền vay nhiều lần thì không nhất thiết mỗi lần phát tiền vay phải lập khế ước vay tiền riêng, mà có thể lập một khế ước cho cả khoản vay đó, quá trình phát tiền vay sẽ được theo dõi ở mặt sau của khế ước. Sau khi hoàn thành các thủ tục giấy tờ cho vay theo đúng quy định, kế toán thực hiện thanh toán và tiến hành hạch toán nghiệp vụ căn cứ vào các chứng từ.

#### **1.6.1.1. Kế toán nghiệp vụ cho vay (giải ngân)**

Căn cứ vào chứng từ nhận tiền như giấy lĩnh tiền mặt nếu giải ngân bằng tiền mặt hoặc ủy nhiệm chi nếu giải ngân bằng chuyển khoản kế toán ghi vào sổ chi tiết hoặc nhập dữ liệu vào máy tính:

Nợ TK 2111 – Số tiền cho khách hàng vay

Có TK 1011 (Nếu cho vay bằng tiền mặt) – Số tiền cho KH vay

Hoặc Có TK 4211 (Nếu cho vay bằng chuyển khoản) – Số tiền cho KH vay

Hoặc Có TK 5012 (Nếu người thu hưởng có TK ở NH khác hệ thống với NH cho vay) – Số tiền cho KH vay

Hoặc Có TK 5211/5111 (Nếu người thụ hưởng có TK ở NH cùng hệ thống với NH cho vay) – Số tiền cho KH vay

Đối với những hợp đồng vay có tài sản thế chấp, cầm cố, kế toán căn cứ vào biên bản định giá TSTC, cầm cố để hạch toán ngoại bảng:

Nhập TK 994 : Giá trị tài sản thế chấp, cầm cố của khách hàng.

Giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp, cầm cố phải được lưu trữ và bảo quản theo đúng quy định.

Để đảm bảo tiền vay trên HĐTD khớp đúng với số dư nợ trên tài khoản cho vay thì cuối định kì (tháng, quý), kế toán cho vay tiến hành sao kê số dư HĐTD với dư nợ tài khoản cho vay. Nếu có chênh lệch thì phải tìm nguyên nhân để điều chỉnh sao cho tổng dư nợ trên HĐTD phải bằng tổng dư nợ của các tài khoản cho vay tương ứng.

#### **1.6.1.2. Kế toán thu lãi cho vay**

- Kế toán thu lãi định kì :

Công thức tính lãi cho vay từng lần :

Lãi cho vay = Số tiền gốc cho vay \* Lãi suất (tháng)

+ Trường hợp hạch toán thu lãi theo phương thức thực thu – thực chi

Dựa vào chứng từ thu tiền KH, kế toán phản ánh thu lãi trực tiếp:

Nợ TK 1011 (1031) – Nếu KH trả bằng tiền mặt.

Nợ TK 4211 (4221), 4251, 4261 – Nếu KH trích TK tiền gửi để trả lãi.

Có TK 702 – Số lãi thu

+ Trường hợp hạch toán thu lãi theo phương thức dự thu – dự chi

✓ Khi đến hạn thu lãi, kế toán lập chứng từ để tính lãi dự thu :

Nợ TK 3941, 3942 – Số lãi dự thu

Có TK 702 – Số lãi dự thu

✓ Khi thu được lãi của KH, dựa vào chứng từ thu tiền ghi :

Nợ TK 1011 (1031) – Nếu KH trả bằng tiền mặt.

Nợ TK 4211 (4221), 4251, 4261 – Nếu KH trích TK tiền gửi để trả lãi.

Có TK 3941, 3942 – Số lãi thu được

✓ Khi quá thời gian quy định (90 ngày) không thu được lãi thì thoái thu.

Nợ TK 702 – Số lãi dự thu thoái thu

Có TK 3941, 3942 – Số lãi dự thu thoái thu

Đồng thời Nhập TK 941

Nợ TK 941 – Số lãi dự thu thoái thu.

✓ Sau khi thoái thu, NH thu được số lãi này :

Nợ TK 1011, 1031, 4211, 4221 – Số lãi thoái thu đã thu được

Có TK 702 – Số lãi thoái thu đã thu được

Đồng thời ghi Xuất TK 941

Có TK 941 – Số lãi thoái thu đã thu được.

- Kế toán thu lãi sau vào cuối kì hạn

Lãi cho vay = Số tiền gốc cho vay \* Lãi suất (tháng)

Hạch toán lãi dự thu, ghi :

Nợ TK 3941, 3942 – Số lãi dự thu

Có TK 702 – Số lãi dự thu

Khi đến hạn thanh toán nợ gốc và lãi vay, dựa vào chứng từ thu tiền, ghi:

Nợ TK 1011 (1031) – Nếu KH trả bằng tiền mặt.

Nợ TK 4211 (4221), 4251, 4261 – Nếu KH trích TK tiền gửi để trả lãi.

Có TK 3941, 3942 – Số lãi đã hạch toán dự thu

Có TK 702 – Số lãi cuối cùng nếu chưa hạch toán dự thu

### **1.6.1.3. Kế toán nghiệp vụ thu nợ gốc.**

Cơ sở để kế toán thu hồi các khoản cho vay từng lần là kì hạn nợ ghi trên Hợp đồng tín dụng, việc xác định kì hạn nợ là của cán bộ tín dụng nhưng việc theo dõi kì hạn nợ để thu hồi nợ là của nhân viên kế toán.

- Khi khách hàng trả nợ đúng hạn thì hạch toán :

Nợ TK 1011, 1031 – Nếu KH trả bằng tiền mặt

Nợ TK 4211, 4221, 4251, 4261 – Nếu KH trả bằng chuyển khoản.

Có TK 2111 – Số nợ gốc cho vay thu hồi

Đồng thời Xuất trả tài sản thế chấp của khách hàng.

Có TK 994 – Giá trị tài sản thế chấp

- Khi khách hàng không trả nợ đúng hạn đã cam kết thì hạch toán

Nợ TK 2112, 2113, 2114, 2115 – Số vốn chuyển nợ

Có TK 2111 – Số vốn chuyển nợ

### **1.6.2. Quy trình kế toán cho vay theo hạn mức tín dụng**

Khi có nhu cầu vay, KH chỉ cần lập ủy nhiệm chi, séc rút tiền mặt để rút tiền nhưng không được rút quá hạn mức tín dụng. Căn cứ vào các chứng từ của KH trong phạm vi hạn mức tín dụng cho phép, nếu thấy đủ điều kiện để thực hiện phát tiền vay thì NH sẽ cho KH vay. Kế toán là người chịu trách nhiệm theo dõi chặt chẽ dư nợ TK cho vay của KH để đảm bảo nguyên tắc tiền vay không vượt quá hạn mức tín dụng đã thỏa thuận

Khi có nghiệp vụ phát sinh, kế toán kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp của chứng từ rồi đối chiếu với hạn mức tín dụng trong hợp đồng tín dụng đã ký kết.

#### **1.6.2.1. Kế toán giai đoạn cho vay**

Căn cứ chứng từ giải ngân, số tiền vay nằm trong hạn mức tín dụng còn lại, kế toán hạch toán:

Nợ TK 2111 – Số tiền cho vay

Có TK 1011, 1031 – Nếu phát vay bằng tiền mặt

Có TK 4211, 4221 – Nếu phát vay bằng chuyển khoản.

Có TK 5111, 5012, 5211 – Nếu chuyển khoản khác ngân hàng

Đối với các khoản vay có thế chấp, nhập tài sản vào TK 994, 996

Nhập : Nợ TK 994, 996 – Giá trị tài sản thế chấp

#### **1.6.2.2. Kế toán giai đoạn thu lãi**

Công thức tính lãi = Tổng tích số lãi trong tháng \* Lãi suất/30 ngày

Vào ngày cân đối tháng, trích TK tiền gửi khách hàng

Nợ TK 4211, 4221, 4251, 4261 – Số lãi thu

Có TK 702 – Số lãi thu

#### **1.6.2.3. Kế toán thu nợ gốc**

Căn cứ vào cam kết trả nợ trên Hợp đồng tín dụng, khi có tiền thu bán hàng hoặc thu nhập khác dùng cho trả nợ thì KH có thể thỏa thuận với NH thu trực tiếp vào tài khoản cho vay thông qua tài khoản thanh toán của KH:



Khi thu nợ gốc, kế toán hạch toán :

Nợ TK 1011, 1031 – Nếu thu nợ bằng tiền mặt

Nợ TK 4211, 4221, 4251, 4261 – Nếu trích trên TK tiền gửi của người vay

Có TK 2111 – Số nợ gốc phải thu hồi

Đồng thời làm thủ tục Xuất tài sản thế chấp

Có TK 994, 996 – Giá trị tài sản thế chấp.

Nếu KH vi phạm cam kết trả nợ, NH sẽ điều chỉnh sang nợ không đủ tiêu chuẩn và áp dụng lãi quá hạn, trường hợp này kế toán lập chứng từ lưu hồ sơ cho vay.

### **1.6.3. Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng rủi ro : là số tiền được trích lập và hạch toán vào chi phí hoạt động để dự phòng cho những tổn thất có thể xảy ra đối với nợ của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Hiện nay, ở Việt Nam việc trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro được thực hiện theo quyết định 493/2005-QĐ-NHNN ngày 22/04/2005. Các NH phân loại nợ theo 5 nhóm và trích lập như sau:

- Nhóm 1( Nợ đủ tiêu chuẩn) bao gồm: Các khoản nợ trong hạn và TCTD đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả gốc và lãi đúng hạn. Đối với loại này, NH không phải trích lập dự phòng

- Nhóm 2 ( Nợ cần chú ý ) bao gồm : các khoản nợ được tổ chức tín dụng đánh giá là có khả năng thu đầy đủ cả nợ gốc và lãi nhưng có dấu hiệu KH suy giảm khả năng trả nợ. NH tiến hành trích lập dự phòng 5%

- Nhóm 3 ( Nợ dưới tiêu chuẩn ) bao gồm: các khoản nợ được tổ chức tín dụng đánh giá là không có khả năng thu đầy đủ cả nợ gốc và lãi khi đến hạn. Các khoản này được đánh giá là có khả năng tổn thất một phần nợ gốc và lãi. NH tiến hành trích lập dự phòng 20%.

- Nhóm 4 ( Nợ nghi ngờ ) bao gồm:các khoản nợ được tổ chức tín dụng đánh giá là có khả năng tổn thất cao, sẽ trích lập 50%.

- Nhóm 5 ( Nợ có khả năng mất vốn ) bao gồm:các khoản nợ được tổ chức tín dụng đánh giá là không có khả năng thu hồi, mất vốn, NH trích lập 100%.

Riêng các khoản nợ khoanh chờ Chính phủ xử lý thì được trích lập cụ thể theo khả năng tài chính của tổ chức tín dụng.

Số tiền dự phòng cụ thể đối với từng khoản nợ được tính theo công thức sau :

$$R = \text{Max} \{0, (A - C)\} \times r$$

Trong đó :

- **R** : số tiền dự phòng cụ thể phải trích.
- **A** : số dư nợ gốc của khoản nợ.
- **C** : giá trị khấu trừ của tài sản bảo đảm.
- **r** : tỷ lệ trích lập dự phòng cụ thể.

Ngoài các khoản dự phòng cụ thể, tổ chức tín dụng còn phải trích lập dự phòng chung, được trích bằng 0,75% tổng giá trị các khoản nợ từ nhóm 01 đến nhóm 04.

### **1.7. Đánh giá một số công trình nghiên cứu cùng lĩnh vực**

Đề tài “ kế toán cho vay tại ngân hàng” trong những năm gần đây đã được nhiều tác giả đi sâu tìm hiểu và nghiên cứu. Tuy nhiên ở mỗi đề tài lại có một số điểm khác nhau ở cách trình bày và thể hiện ý tưởng của mình trên cơ sở lý luận chung về cách hạch toán kế toán cho vay theo quy định của hệ thống NHTM. Cụ thể, theo em tìm hiểu thì có 2 khóa luận liên quan là khóa luận “ Thực trạng và giải pháp kế toán cho vay tại Chi nhánh ngân hàng công thương tỉnh Lạng Sơn” của tác giả Vũ Ánh Nguyệt – khoa kế toán, trường Học viện ngân hàng và khóa luận “ Thực trạng và Giải pháp hoàn thiện nghiệp vụ kế toán cho vay tại ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam Techcombank” của tác giả Nguyễn Thúy Lan- lớp NHE-K6- Khoa ngân hàng, trường Học viện tài chính.

- Khóa luận “Thực trạng và giải pháp kế toán cho vay tại Chi nhánh ngân hàng công thương tỉnh Lạng Sơn” của tác giả Vũ Ánh Nguyệt – khoa kế toán, trường Học viện ngân hàng đã trình bày khá chi tiết và đầy đủ phần cơ sở lý luận về các nghiệp vụ kế toán cho vay trong NHTM từ giai đoạn giải ngân, thu nợ, thu lãi đến hạch toán nợ quá hạn. Ngoài ra, khóa luận còn trình bày thêm việc thu nợ, thu lãi thông qua phần mềm INCAS trong hệ thống NH Công thương Việt Nam.

- Khóa luận “Thực trạng và Giải pháp hoàn thiện nghiệp vụ kế toán cho vay tại ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam Techcombank” của tác giả Nguyễn Thúy Lan- lớp NHE-K6- Khoa ngân hàng, trường Học viện tài chính cũng trình bày khá chi

tiết và đầy đủ nội dung của quá trình hạch toán cho vay, nêu rõ đặc điểm, yêu cầu và trình tự luân chuyển chứng từ trong quá trình hạch toán nghiệp vụ cho vay.

- Tuy nhiên, bên cạnh những điểm tốt thì điểm hạn chế của cả 2 khóa luận trên là ở phần thực trạng chưa nêu ra được các ví dụ cụ thể trong từng trường hợp cho vay, cách tính lãi vay trong các trường hợp khác nhau, đi kèm theo đó là các mẫu chứng từ đặc trưng trong từng giai đoạn.

Trên cơ sở những ưu điểm nổi bật của 2 khóa luận trên, khóa luận của em có kế thừa các khóa luận trước đó là: cùng phân tích và trình bày chi tiết nghiệp vụ kế toán cho vay thông qua 2 hình thức cho vay chủ yếu hiện nay là cho vay từng lần và cho vay theo hạn mức tín dụng, tuy nhiên khóa luận của em có một số điểm nổi bật hơn như sau:

- Trong phần cơ sở lí luận em có đưa thêm vào các thông tư, nghị định và cách phân loại các nhóm nợ nhằm giúp việc hạch toán và chuyển nhóm nợ của kế toán được cụ thể, chính xác hơn. Ngoài ra, trình bày rõ hơn về việc hạch toán các nghiệp vụ trong từng giai đoạn : giải ngân, thu nợ, thu lãi, lập dự phòng...thông qua các tài khoản và chú thích chi tiết. Từ đó, có cơ sở để đưa ra các biện pháp nhằm hoàn thiện nghiệp vụ kế toán cho vay tại Chi nhánh.

- Trong phần thực trạng, với từng giai đoạn trong quá trình cho vay, em có trình bày chi tiết các ví dụ minh họa cụ thể cho từng trường hợp từ giai đoạn giải ngân đến việc thu nợ, thu lãi đến chuyển nợ quá hạn, đi kèm theo đó là các mẫu chứng từ áp dụng trong thực tế tại Chi nhánh ngân hàng em nghiên cứu đề tài, cụ thể như: Hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ, Biên bản giao nhận tài sản....

## CHƯƠNG 2

### THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHO VAY KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN TẠI AGRIBANK VIỆT NAM CHI NHÁNH NGHI XUÂN – HÀ TĨNH

#### 2.1. Tổng quan về NHNo&PTNT Chi nhánh huyện Nghi Xuân

##### 2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của chi nhánh

NHNo&PTNT Chi nhánh Nghi Xuân được thành lập theo quyết định số 156/NHNN- QĐ ngày 04/05/1988, chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/07/1988. Trụ sở chính đóng tại thị trấn Nghi Xuân – huyện Nghi Xuân – tỉnh Hà Tĩnh. Là một đơn vị trong hệ thống NHNo&PTNT Việt Nam.

- Giai đoạn 1993- 1996: Tình hình kinh tế huyện Nghi Xuân có bước phát triển, Chi nhánh đã tập trung chỉ đạo đổi mới cơ chế kinh doanh theo hướng thay đổi cơ cấu đầu tư vốn từ quốc doanh là chủ yếu sang hộ sản xuất cá thể, thực hiện khoán tài chính, gắn hiệu quả kinh doanh với lợi ích của người lao động. Bên cạnh hình thức huy động vốn truyền thống như tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi các tổ chức kinh tế, Chi nhánh mở rộng quan hệ với các tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế- xã hội để huy động vốn.

- Năm 1997: với phương châm “khách hàng là thượng đế”, NHNo&PTNT huyện Nghi Xuân tạo mọi điều kiện thuận lợi cho nghiệp vụ gửi và lĩnh tiền mặt thông qua việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất nên thu hút được nhiều KH làm doanh thu tăng mạnh.

Sau 5 năm thực hiện QĐ số 67/1999/QĐ-TTg ngày 30-03-1999 của Thủ tướng Chính Phủ về một số chính sách tín dụng ngân hàng phục vụ phát triển nông nghiệp và nông thôn, NH đã đạt được những thành tích cao như nguồn vốn huy động từ nhân dân chiếm tỷ trọng cao, gia tăng hộ cho vay trong vùng...

- Giai đoạn 2004 - 2009 là giai đoạn phát triển rực rỡ nhất của NHNo&PTNT huyện Nghi Xuân, là giai đoạn áp dụng cơ chế giao dịch một cửa và bước đầu đạt được những thành công. Nguồn huy động trong giai đoạn này tiếp tục tăng trưởng. Năm 2009 tốc độ huy động vốn tại địa phương tăng 24,1 %, dư nợ trong công tác đầu tư tín dụng đạt tốc độ tăng 20,85%.

Chi nhánh đã đạt nhiều thành tích xuất sắc trong hoạt động kinh doanh, nổi bật như : Giải thưởng Anh hùng lao động trong thời kì đổi mới, Được ủy ban nhân dân huyện trao tặng nhiều bằng khen, Được trao tặng nhiều bằng khen, giấy khen trong phong trào thi đua của ngành NH.

### **2.1.2. Những hoạt động chủ yếu của chi nhánh**

NHNo&PTNT huyện Nghi Xuân hoạt động theo Luật các tổ chức Tín dụng Việt Nam. Ngoài chức năng là một NHTM, NHNo&PTNT huyện Nghi Xuân được xác định thêm nhiệm vụ đầu tư phát triển đối với khu vực nông thôn qua việc mở rộng đầu tư vốn trung và dài hạn để xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy hải sản góp phần thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hoá – hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn.

#### ***Các nghiệp vụ cơ bản của NHNo&PTNT huyện Nghi Xuân:***

##### ***❖ Nghiệp vụ huy động vốn***

Nghiệp vụ huy động vốn luôn được coi là nghiệp vụ khởi đầu tạo điều kiện cho sự hoạt động của NHNo&PTNT huyện Nghi Xuân. Thực chất của quá trình huy động vốn là việc tập hợp một bộ phận thu nhập quốc dân tạm thời nhàn rỗi trong quá trình sản xuất, phân phối và tiêu dùng, mà người chủ sở hữu của chúng gửi vào Ngân hàng để thực hiện các mục đích khác nhau. Nguồn huy động từ tiền gửi của khách hàng chiếm tỷ trọng lớn (hơn 60% năm 2007) trong tổng nguồn vốn của NHNo&PTNT huyện Nghi Xuân. Ngoài vốn huy động từ tiền gửi, vốn chủ sở hữu chiếm khoảng 7% và các nguồn vốn vay khác.

##### ***❖ Nghiệp vụ sử dụng vốn***

Hoạt động của NHTM để thu lợi nhuận vốn là quá trình biến tài sản nợ thành tài sản có khác nhau, trong đó cho vay và đầu tư là tài sản quan trọng nhất. Do vậy quản lý tài sản là nhiệm vụ quan trọng của NHTM để tránh rủi ro, đảm bảo an toàn vốn.

##### ***❖ Nghiệp vụ trung gian***

Ngoài 2 nghiệp vụ cơ bản trên Ngân hàng còn tiến hành các nghiệp vụ trung gian như: dịch vụ chuyển khoản, dịch vụ cung cấp các công cụ thanh toán, dịch vụ thu hộ - chi hộ, dịch vụ chuyển tiền, dịch vụ kiều hối – thu đổi ngoại tệ, dịch vụ thuê mua và bảo lãnh, dịch vụ tư vấn thông tin,... Vai trò của các nghiệp vụ trung gian này là bổ

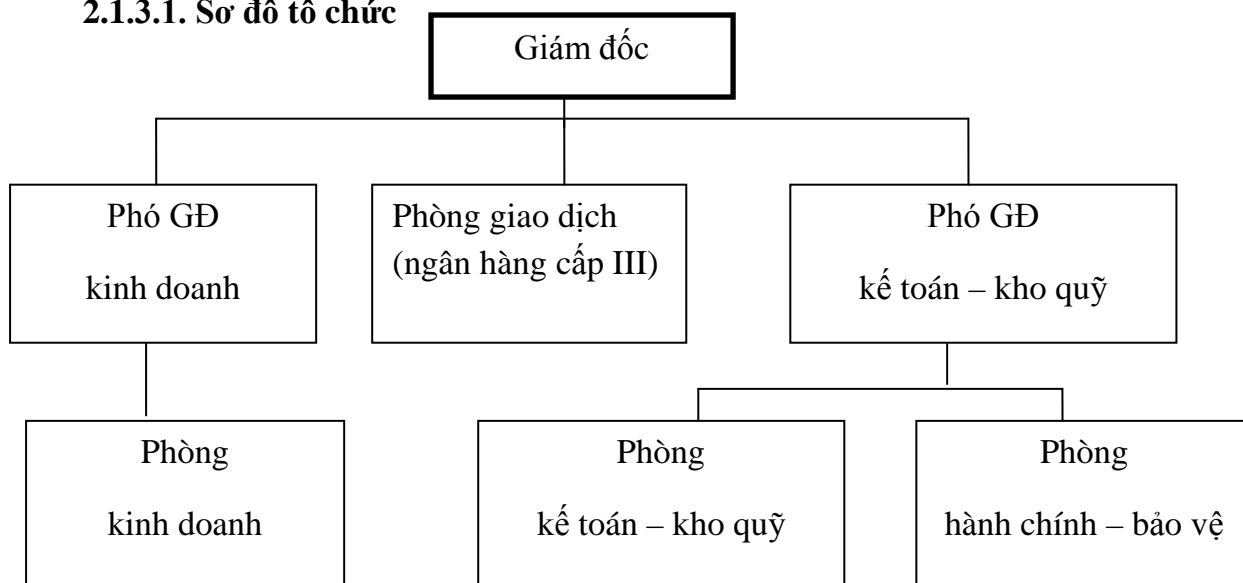
sung thêm vào các nghiệp vụ cơ bản, nó tạo giá trị gia tăng và có thể tạo ra sự khác biệt của Ngân hàng trong cạnh tranh.

❖ **Các nghiệp vụ khác:**

- Hoạt động thanh toán quốc tế
- Hoạt động thanh toán ngân quỹ
- Kiểm tra kiểm toán nội bộ

**2.1.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy, chức năng và nhiệm vụ của các phòng ban**

**2.1.3.1. Sơ đồ tổ chức**



**Sơ đồ 2.1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của NHNo&PTNT Chi nhánh huyện Nghi Xuân**

**2.1.3.2. Chức năng và nhiệm vụ của các phòng ban**

❖ *Ban giám đốc:* gồm 01 giám đốc và 02 phó giám đốc có chức năng lãnh đạo và điều hành mọi hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

❖ *Giám đốc Chi nhánh:* là người đại diện pháp nhân điều hành trực tiếp mọi hoạt động của Chi nhánh.

❖ *Phó Giám đốc kinh doanh:* có nhiệm vụ tổ chức hoạt động tín dụng của Chi nhánh

❖ *Phó Giám đốc kế toán - kho quỹ:* Có nhiệm vụ tổ chức hoạt động kế toán, kho quỹ, hành chính

❖ *Phòng tín dụng:* Có nhiệm vụ đảm nhiệm công tác huy động vốn, thẩm định và tái thẩm định cho vay, kiểm tra báo cáo hoạt động kinh doanh; tham mưu cho ban

giám đốc trong công tác chỉ đạo mảng tín dụng đồng thời chỉ đạo các phòng giao dịch trong lĩnh vực tín dụng

❖ *Phòng kế toán – ngân quỹ* : Có nhiệm vụ hạch toán kế toán, hạch toán thống kê và thanh toán; tổng hợp, lưu giữ hồ sơ, tài liệu; thực hiện chế độ quyết toán hàng năm; tổ chức kiểm tra, báo cáo chuyên đề.

❖ *Phòng hành chính – bảo vệ* : có nhiệm vụ thực hiện các công tác hậu cần phục vụ nội bộ Chi nhánh, nhận, giữ các công văn, tài liệu, bảo vệ an toàn tài sản cơ quan

#### **2.1.4. Tình hình lao động của chi nhánh**

- Về cán bộ, chi nhánh có 38 nhân viên. Trong đó có giám đốc, phó giám đốc, 2 trưởng phòng nghiệp vụ, 2 phó phòng nghiệp vụ, 2 giám đốc chi nhánh cấp III

- Năm 2011 : Chi nhánh có 38 người trong đó:

- Đại học: 18 người

- Cao đẳng và Trung Cấp: 20 người

- Năm 2012: Chi nhánh có 38 người trong đó:

- Đại học: 22 người

- Cao đẳng và trung cấp: 16 người

- Năm 2013: Chi nhánh có 38 người trong đó:

- Đại học: 24 người

- Cao đẳng và Trung cấp: 14 người

#### **2.2. Tình hình hoạt động của NHNo & PTNT Chi nhánh huyện Nghi Xuân**

##### **2.2.1. Hoạt động huy động vốn**

Để tồn tại và phát triển lâu dài thì bất kể doanh nghiệp nào cũng cần phải có một nguồn vốn nhất định, nó vừa là nền tảng tạo dựng doanh nghiệp, vừa là yếu tố giúp doanh nghiệp đi lên và đứng vững trên thị trường. Và đối với các NHTM cũng vậy, nguồn vốn có ý nghĩa vô cùng quan trọng, vốn vừa là phương tiện kinh doanh chính vừa là đối tượng kinh doanh chủ yếu, vốn quyết định đến quy mô hoạt động, uy tín, khả năng thanh toán, khả năng cạnh tranh trên thị trường của các ngân hàng.

Cũng như các tổ chức kinh doanh khác, NHTM thường xuyên phải tìm nguồn tài trợ cho tài sản đưa vào các hoạt động kinh doanh của mình, nguồn tài trợ chủ yếu là huy động vốn. Huy động vốn là nguồn vốn chủ yếu và thường xuyên nhất của NHTM,

là việc huy động tiền nhàn rỗi của các cá nhân, doanh nghiệp, hay các tổ chức dưới các hình thức tiền gửi, tiền gửi tiết kiệm... Và kết quả huy động vốn của NHNo & PTNT Chi nhánh huyện Nghi Xuân được thể hiện qua bảng số liệu sau :

**Bảng 2.1. Tình hình huy động vốn tại NHNo&PTNT huyện Nghi Xuân**

*Dvt : Triệu đồng*

Chỉ tiêu	2011	2012	2013	So sánh			
				2012/2011		2013/2012	
				+ / -	%	+ / -	%
<b>Nguồn vốn nội tệ</b>	<b>448.156</b>	<b>696.654</b>	<b>788.660</b>	<b>248.498</b>	<b>55,45</b>	<b>92.006</b>	<b>13,21</b>
TG TCKT	26.938	24.496	18.880	(2.442)	(9,07)	(5.616)	(22,93)
TG dân cư	421.218	672.158	769.780	250.940	59,57	97.622	14,52
Trong đó :							
TG không kì hạn	28.037	35.337	19.498	7.300	26,04	(15.839)	(44,82)
TG có kì hạn dưới 12T	381.044	616.080	743.561	235.036	61,68	127.481	20,69
TG từ 12T - 24T	39.075	45.237	25.601	6.162	15,77	(19.636)	(43,41)
TG từ 24T trở lên							
<b>Nguồn vốn ngoại tệ</b>	<b>4.276</b>	<b>4.303</b>	<b>4.618</b>	<b>27</b>	<b>0,63</b>	<b>315</b>	<b>7,32</b>
TG TCKT							
TG dân cư	4.276	4.303	4.618	27	0,63	315	7,32
<b>Tổng</b>	<b>452.432</b>	<b>700.957</b>	<b>793.278</b>	<b>248.525</b>	<b>54,93</b>	<b>92.321</b>	<b>13,17</b>

*(Nguồn số liệu : Phòng kế toán Chi nhánh NHNo & PTNT Huyện Nghi Xuân)*

Qua bảng số liệu phân tích trên ta thấy, tình hình huy động vốn trong những năm qua tại Chi nhánh NHNo & PTNT Huyện Nghi Xuân diễn biến theo chiều hướng gia tăng cả về nguồn vốn nội tệ và ngoại tệ. Nhờ đảm bảo được mức lãi suất phù hợp, chính sách huy động và hỗ trợ KH đa dạng, phù hợp đáp ứng nhu cầu KH, đi kèm theo đó là tình hình kinh tế - xã hội của huyện nhà có bước tiến triển, đổi mới hơn qua các năm nên nguồn vốn huy động được từ dân cư cũng góp phần vào việc làm tăng hiệu quả huy động vốn tại NH, cụ thể như sau :

Năm 2012, tổng nguồn vốn huy động tại chi nhánh tăng 248.525 triệu đồng tương ứng tăng 54,93% so với năm 2011. Đây có thể nói là một kết quả đáng ghi nhận của chi nhánh. Bên cạnh nguyên nhân chủ quan là việc đưa ra các mức lãi suất phù



hợp theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức định kỳ các ngày mở thưởng, ưu đãi ...thì nguyên nhân khách đó là việc tăng lên của nền kinh tế huyện nhà, tác động một phần đến đời sống dân cư. Năm 2012, tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh Hà Tĩnh là 14%, cao hơn mục tiêu đề ra là 12,5% - 13%, cao hơn mức tăng trưởng của năm 2011 là 11,2%. Bên cạnh sự tăng trưởng vượt kế hoạch của toàn tỉnh thì tình hình kinh tế huyện Nghi Xuân cũng có mức tăng trưởng cao hơn năm 2011 là 3%. Tuy nhiên đến năm 2013, tổng nguồn vốn huy động vẫn tăng lên nhưng với tốc độ chậm hơn, chỉ tăng mức 13,17% tương ứng tăng 92.321 triệu đồng. Năm 2013 cũng là năm mà tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh nhà khá cao, đạt 16,5%, tuy nhiên đối với huyện Nghi Xuân – một huyện chủ yếu có dân cư đông hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, kinh doanh vừa và nhỏ thì trong năm qua, các thảm họa về thiên tai, bão lũ đã ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống nhân dân, nguồn kinh phí khắc phục hậu quả thiên tai không nhỏ, ước tính khoảng gần 10 tỷ đồng, do đó có phần ảnh hưởng đến tình hình hoạt động của NH.

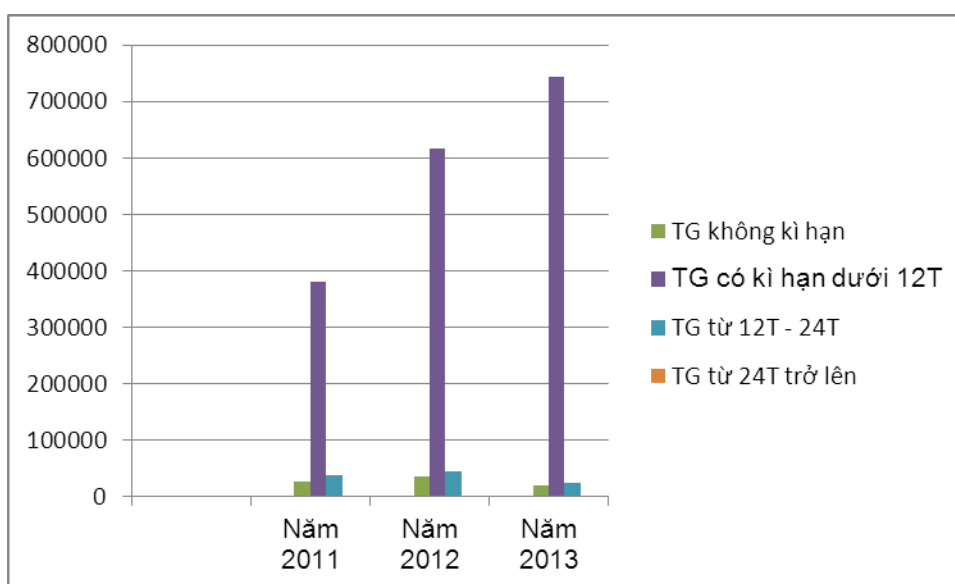
Chi nhánh huy động vốn bằng cả nguồn vốn nội tệ và ngoại tệ, tuy nhiên vốn nội tệ luôn chiếm tỷ trọng lớn và chủ yếu trong nhiều năm, đồng thời là nhân tố chủ yếu làm tăng giảm nguồn vốn huy động của ngân hàng.

❖ Về nguồn vốn ngoại tệ, năm 2012 chỉ tăng 27 triệu đồng tương ứng tăng 0,63% so với năm 2011 mà chủ yếu huy động từ tiền gửi dân cư. Nguyên nhân do trong năm này, số lượng người dân xuất khẩu lao động gửi tiền về gia đình tuy có tăng nhưng còn hạn chế bởi thời gian làm việc còn ngắn. Sang năm 2013, vốn ngoại tệ tăng khá cao với mức 7,32% tương ứng tăng 315 triệu đồng. Nguồn vốn này tập trung chủ yếu ở các vùng có lượng người đi xuất khẩu lao động cao như xã Xuân Song, Xuân Liên, Xuân Hội ...., và đây cũng là nơi dân cư có đời sống khá nhất.

❖ Về nguồn vốn nội tệ, đây là nguồn vốn huy động chủ yếu không chỉ của Chi nhánh mà còn của cả hệ thống NHNo & PTNT trên cả nước. Vốn nội tệ huy động từ hai nguồn chính là tiền gửi của các tổ chức kinh tế và tiền gửi từ dân cư, tuy nhiên tiền gửi từ dân cư vẫn chiếm tỷ trọng lớn hơn. Trong năm 2012, tiền gửi của các tổ chức kinh tế giảm 2.442 triệu đồng tương ứng giảm 9,07% so với năm 2011. Đến năm 2013, tiền gửi của các tổ chức kinh tế tiếp tục giảm 5.616 triệu đồng tương ứng giảm 22,93%. Nguyên nhân chủ yếu do trong giai đoạn 2012 – 2013, khi mức độ tăng

trường kinh tế của tỉnh nhà khá khởi sắc, các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn chủ yếu đầu tư nguồn vốn vào việc mở rộng quy mô sản xuất, đẩy mạnh xây dựng cơ sở hạ tầng nên việc tích trữ nguồn vốn tại NH sẽ bị hạn chế. Bởi vậy, đây cũng là nguyên nhân chủ yếu làm nguồn vốn nội tệ tăng với tốc độ chậm lại trong năm 2013, chỉ đạt mức 13,21%. Về tiền gửi dân cư, năm 2012 tổng mức tiền gửi tăng 250.940 triệu đồng tương ứng tăng 59,57% so với năm 2011. Nguyên nhân chủ yếu do trong năm này đời sống dân cư trên địa bàn phát triển hơn, tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống, thu nhập được cải thiện, bên cạnh đó uy tín về thương hiệu Agribank trên địa bàn huyện Nghi Xuân được quảng bá rộng rãi và chiếm được độ tin cậy cao của đa số người dân. Sang năm 2013, nguồn vốn huy động từ dân cư cũng tăng lên nhưng với tốc độ chậm hơn, tăng 97.622 triệu đồng tương ứng tăng 14.52%. Nguyên nhân chủ yếu do người dân sử dụng số vốn hiện có và tích góp được để mua sắm, xây dựng nhà cửa, nhằm cải thiện đời sống khi mức thu nhập đã tăng lên.

Sự gia tăng của nguồn vốn nội tệ qua 3 năm còn được thể hiện chi tiết hơn bởi sự ảnh hưởng của cả tiền gửi có kì hạn và tiền gửi không kì hạn, cụ thể được biểu hiện qua biểu đồ sau :



**Biểu đồ 2.1. Tình hình huy động vốn nội tệ của Chi nhánh qua 3 năm**

Dựa vào biểu đồ trên ta thấy, qua 3 năm nguồn vốn nội tệ chủ yếu của Chi nhánh chủ yếu là tiền gửi có kì hạn, chiếm trên 90%, còn tiền gửi không kì hạn chỉ chiếm một tỷ trọng nhỏ trong tổng nguồn vốn nội tệ huy động được.

❖ Về tiền gửi không kì hạn, năm 2012 tổng tiền gửi không kì hạn tăng 7.300 triệu đồng tương ứng tăng 26,04%. Tuy nhiên đến năm 2013 loại tiền này giảm xuống khá mạnh, giảm tới 44,82% tương ứng giảm 15.839 triệu đồng. Nguyên nhân do, tiền gửi không kì hạn là hình thức gửi tiết kiệm chủ yếu của các tổ chức kinh tế, doanh nghiệp trên địa bàn, vì các đối tượng này có nguồn vốn chủ yếu là để xoay vòng, ngoài ra nguồn vốn của họ không ổn định nên họ chỉ gửi không kì hạn để có thể rút tiền vào bất cứ lúc nào. Trong năm 2012, tiền gửi của các TCKT giảm nhẹ ở mức 9,07%, sang năm 2013 tỷ lệ này giảm mức 22,93% nên làm cho tiền gửi không kì hạn giảm tới 44,82% so với năm 2012.

❖ Về tiền gửi có kì hạn, qua 3 năm tiền gửi có kì hạn dưới 12 tháng tại NH luôn chiếm tỷ trọng lớn, chủ yếu là nguồn vốn của dân cư gửi vào. Năm 2012, TG kì hạn dưới 12 tháng tăng mạnh đạt mức 61,68% tương ứng tăng 235.036 triệu đồng so với năm 2011, đến năm 2013 loại tiền gửi này cũng tăng lên nhưng với tốc độ chậm hơn chỉ đạt 20,69% tương ứng tăng 127.481 triệu đồng. Nguyên nhân do, về khách quan : năm 2012 lãi suất huy động tương đối cao nên mức độ gửi tiền vào NH cũng gia tăng, ngoài ra tình hình kinh tế của người dân trên địa bàn cũng phát triển hơn. Về chủ quan : Chi nhánh đã thực hiện cơ chế khoán đến từng CBNV với mức huy động 300 triệu đồng/quý và tại Chi nhánh nhiều cán bộ đã thực hiện và hoàn thành tốt nhiệm vụ. Đến năm 2013, lãi suất huy động dưới 12 tháng giảm nhẹ, đồng thời dân cư tiến hành mua sắm, xây dựng tăng lên nên mức độ gửi tiền vào NH có xu hướng tăng chậm lại so với năm 2012.

Như vậy, qua quá trình phân tích trên ta thấy được công tác huy động vốn của NH đã đạt được những kết quả nhất định. Nguồn vốn huy động chủ yếu của Chi nhánh là TG có kì hạn dưới 12 tháng và chủ yếu là TG tiết kiệm của dân cư (chiếm trên 90% tổng nguồn vốn huy động). Để đạt được mức huy động tăng qua các năm chủ yếu do NH có chính sách huy động vốn phù hợp cùng với sự tích cực của CBNV đã tạo được sự tin tưởng cho KH, từ đó giúp NH có nguồn vốn dồi dào để thực hiện chiến lược kinh doanh ngày một tốt hơn trong dài hạn.

**2.2.2. Hoạt động sử dụng vốn**

Hoạt động của NH bao gồm 2 khâu cơ bản đó là huy động vốn và sử dụng vốn, ngân hàng là chủ thể “đi vay để cho vay” vì vậy việc sử dụng vốn có ý nghĩa rất quan trọng , nó quyết định đến sự sống còn của các ngân hàng. Với mục đích đưa vốn đến với khách hàng để họ phát triển sản xuất kinh doanh, ổn định đời sống, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế cũng là tạo được lợi nhuận kinh doanh cho ngân hàng để ngân hàng ngày càng phát triển.

NHNo&PTNT Chi nhánh huyện Nghi Xuân luôn chú trọng công tác huy động vốn đi đôi với việc mở rộng quy mô tín dụng, gắn nhiệm vụ cho vay với sự tồn tại và phát triển lâu dài của Ngân hàng, do hiệu quả cho vay ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh của Ngân hàng nói chung và chất lượng tín dụng nói riêng. Vậy để đánh giá được tình hình hoạt động sử dụng vốn và công tác quản lí nợ của Chi nhánh ta xem xét chi tiết bảng tình hình cho vay, thu nợ, dư nợ và nợ quá hạn qua 3 năm sau :

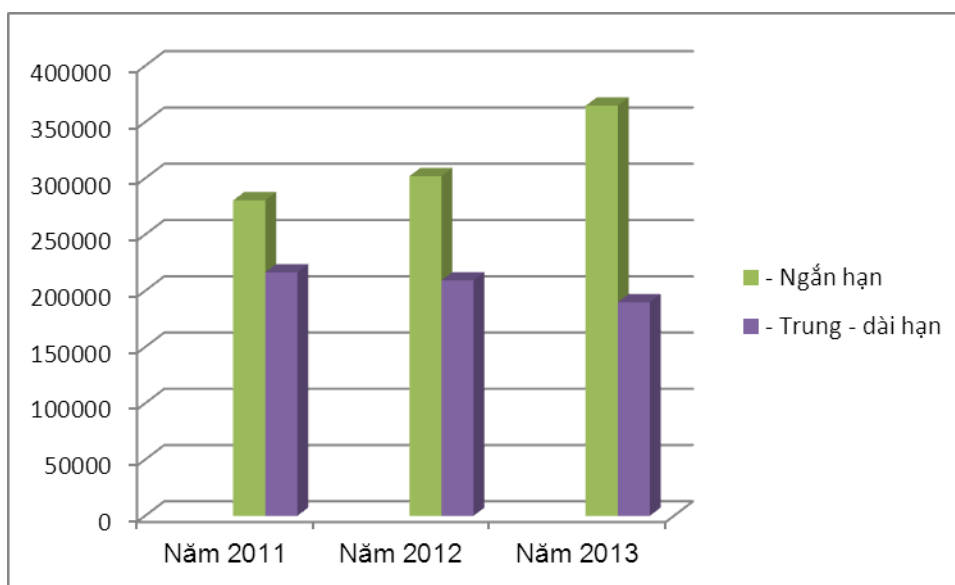
**Bảng 2.2. Tình hình cho vay, thu nợ, dư nợ, nợ quá hạn**

*Dvt : Triệu đồng*

Chỉ tiêu	2011	2012	2013	So sánh			
				2012/2011		2013/2012	
				+ / -	%	+ / -	%
<b>1. Doanh số cho vay</b>	496.884	511.225	554.375	14.341	2,89	43.150	8,44
- Ngắn hạn	280.430	301.931	364.537	21.501	7,67	62.606	20,74
- Trung - dài hạn	216.454	209.294	189.838	(7.160)	(3,31)	(19.456)	(9,30)
<b>2. Doanh số thu nợ</b>	447.663	486.921	466.850	39.258	8,77	(20.071)	(4,12)
- Ngắn hạn	272.496	280.914	292.478	8.418	3,09	11.564	4,12
- Trung - dài hạn	175.167	206.007	174.372	30.840	17,61	(31.635)	(15,36)
<b>3. Tổng dư nợ</b>	377.358	401.662	489.186	24.304	6,44	87.524	21,79
- Ngắn hạn	204.930	199.228	263.122	(5.702)	(2,78)	63.894	32,07
- Trung - dài hạn	172.428	202.434	226.064	30.006	17,40	23.630	11,67
<b>4. Nợ quá hạn</b>	5.660	6.025	5.381	36.456	6,44	(644)	(10,7)

*(Nguồn số liệu : Phòng kế toán Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Nghi Xuân)*

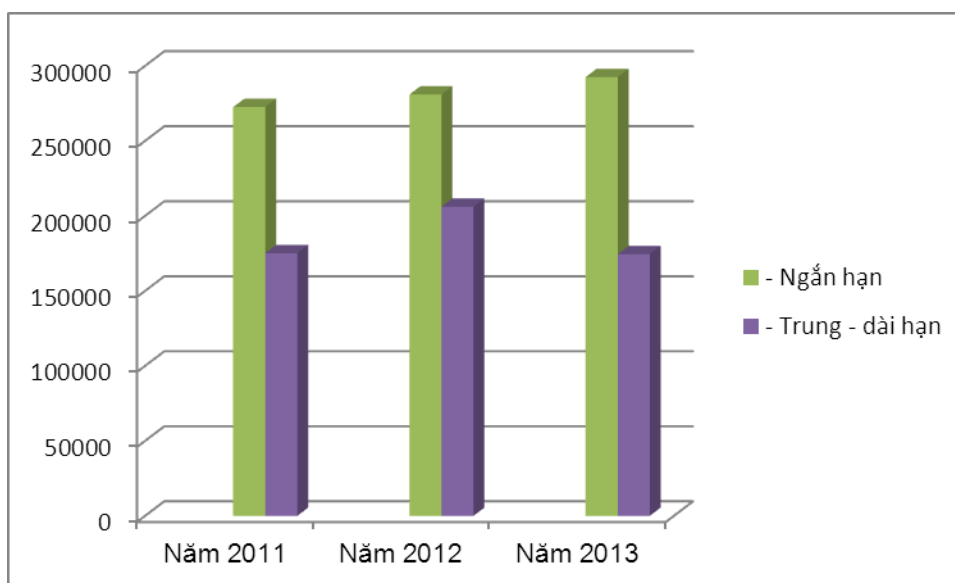
❖ Tình hình cho vay trong 3 năm 2011, 2012, 2013



**Biểu đồ 2.2. Tình hình cho vay qua 3 năm 2011 – 2013**

Về công tác cho vay, doanh số cho vay nói lên quy mô hoạt động của ngân hàng, phản ánh mối quan hệ và tình hình giao dịch vốn giữa ngân hàng với khách hàng. Dựa vào bảng số liệu và biểu đồ trên ta thấy, qua 3 năm quy mô tín dụng của ngân hàng có xu hướng tăng lên. Cụ thể, năm 2012 doanh số cho vay chỉ tăng 2,89% tương ứng tăng 14.341 triệu đồng so với năm 2011 thì đến năm 2013 doanh số cho vay tăng tới 8,44% tương ứng tăng 43.150 triệu đồng. Nguyên nhân làm chỉ số này tăng mạnh trong năm 2013 chủ yếu do nguồn cho vay ngắn hạn tăng nhanh đạt mức 20,74% trong khi đó năm 2012 chỉ tăng khoảng 7,67%. Ngoài ra, năm 2013 lãi suất cho vay giảm xuống còn 13%/năm, trong khi đó năm 2012 lãi suất cho vay là 15%/năm, với KH thì mức lãi suất giảm xuống cũng tạo được tâm lý an toàn hơn cho họ. Trong tổng doanh số cho vay thì cho vay ngắn hạn luôn chiếm tỷ trọng lớn bởi nguồn vốn cho vay tại NH chủ yếu là huy động ngắn hạn. Hơn nữa, nền kinh tế địa phương mặc dù phát triển đa ngành nghề nhưng phần lớn các ngành nghề có chu kỳ vốn ngắn hạn. Vì vậy, việc cho vay của NH thường tập trung vào cho vay ngắn hạn nhằm bổ sung nguồn vốn lưu động cho các tổ chức, cá nhân phục vụ cho việc SXKD, SXNN, xây dựng... Còn tín dụng trung và dài hạn chủ yếu giúp khách hàng mở rộng SXKD, phát triển cơ sở hạ tầng, mua sắm thiết bị máy móc sản xuất nên nhu cầu vay vốn ít.

❖ Tình hình thu nợ

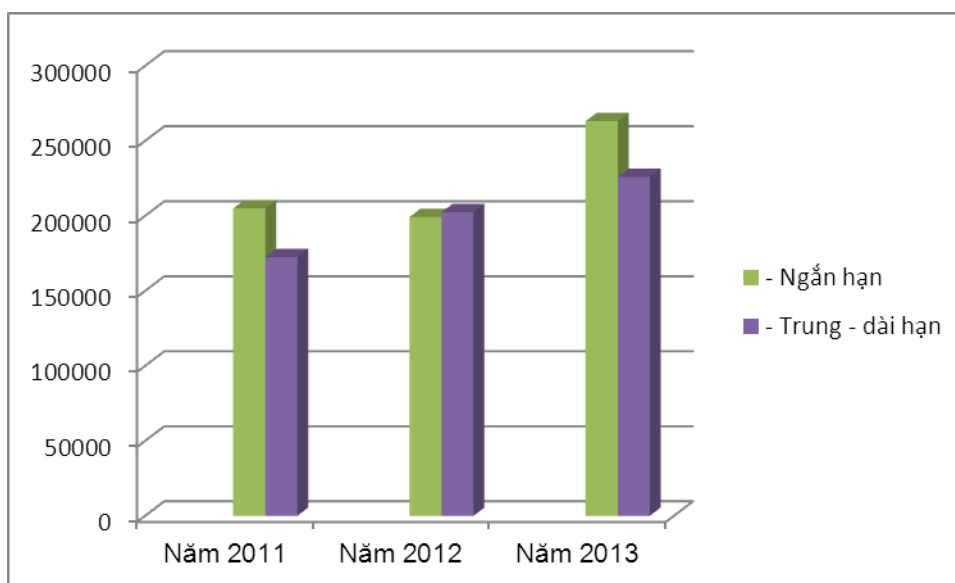


**Biểu đồ 2.3. Tình hình thu nợ qua 3 năm 2011 – 2013**

Cho vay và thu nợ là hai hoạt động có mối quan hệ chặt chẽ, tác động qua lại với nhau. Doanh số thu nợ phản ánh tình hình thu hồi nợ và là cơ sở xác định vòng quay chu chuyển của vốn vay. Một chu kì kinh doanh được xem là hiệu quả khi bảo toàn được vốn đầy đủ và có lợi nhuận.

Doanh số thu nợ tại chi nhánh qua 3 năm có sự biến động không ổn định. Năm 2012, doanh số thu nợ tăng 8,77% tương ứng tăng 39.258 triệu đồng, tuy nhiên đến năm 2013 con số này giảm xuống 4,12% tương ứng giảm 20.071 triệu đồng. Mặc dù doanh số cho vay qua các năm tăng nhưng doanh số thu nợ lại giảm là vì trong năm 2012 – 2013 tình hình lạm phát tăng cao, nền kinh tế chung của cả nước gặp không ít khó khăn nhưng với tỉnh nhà, tuy mức tăng trưởng kinh tế có tăng lên nhưng vẫn còn chậm nên tình hình trả nợ của KH cũng bị ảnh hưởng. Từ đó cho thấy, NH cần có những chính sách cụ thể và biện pháp thu hồi nợ chặt chẽ để công tác thu hồi nợ đạt được hiệu quả tốt nhất.

❖ Tình hình tổng dư nợ

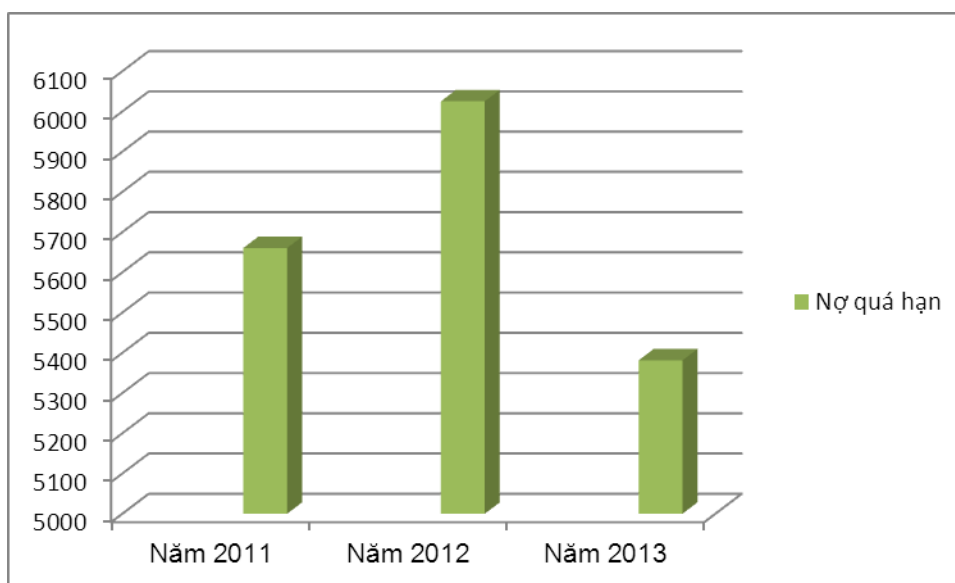


**Biểu đồ 2.4. Tình hình tổng dư nợ qua 3 năm 2011 - 2013**

Chỉ tiêu dư nợ phản ánh thực trạng của ngân hàng tại một thời điểm nhất định, có ý nghĩa quan trọng trong việc đánh giá hiệu quả hoạt động của NH, nó phản ánh số tiền mà NH còn phải thu từ KH vay vốn.

Nhờ sự gia tăng quy mô số lượng cho vay nên tổng dư nợ bình quân cũng tiếp tục gia tăng. Sau cơn sốt lãi suất năm 2008, 2009 thì tới năm 2010 trở đi lãi suất bắt đầu giảm và kể từ ngày 12/9/2011 Chi nhánh thực hiện theo quyết định số 6239/NHNo-KHTH về việc quy định lãi suất cho vay bằng đồng Việt Nam do Phó Tổng giám đốc phụ trách Agribank kí và thực hiện chỉ thị 01/CT – NHNN ngày 1/3/2011 của NHNN về “Thực hiện giải pháp tiền tệ và hoạt động ngân hàng nhằm kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô và đảm bảo an sinh xã hội” nên ngân hàng đã thu hút thêm được nhiều khách hàng vay và làm tổng dư nợ tăng lên.

❖ Tình hình nợ quá hạn



**Biểu đồ 2.5. Tình hình nợ quá hạn qua 3 năm 2011 -2013**

Trong quá trình hoạt động cho dù NH có hoạt động tốt như thế nào thì việc gặp phải rủi ro là không thể tránh khỏi, bởi vấn đề này chịu tác động tự nhiều phía mà NH không thể nào kiểm soát hết. Tình hình NQH tại Chi nhánh trong năm tăng 6,44% tương ứng tăng 365 triệu đồng so với năm 2011, nguyên nhân chủ yếu do :

- Lãi suất tín dụng còn cao, tình hình vay vốn của doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn dẫn tới chi phí giá thành sản phẩm cao, lợi nhuận giảm, kèm theo đó là năng lực tài chính suy giảm, vốn luân chuyển chậm, không thực hiện đúng kế hoạch trả nợ NH dẫn tới NQH tăng.

- Các doanh nghiệp khó khăn về tài chính đều gặp trở ngại trong việc thanh toán tiền hàng, việc thu tiền hàng bán chậm, doanh nghiệp không trả nợ đúng hạn và chuyển nợ quá hạn vào các nhóm nợ.

Năm 2013, tình hình NQH giảm xuống 10,7% tương ứng giảm 644 triệu đồng, đây có thể nói là một dấu hiệu tốt cho ngân hàng khi đã nỗ lực giải quyết và hạn chế được một khoản rủi ro tài chính.



2.2.3. Kết quả tài chính

**Bảng 2.3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

*Đvt : Triệu đồng*

Chi tiêu	Năm	2011	2012	2013	So sánh			
					2012/2011		2013/2012	
					+ / -	%	+ / -	%
<b>1. Doanh thu</b>		111042	121888	110330	10846	9.77	(11558)	(9.48)
Thu từ HĐTD		93109	103400	93018	10291	11.05	(10382)	(10.04)
Thu từ DV		1909	1863	2172	(46)	(2.41)	309	16.59
Thu dịch vụ kiều hối		109	144	126	35	32.11	(18)	(12.50)
Thu khác		15915	16481	15014	566	3.56	(1467)	(8.90)
<b>2. Chi phí</b>		80747	91381	79995	10634	13.17	(11386)	(12.46)
Chi HĐTD		61224	69063	57409	7839	12.80	(11654)	(16.87)
Chi dịch vụ		564	506	430	(58)	(10.28)	(76)	(15.02)
Chi dịch vụ kiều hối		14	25	15	11	78.57	(10)	(40.00)
Chi khác		18945	21787	22141	2842	15.00	354	1.62
<b>3. Lợi nhuận</b>		30295	30507	30335	212	0.70	(172)	(0.56)

*(Nguồn số liệu : Phòng kế toán Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Nghi Xuân)*

Qua số liệu trên ta thấy, tình hình lợi nhuận của Chi nhánh qua 3 năm có nhiều biến động. Năm 2012, tổng lợi nhuận của chi nhánh tăng nhẹ với mức 0,7% tương ứng tăng 212 triệu đồng, tuy nhiên đến năm 2013 lợi nhuận có xu hướng giảm nhẹ khoảng 0,56% tương ứng giảm 172 triệu đồng so với năm 2012. Mặc dù trong năm qua chi nhánh đã có nhiều nỗ lực trong việc cung cấp và phát triển, nâng cao chất lượng các dịch vụ NH nhưng bởi tốc độ gia tăng các khoản chi phí do có nhiều các khoản phát sinh cao hơn thu nhập NH đạt được nên tổng lợi nhuận giảm so với năm 2012. Cụ thể như sau :

Trong cơ cấu nguồn thu nhập thì nguồn thu từ hoạt động tín dụng chiếm tỷ trọng cao nhất, nên việc tăng giảm của nó ảnh hưởng trực tiếp lên tổng nguồn thu nhập của NH. Năm 2012, doanh số cho vay và doanh số thu nợ đều tăng làm cho doanh thu từ HĐTD tăng 10.291 triệu đồng tương ứng tăng 11,05% so với năm 2011. Tuy nhiên đến năm 2013, mặc dù doanh số cho vay tăng nhưng doanh số thu nợ giảm làm cho

thu nhập từ HĐTD cũng giảm xuống mức 10,04% tương ứng giảm 10.382 triệu đồng. Bên cạnh đó các nguồn thu từ dịch vụ kiều hối và thu khác cũng có xu hướng giảm dần trong năm 2013, mặc dù nguồn thu từ các hoạt động dịch vụ mà chủ yếu là dịch vụ thanh toán tăng lên 16,59% tương ứng tăng 309 triệu nhưng do chiếm tỷ trọng nhỏ nên vẫn không thể bù đắp được các khoản chi phí phát sinh.

Tương ứng với phần thu nhập thì chi phí mà NH phải chịu nhiều nhất là chi phí sử dụng vốn. Việc cho vay trong năm 2012 còn khó khăn bởi lãi suất huy động còn cao, chi phí để NH thực hiện xử lý rủi ro tín dụng khá cao nên làm cho chi phí HĐTD năm này tăng 12,8% tương ứng tăng 7.839 triệu đồng. Tuy nhiên, năm 2013 lãi suất cho vay giảm xuống, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho KH trả nợ nên chi phí cho hoạt động nay đã giảm xuống 16,18%.

NHNo&PTNT Chi nhánh huyện Nghi Xuân là một ngân hàng quốc doanh nên không giống như các tổ chức kinh doanh khác luôn đặt mục tiêu lợi nhuận lên hàng đầu, mà nó hoạt động vì mục đích xã hội, nhằm đưa nền kinh tế huyện nhà phát triển cùng với sự phát triển của xã hội. Nhưng để thực hiện được vai trò của mình thì hoạt động của ngân hàng phải thực sự có hiệu quả, tức là NH phải hoạt động làm sao trang trải được chi phí của mình đồng thời phải có tích lũy để đầu tư mở rộng. NHNo&PTNT Chi nhánh huyện Nghi Xuân trong 3 năm qua đã làm được điều đó, mặc dù nền kinh tế còn nhiều khó khăn nhưng nhìn chung hoạt động của NHNo&PTNT Chi nhánh huyện Nghi Xuân vẫn tương đối ổn định và đạt được kế hoạch đề ra.

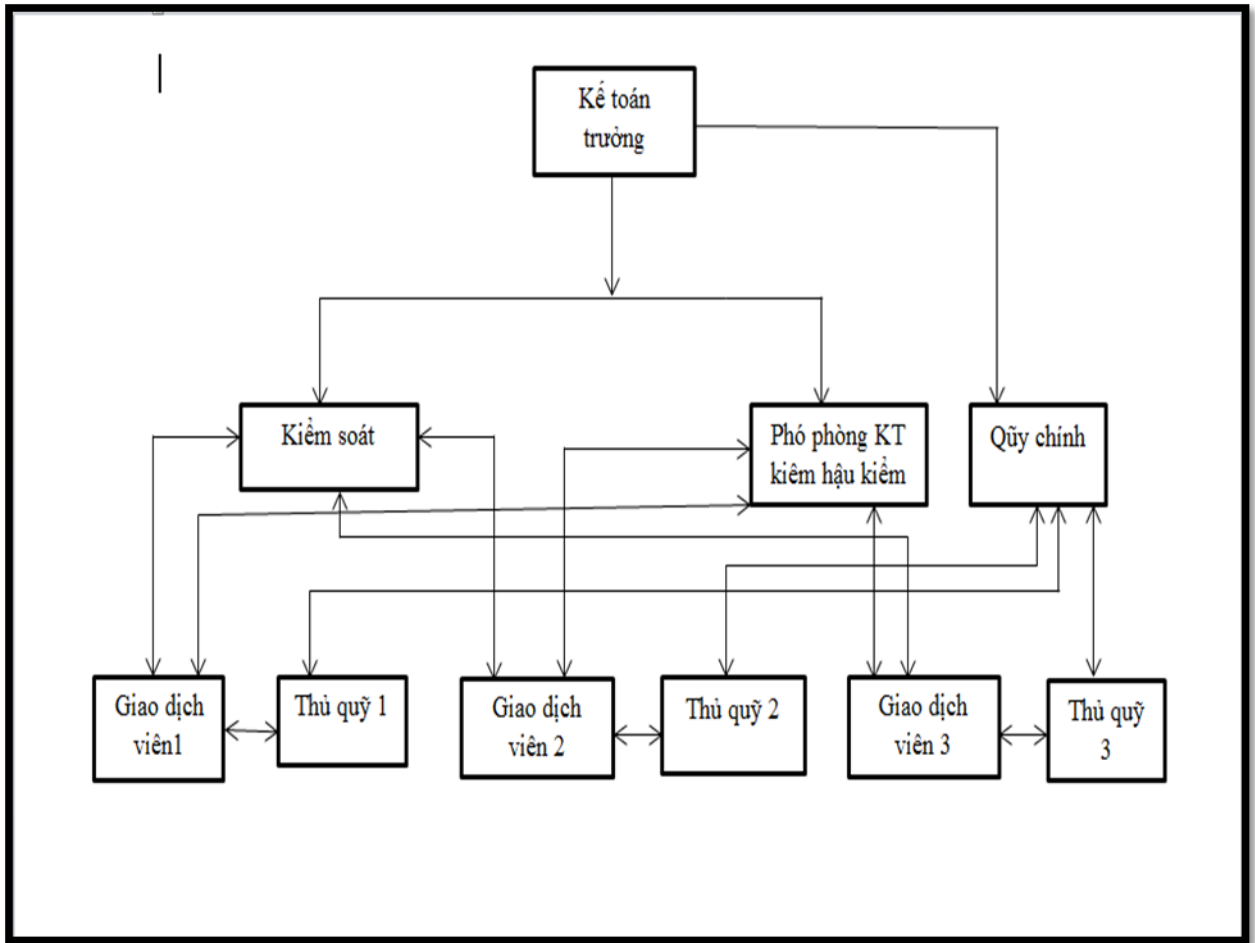
### **2.3. Tổ chức công tác kế toán tại ngân hàng**

#### **2.3.1. Tổ chức bộ máy kế toán**

Bộ máy kế toán của Chi nhánh có nhiệm vụ tổ chức thực hiện toàn bộ công tác kế toán, thu thập xử lý thông tin giúp giám đốc, phó giám đốc tổ chức tốt công tác thông tin, từ đó đưa ra các quyết định kịp thời, chính xác.

Nếu như trước đây mỗi phòng kế toán chỉ có một thủ quỹ chính thì hiện nay do thực hiện chính sách cải cách công tác mới do thành viên của Hội đồng quản trị NHNo&PTNT Việt Nam ra quyết định thì mỗi phòng kế toán có bao nhiêu Giao dịch viên thì sẽ có bấy nhiêu thủ quỹ trực tiếp thực hiện thu chi hàng ngày thay Giao dịch viên

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY KẾ TOÁN TẠI CHI NHÁNH



Sơ đồ 2.2. Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại NHNo&PTNT

Chi nhánh huyện Nghi Xuân

**Ghi chú :** + Quan hệ chỉ đạo: —————>  
 + Quan hệ tác nghiệp: <—————>

❖ Chức năng của từng bộ phận:

\* **Kế toán trưởng:** Là người có quyền hạn và trách nhiệm cao nhất trong bộ máy kế toán của Chi nhánh. Kế toán trưởng là người kiểm tra tổng hợp các thông tin kế toán từ các kế toán viên. Điều hành công việc chung của phòng kế toán, và lập báo cáo tài chính theo từng kỳ hạch toán.

\* **Phó phòng kế toán kiêm hậu kiểm :** Có nhiệm vụ kiểm tra lại các thông tin trên chứng từ do Giao dịch viên nộp lại vào cuối ngày, đồng thời thực hiện các khoản thu chi của ngân hàng, phê duyệt các chứng từ khi kế toán trưởng ủy quyền.

\* **Kiểm soát:** Có nhiệm vụ kiểm tra, kiểm soát lại các thông tin trên chứng từ do Giao dịch viên thực hiện hàng ngày sau mỗi nghiệp vụ phát sinh.

\* **Giao dịch viên 1, 2, 3:** Thực hiện các giao dịch phát sinh hàng ngày với khách hàng.

\* **Thủ quỹ 1, 2, 3:** Đầu mỗi ngày giao dịch nhận tiền từ Quỹ chính, sau đó thực hiện thu - chi cho mỗi nghiệp vụ phát sinh tương ứng với các Giao dịch viên 1, 2, 3, đồng thời cuối ngày nộp số tiền còn lại cho Quỹ chính.

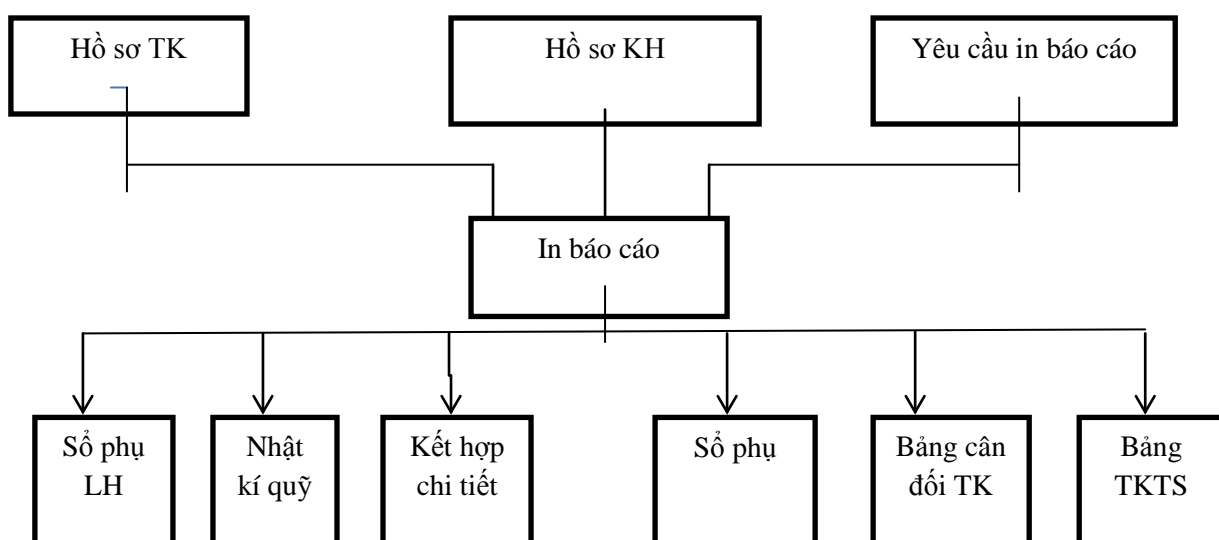
\* **Quỹ chính:** Có nhiệm vụ phát và thu tiền hàng ngày từ các thủ quỹ 1,2,3.

**2.3.2. Tổ chức vận dụng hình thức ghi sổ kế toán**

NHNo&PTNT Chi nhánh huyện Nghi Xuân hiện đang áp dụng hình thức ghi sổ “Chứng từ ghi sổ” trên máy vi tính, phù hợp với đặc điểm kinh doanh, cơ cấu tổ chức và trình độ của nhân viên tại ngân hàng.

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán chứng từ ghi sổ: Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là "Chứng từ ghi sổ". Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở bảng tổng hợp chứng từ gốc cùng loại. Chứng từ ghi sổ được đánh số liên tục trong từng tháng hoặc cả năm và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

**TRÌNH TỰ GHI SỔ TẠI NGÂN HÀNG**



**Sơ đồ 2.3. Sơ đồ trình tự ghi sổ tại NHNo&PTNT Chi nhánh huyện Nghi Xuân**

**2.3.3. Tổ chức vận dụng chế độ chứng từ**

NHNo&PTNT Chi nhánh huyện Nghi Xuân thực hiện chế độ chứng từ theo quyết định số 1000/2011/QĐ – HĐQT-TCKT ngày 05/07/2011 của Hội đồng quản trị NHNo&PTNT Việt Nam về việc ban hành chế độ chứng từ kế toán ngân hàng.

**2.3.4. Tổ chức vận dụng hệ thống tài khoản**

NHNo&PTNT Chi nhánh huyện Nghi Xuân sử dụng hệ thống tài khoản kế toán ngân hàng ban hành theo quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29/04/2004 và quyết định số 02/2008/QĐ – NHNN ngày 15/01/2008 của Thống đốc NHNN.

**2.3.5. Tổ chức hệ thống báo cáo kế toán**

Cũng như các tổ chức kinh tế khác, hệ thống báo cáo kế toán của NH bao gồm : Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, và Thuyết minh báo cáo tài chính, áp dụng theo quyết định số 16/2007/QĐ – NHNN ngày 18/04/2007 của Thống đốc NHNN Việt Nam về việc ban hành chế độ báo cáo tài chính của các tổ chức tín dụng.

**2.3.6. Tổ chức luân chuyển chứng từ**

Bước 1: Thu nhận và lập chứng từ

Bước 2: Kiểm tra chứng từ

Bước 3: Thực hiện lệnh thu chi

Bước 4: Kiểm tra lần sau và tổng hợp chứng từ phát sinh trong ngày

Bước 5: Sắp xếp, xử lí, tổ chức và bảo quản chứng từ

**2.4. Thực trạng thực hiện kế toán cho vay khách hàng cá nhân tại NHNo&PTNT Chi nhánh huyện Nghi Xuân.****2.4.1. Kế toán giai đoạn giải ngân****2.4.1.1. Chứng từ sử dụng.**

Ở giai đoạn này, chứng từ kế toán sử dụng gồm : Phiếu lĩnh tiền mặt hoặc Phiếu chi nếu khách hàng nhận tiền bằng tiền mặt; giấy đề nghị vay vốn, Hợp đồng tín dụng, Sổ lưu từ rời, Giấy nhận nợ, Biên bản giao nhận tài sản đảm bảo tiền vay, Nhật kí sổ quỹ.

**2.4.1.2. Tài khoản sử dụng**

Ở giai đoạn này, tài khoản sử dụng bao gồm :

TK 211 : Cho vay ngắn hạn bằng đồng Việt Nam

TK 1011, 4211, 5211, 5012... Các hình thức thanh toán của ngân hàng

TK 994 : giá trị tài sản thế chấp

#### **2.4.1.3. Quy trình hạch toán và luân chuyển chứng từ**

Khi có nhu cầu vay vốn, khách hàng đến phòng tín dụng tại Chi nhánh làm hồ sơ vay vốn bao gồm giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án SXKD, Sổ vay vốn nếu khách hàng vay vốn ngắn hạn với số tiền tối đa là 50 triệu đồng với mục đích chăn nuôi. Nếu khách hàng vay trên 50 triệu đồng, hồ sơ gồm Quyền sử dụng đất, Hợp đồng tín dụng (2 liên), Hồ sơ thế chấp tài sản đảm bảo (2 liên), Phiếu xuất nhập kho quyền sử dụng đất (2 liên), giấy nhận nợ (2 liên). Bộ phận tín dụng thẩm định hồ sơ vay và chuyển hồ sơ cho bộ phận kế toán .

- Bộ phận kế toán sau khi nhận được bộ hồ sơ cho vay, nhân viên kế toán kiểm tra tính hợp lí, hợp lệ, sự đầy đủ thông tin trên hồ sơ như chữ kí, tên người vay, số tiền bằng số, bằng chữ, thời hạn cho vay..., nếu đã đúng quy định thì lập phiếu lĩnh tiền vay, sau đó trình giám đốc kí duyệt và bộ phận kiểm soát để kiểm soát lại thông tin trên chứng từ.

- Sau khi được giám đốc kí duyệt, nhân viên kế toán tiến hành nhập liệu vào máy tính, nếu là khách hàng cũ thì nhập mã KH và đăng kí hợp đồng mới, nếu là KH mới thì mở mã KH mới cho KH.

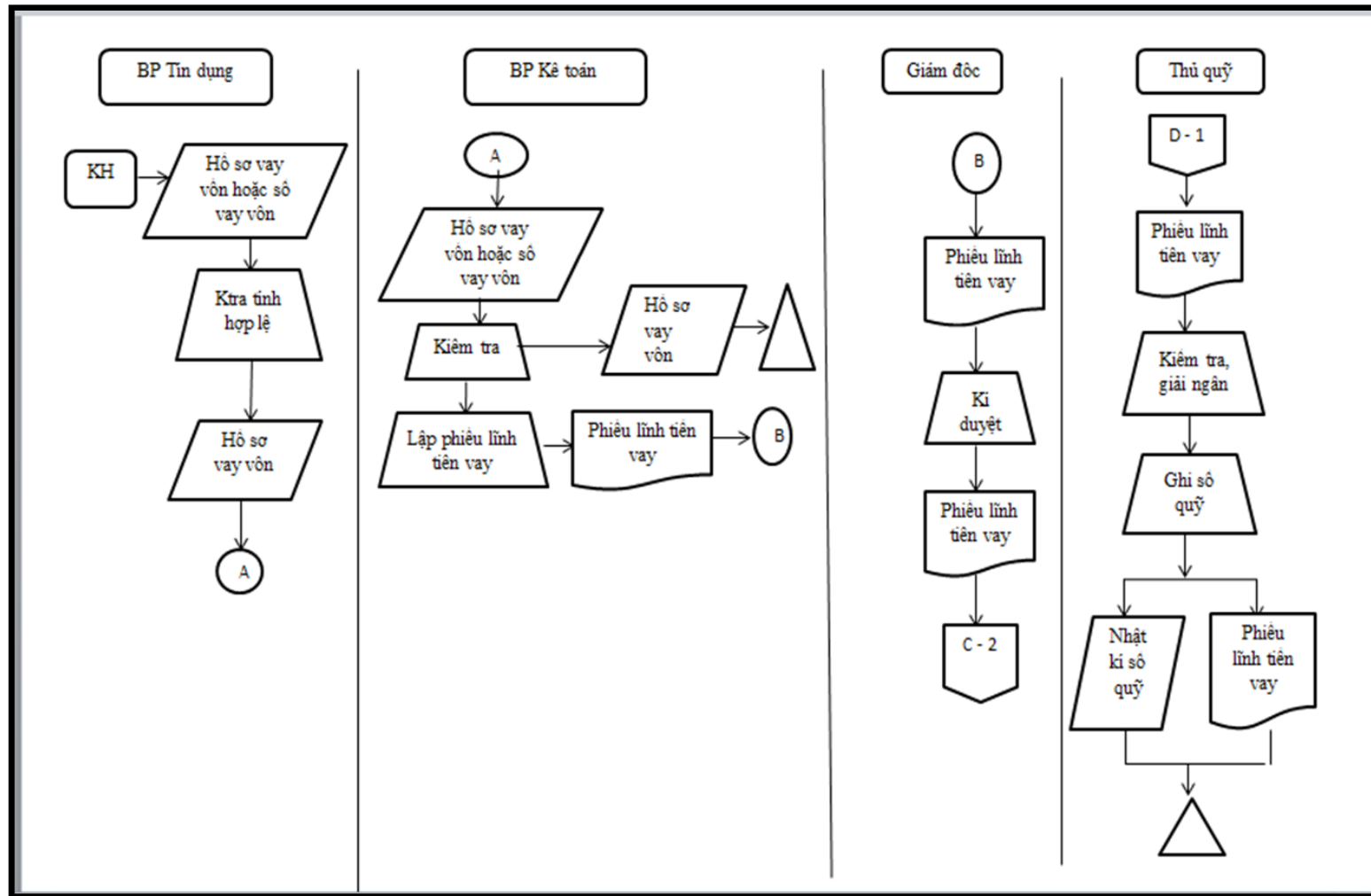
+ Mã KH là một dãy số gồm 13 chữ số trong đó 4 số đầu bắt đầu là 3708 là mã số của NHNo&PTNT Chi nhánh huyện Nghi Xuân, các chữ số còn lại là chữ số ngẫu nhiên và duy nhất đối với mỗi KH.

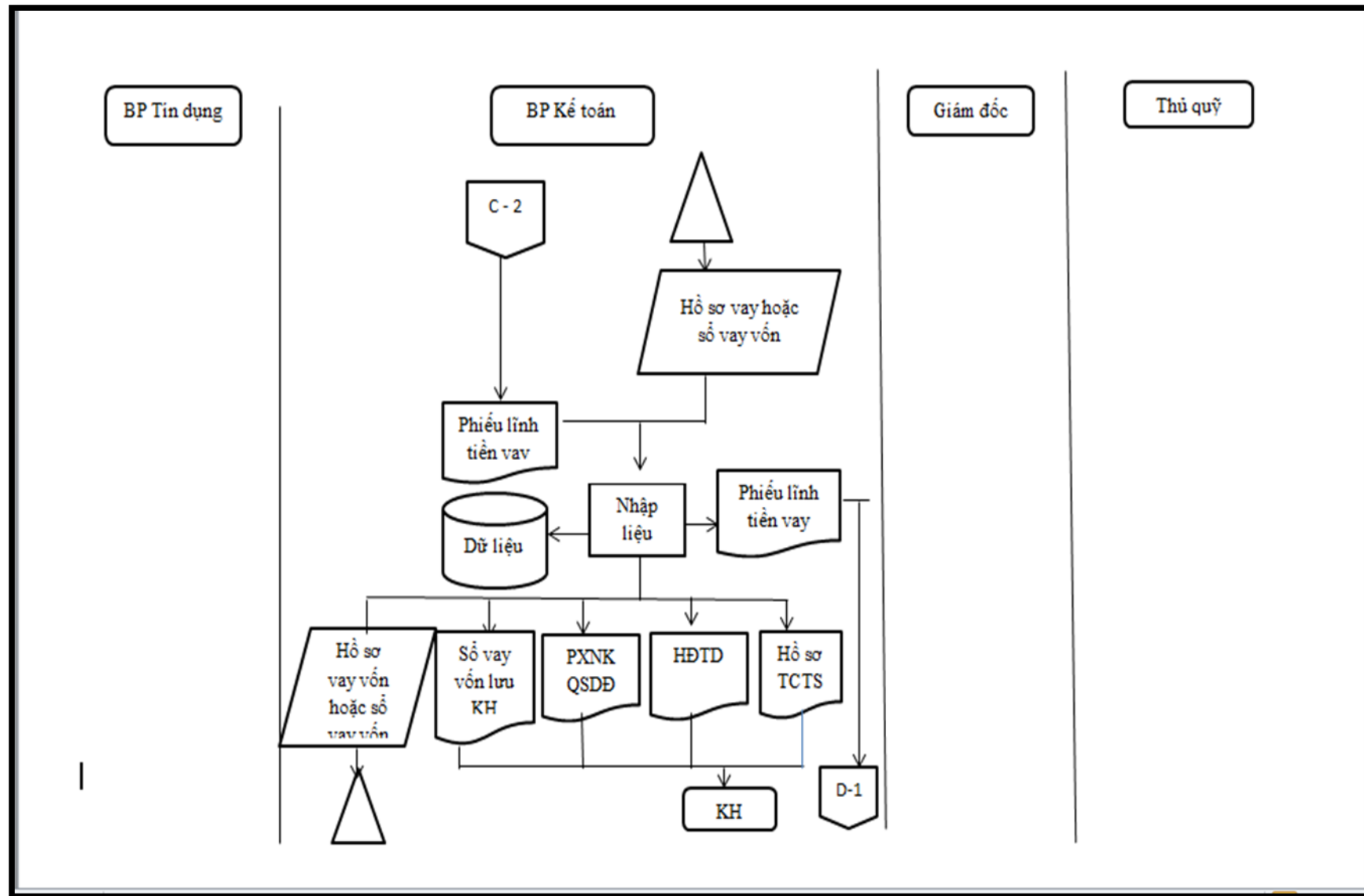
- Sau khi nhập liệu, nhân viên kế toán chuyển giấy lĩnh tiền vay cho thủ quỹ, thủ quỹ tiến hành phát tiền vay cho khách hàng và ghi thông tin vào Sổ nhật kí quỹ.

Sau khi nhận tiền, nếu giải ngân bằng Sổ vay vốn, KH giữ lại Sổ vay vốn lưu KH và NH lưu lại Sổ vay vốn giành cho NH lưu theo dõi (*Xem phụ lục 1*). Nếu giải ngân bằng HĐTD, KH giữ lại 1 liên Phiếu xuất nhập kho QSDĐ, 1 liên hợp đồng tín dụng, 1 liên hồ sơ thế chấp tài sản lưu của KH, các chứng từ còn lại NH lưu lại vào hồ sơ vay của KH.

Quy trình luân chuyển chứng từ được thể hiện qua lưu đồ sau:

Sơ đồ 2.4. Lưu đồ luân chuyển chứng từ giai đoạn giải ngân cho vay







- ❖ Trường hợp là cá nhân, hộ gia đình sử dụng sổ vay vốn
  - Sổ vay vốn được cấp cho các cá nhân và đại diện hộ gia đình để sử dụng nhiều lần vay vốn ngắn hạn ngân hàng thay cho hợp đồng tín dụng.
  - Chứng từ dùng để hạch toán gồm: sổ vay vốn, Phiếu lĩnh tiền vay, Sổ lưu tờ rời, giấy đề nghị vay vốn
  - Sau khi kiểm tra thông tin KH, kế toán nhập liệu và phần mềm sẽ tự động hạch toán:

Nợ TK 211101 : số tiền cho vay

Có TK 101101, 421101... : số tiền cho vay

Ta xét trường hợp cụ thể sau:

Ngày 25/02/2012, hộ vay Võ Quang Vinh ở địa chỉ An Tiên – Xuân Giang – Hà Tĩnh có mã KH là 3708.029895533 vay 45 triệu đồng bằng sổ vay vốn để chăn nuôi. Thời hạn vay là 24 tháng. Ngày đáo hạn vào ngày 25/02/2014.

Sau khi nhận được sổ vay vốn và giấy đề nghị kiêm phương án vay vốn (*Xem phụ lục 2*) của ông Vinh do bộ phận tín dụng chuyển đến, nhân viên kế toán kiểm tra thông tin KH, lập phiếu lĩnh tiền vay, chuyển chứng từ đến bộ phận kiểm soát để kiểm soát lại các thông tin trên chứng từ, nếu không có gì sai sót trình giám đốc kí, tiến hành nhập liệu sau đó chuyển chứng từ cho thủ quỹ giải ngân, thủ quỹ ghi chi vào Sổ Nhật kí quỹ.

- Kế toán lập giấy lĩnh tiền vay cho ông Vinh:

**AGRIBANK** NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM  
Mang phần thịnh đến khách hàng

**GIẤY LĨNH TIỀN VAY**  
Cash Disbursement Order

Số bút toán: 131  
Seq No  
Loại tiền: VND  
Currency

CHI NHÁNH: HUYỆN NGHI XUÂN Ngày: 25/02/2012  
Date

Khách hàng vay: Lê Văn Ba  
Borrower  
Địa chỉ: Xuân Hải - Nghi Xuân - Hà Tĩnh  
Address  
Điện thoại:  
Tel  
Nội dung: Số tiền vay theo HĐTD số 7985/11/12  
Details  
Số giải ngân: 3108...131...2019.00047  
Disbursement No  
Số tiền bằng số: 70.000.000  
Amount in figures  
Bằng chữ: Bảy mươi triệu đồng chẵn  
Amount in words

Người lĩnh tiền: Lê Văn Ba  
Receiver  
CMT/Hộ chiếu: 183.461.415  
ID/Passport No  
Ngày cấp: 20.12.1998  
Date of issue  
Nơi cấp: C.A. Hà Tĩnh  
Place of issue

KHÁCH HÀNG VAY (Borrower)  
Kế toán trưởng  
Chief Accountant  
Chủ tài khoản  
Account Holder

Khách hàng (Customer)  
Ký và ghi rõ họ tên (Sign & full name)  
Thủ quỹ  
Cashier  
Giao dịch viên  
Teller  
Kiểm soát  
Supervisor  
Giám đốc  
Director

www.agribank.com.vn

- Khi nhập liệu vào phân hệ Modul Loan\_giải ngân/thu nợ - giải ngân, máy tính sẽ tự động hạch toán:

Nợ TK 211101 : 45.000.000 đồng

Có TK 101101 : 45.000.000 đồng.

- Sau đó Kế toán cũng tiến hành nhập liệu xuất quỹ tiền mặt vào hệ thống Sổ cái và ghi nội dung cho vay hay còn gọi là Chiết khế vào Sổ vay vốn của KH ở mục Theo dõi phát tiền vay và kế hoạch trả nợ, như sau :

### 1. THEO DÕI PHÁT TIỀN VAY VÀ KẾ HOẠCH TRẢ NỢ

PHÁT TIỀN VAY					PHÂN KÌ TRẢ NỢ		
Ngày, tháng, năm	Đối tượng cho vay	Số tiền vay	Lãi suất cho vay	Lãi suất quá hạn	Ngày, tháng, năm	Số tiền gốc	Số tiền lãi
25/02/2012	Chăn nuôi	45.000.000 đồng	0,79%/tháng		25/02/2014	45.000.000 đồng	

Đồng thời kế toán ghi thông tin vay vào Sổ lưu tờ rời và lưu vào hồ sơ KH tại NH kèm theo Sổ vay vốn giành cho NH lưu, như sau:

### SỔ LƯU TỜ RỜI

#### 1. THEO DÕI PHÁT TIỀN VAY VÀ KẾ HOẠCH TRẢ NỢ

PHÁT TIỀN VAY					PHÂN KÌ TRẢ NỢ		
Ngày, tháng, năm	Đối tượng cho vay	Số tiền vay	Lãi suất cho vay	Lãi suất quá hạn	Ngày, tháng, năm	Số tiền gốc	Số tiền lãi
25/02/2012	Chăn nuôi	45.000.000 đồng	0,79%/tháng		25/02/2014	45.000.000 đồng	

- Thủ quỹ ghi thông tin chi tiền vào Sổ nhật kí quỹ và lưu lại.

**SỔ NHẬT KÍ QUỸ**

Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam

Chi nhánh NHNo&PTNT tỉnh: Hà Tĩnh

Chi nhánh : Huyện Nghi Xuân - 3708

Mẫu số: S1.1992/NHNo

Trang ....

Số phiếu		Diễn giải	Thu				Chi			
Thu	Chi	Mang sang				đ				đ
	33	Võ Quang Vinh						45	000	000

❖ Trường hợp giải ngân theo hợp đồng tín dụng

Sử dụng cho tất cả các loại hình cho vay: cho vay từng lần, cho vay theo hạn mức tín dụng, cho vay tiêu dùng, cho vay ngắn hạn, trung và dài hạn.

- Sau khi kiểm tra thông tin KH, Kế toán nhập liệu, đồng thời mở tài khoản ngoại bảng đối với TSTC của KH, lập Biên bản giao nhận TSĐB tiền vay và TSĐB của KH sẽ được bảo quản cẩn thận trong kho của ngân hàng.

Phần mềm sẽ tự động hạch toán:

Nợ TK 211101 : số tiền cho vay

Có TK 101101, 421101.... : số tiền cho vay

Đồng thời Nợ TK 994001 : giá trị TSTC

Xét trường hợp cụ thể sau:

Ngày 01/09/2012, ông Lê Văn Bá tại địa chỉ Xuân Hải – Nghi Xuân – Hà Tĩnh đến NHNo&PTNT Chi nhánh huyện Nghi Xuân xin vay vốn để SXKD số tiền là 70 triệu đồng. Mục đích sử dụng vốn vay là sửa chữa nhà ở, phương thức vay từng lần, thời hạn vay 12 tháng, thế chấp tài sản QSDĐ trị giá 300 triệu đồng, lãi suất 1,4%/tháng tại thời điểm kí kết hợp đồng và lãi suất sẽ thay đổi khi lãi suất NH thay đổi, lãi được trả 03 tháng một lần vào ngày 03, ngày trả nợ cuối cùng là ngày 03/09/2013, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Kế toán nhận được hồ sơ vay ngày 04/09/2012.

Sau khi nhận hồ sơ vay từ bộ phận tín dụng, kế toán kiểm tra thông tin KH, lập phiếu lĩnh tiền vay, trình giám đốc kí, tiến hành nhập liệu sau đó chuyển cho thủ quỹ giải ngân.

Ông Bá là khách hàng cũ nên đã có mã KH, kế toán tiến hành nhập mã KH : 3708.100257863.

- Nhập số HĐTD món vay mới là: 3708 – LAV – 201200185, kiểm tra số tiền vay trên hợp đồng và số tiền vay đã được giám đốc phê duyệt, sau đó chuyển chứng từ cho thủ quỹ giải ngân, thủ quỹ ghi chi vào sổ Nhật ký quỹ.

- Kế toán Nhập tài khoản ngoại bảng

Máy tính sẽ tự động hạch toán:

Nợ TK 211101 : 70.000.000 đồng

Có TK 101101 : 70.000.000 đồng

Đồng thời Nợ TK 994001 : 300.000.000 đồng

- Kế toán lập Phiếu lĩnh tiền vay cho KH:

**NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM**  
**AGRIBANK**  
 Mang phần thịnh đến khách hàng

**GIẤY LĨNH TIỀN VAY**  
 Cash Disbursement Order

Số bút toán: 131  
 Seq No

Loại tiền: VND  
 Currency

CHI NHÁNH: HUYỆN NGHI XUÂN Ngày: 4/9/2012  
 Date

Mẫu LN001 ban hành kèm theo Quyết định 1371/QĐ-NH/TCĐ ngày 15/11/2011

Khách hàng vay: Lê Văn Bá  
 Borrower

Địa chỉ: Xuân Hải - Nghi Xuân - Hà Tĩnh  
 Address

Điện thoại:  
 Tel

Nội dung: Lĩnh tiền vay theo HĐTD số 7985/HĐTD  
 Details

Người lĩnh tiền: Lê Văn Bá  
 Receiver

CMT/Hộ chiếu: 183.461.415  
 ID/Passport No

Ngày cấp: 20/2/1998  
 Date of issue

Nơi cấp: CA - Hà Tĩnh  
 Place of issue

Số giải ngân: 3708-LAV-201200185  
 Disbursement No

Số tiền bằng số: 70.000.000đ  
 Amount in figures

Bằng chữ: Bảy mươi triệu đồng chẵn  
 Amount in words

**KHÁCH HÀNG VAY (Borrower)**

Kế toán trưởng: [Signature]  
 Chief Accountant

Chủ tài khoản: [Signature]  
 Account Holder

Khách hàng (Customer)  
 Ký và ghi rõ họ tên (Sign & full name)  
 Lê Văn Bá

Thủ quỹ  
 Cashier  
 [Signature]

Giao dịch viên  
 Teller  
 [Signature]

Kiểm soát  
 Supervisor  
 [Signature]

Giám đốc  
 Director  
 [Signature]

www.agribank.com.vn

- Sau khi thủ quỹ giải ngân, kế toán ghi vào Phụ lục hợp đồng tín dụng

**PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG**

Kèm theo hợp đồng tín dụng số: 79185/HĐTD ngày 03 tháng 09 năm 2012

**1- THEO DÕI PHÁT TIỀN VAY VÀ KẾ HOẠCH TRẢ NỢ:**

PHÁT TIỀN VAY					PHÂN KỲ TRẢ NỢ		
Ngày, tháng, năm	Đối tượng cho vay	Số tiền vay	Lãi suất cho vay	Lãi suất quá hạn	Ngày, tháng, năm	Số tiền gốc	Số tiền lãi
04/09/2012	Sửa chữa nhà ở	70.000.000 đồng	1,4%/tháng		04/09/2013	70.000.000 đồng	

- Thủ quỹ ghi thông tin chi tiền vào Sổ nhật kí quỹ và lưu lại để cuối ngày tổng hợp:

**SỔ NHẬT KÍ QUỸ**

Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam

Chi nhánh NHNo&PTNT tỉnh: Hà Tĩnh

Chi nhánh : Huyện Nghi Xuân - 3708

Mẫu số: S1.1992/NHNo

Trang ....

Số phiếu		Diễn giải	Thu				Chi			
Thu	Chi				đ				đ	
	33	Mang sang Lê Văn Bá					70	000	000	

➤ Đối với phương thức cho vay theo hạn mức tín dụng thì mỗi lần KH nhận tiền vay ngoài những chứng từ giải ngân trên, kế toán còn phải lập Giấy nhận nợ để theo dõi:

Xét trường hợp cụ thể:

Khách hàng Cty TNHH Hoàng Sơn, địa chỉ khối 4 – TT Nghi Xuân – Hà Tĩnh vay theo hạn mức tín dụng 200 triệu đồng, thời hạn 12 tháng, lãi suất 1,625%/tháng, ngày kí HĐTD ngày 20/05/2012, số HĐTD 3708 – LAV -201211367, ngày 23/05/2012 KH nhận 100 triệu đồng. Sau khi hoàn thành tất cả thủ tục, kế toán lập giấy nhận nợ.

**GIẤY NHẬN NỢ**

Mẫu số: 04E/CV

*(Dùng trong trường hợp hợp đồng tín dụng được phát tiền vay từ 02 lần trở lên)*

Căn cứ HĐTD số: 3392/HĐTD ngày 20/05/2012 kí giữa Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Nghi Xuân và Cty TNHH Hoàng Sơn.

Hôm nay, ngày 23/05/2012 tại Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Nghi Xuân

Tên người vay : Cty TNHH Hoàng Sơn

Ông (bà): Trần Hoàng Quảng. Chức vụ : giám đốc

CMND số: 183997087 ngày cấp 20/06/2002. Nơi cấp: CA Hà Tĩnh.

Dư nợ trước ngày nhận nợ lần này : 0 đồng

Hạn mức tín dụng: 200.000.000 đồng

Số tiền nhận nợ lần này (đề nghị vay vốn): 100.000.000 đồng

Bằng chữ: Một trăm triệu đồng.

Tổng dư nợ sau lần nhận nợ: 100.000.000 đồng.

Mục đích sử dụng tiền vay:

- Kinh doanh vật liệu xây dựng.

Hạn trả nợ cuối cùng: 20/05/2013

Lãi suất: 1,625%/tháng, lãi suất nợ quá hạn : 2,438%/tháng

Sau đó trình giám đốc và kiểm soát viên kiểm soát lại thông tin trên chứng từ và nhập liệu vào máy tính, phần mềm sẽ tự động hạch toán :

Nợ TK 211101 : 100.000.000 đồng

Có TK 101101 : 100.000.000 đồng

Ngày 28/05/2012 KH yêu cầu nhận nợ 100 triệu đồng, kế toán sau khi kiểm tra dư nợ của KH không vượt quá hạn mức tín dụng theo hợp đồng thì tiến hành cho vay, lập giấy nhận nợ số tiền 100 triệu đồng.

**GIẤY NHẬN NỢ**

Mẫu số: 04E/CV

*(Dùng trong trường hợp hợp đồng tín dụng được phát tiền vay từ 02 lần trở lên)*

Căn cứ HĐTD số: 3392/HĐTD ngày 20/05/2012 kí giữa Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Nghi Xuân và Cty TNHH Hoàng Sơn.

Hôm nay, ngày 28/05/2012 tại Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Nghi Xuân

Tên người vay : Cty TNHH Hoàng Sơn

Ông (bà): Trần Hoàng Quảng. Chức vụ : giám đốc

CMND số: 183997087 ngày cấp 20/06/2002. Nơi cấp: CA Hà Tĩnh.

Dư nợ trước ngày nhận nợ lần này : 100.000.000 đồng

Hạn mức tín dụng: 200.000.000 đồng

Số tiền nhận nợ lần này (đề nghị vay vốn): 100.000.000 đồng

Bằng chữ: Một trăm triệu đồng chẵn.

Tổng dư nợ sau lần nhận nợ: 200.000.000 đồng.

Mục đích sử dụng tiền vay:

- Kinh doanh vật liệu xây dựng.

Hạn trả nợ cuối cùng: 20/05/2013

Lãi suất: 1,625%/tháng, lãi suất nợ quá hạn : 2,438%/tháng

Sau khi kiểm tra thông tin KH, Kế toán nhập liệu và phân mềm sẽ tự động hạch toán:

Nợ TK 211101 : 50.000.000 đồng

Có TK 101101 : 50.000.000 đồng

Đồng thời nhập liệu vào hệ thống Sổ Cái.

**2.4.2. Kế toán giai đoạn thu lãi**

**2.4.2.1. Chứng từ sử dụng**

Chứng từ sử dụng khi thu lãi vay của khách hàng gồm: Sổ vay vốn hoặc Hợp đồng tín dụng, Chứng từ giao dịch (2 liên), Sổ lưu tờ rời

**2.4.2.2. Tài khoản sử dụng**

Khi thu lãi, TK sử dụng gồm:

TK 1011, 4211, 5211, 5012... Các hình thức thanh toán của ngân hàng

TK 702 : Thu lãi cho vay

TK 3539 : Các khoản chờ NSNN thanh toán – sử dụng cho trường hợp được hỗ trợ lãi suất.

**2.4.2.3. Phương pháp tính lãi**

NHNo&PTNT Chi nhánh huyện Nghi Xuân tính lãi cho vay theo phương pháp tích số.

$$\text{Tiền lãi} = \frac{\sum_{i=1}^n Di \times Ni}{\sum_{i=1}^n Ni} \times \text{Lãi suất}$$

$Di$  : Dư nợ thực tế thứ  $i$

$Ni$  : Số ngày dư nợ thứ  $i$

Áp dụng đối với cho vay từng lần, cho vay theo hạn mức tín dụng, cho vay trả phân kì đối với cán bộ công nhân viên chức (trả vốn phân kì, lãi giảm dần theo số dư nợ).

**2.4.2.4. Quy trình hạch toán và luân chuyển chứng từ**

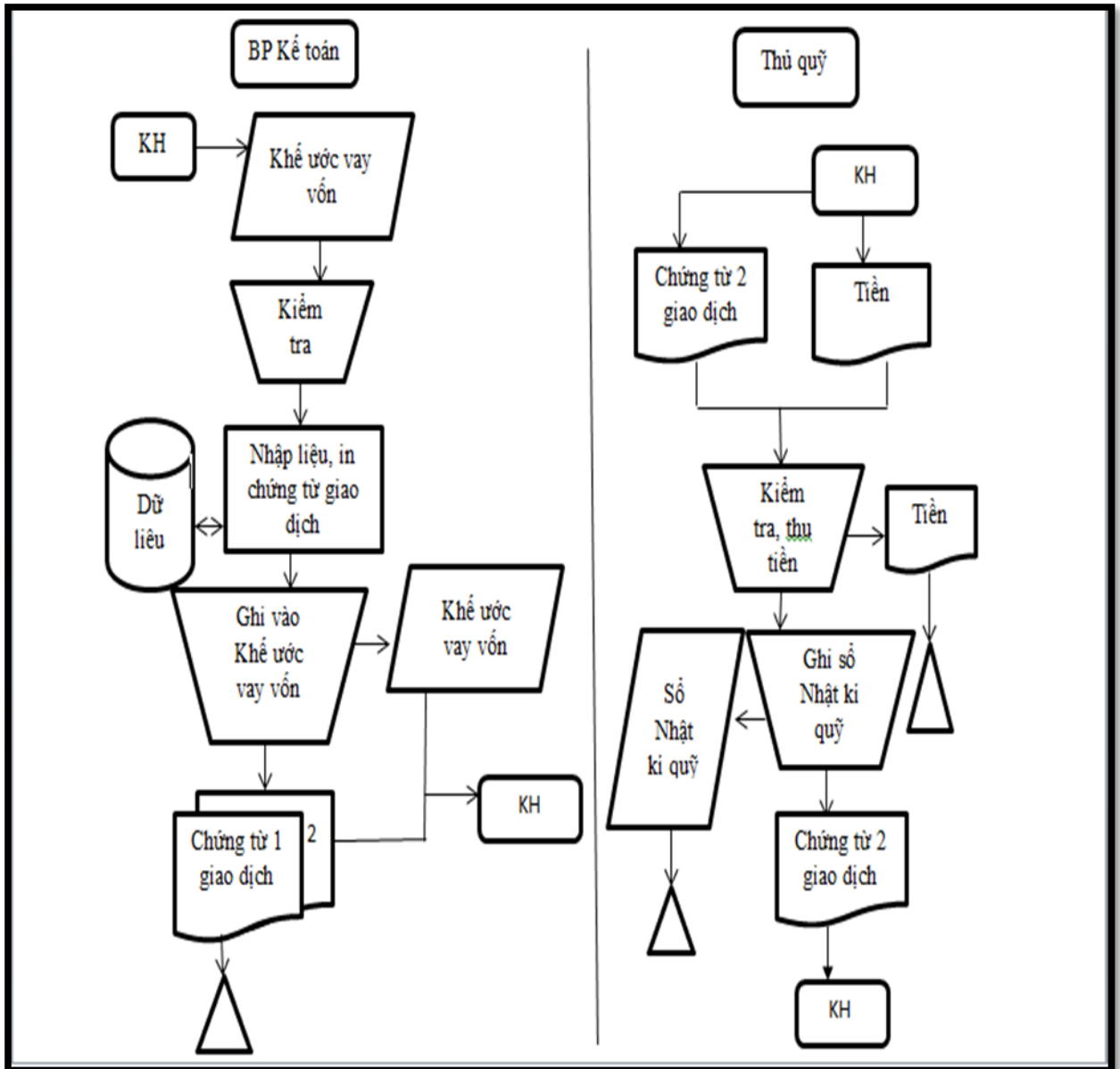
Đến hạn trả lãi, KH đến phòng kế toán NH kèm theo khế ước vay vốn để trả lãi tiền vay.

Sau khi nhận khế ước vay vốn từ KH, kế toán kiểm tra thông tin về KH và khoản vay, sau đó nhập liệu vào máy tính như mã KH, ngày thu lãi..., tính lãi phải thu cho KH và in Chứng từ giao dịch gồm 2 liên. Liên 01, kế toán lưu lại cùng hồ sơ vay của khách hàng, liên 02 giao khách hàng để nộp tiền tại thủ quỹ, thủ quỹ làm căn cứ để ghi vào Sổ nhật kí quỹ. Kế toán ghi thông tin số tiền KH hàng trả vào Sổ lưu từ rời hoặc Sổ vay vốn của KH hay còn gọi là Chiết khế.

Quy trình luân chuyển chứng từ giai đoạn thu lãi được thể hiện qua lưu đồ sau:



Sơ đồ 2.5. Lưu đồ luân chuyển chứng từ giai đoạn thu lãi cho vay



Việc tính toán lãi dự thu của NHNo&PTNT Chi nhánh huyện Nghi Xuân được thực hiện vào cuối năm. Đến cuối tháng 12, NH tiến hành tính tất cả các khoản lãi cho vay trong năm chưa thu được để hạch toán lãi dự thu vào thu nhập của NH trên Báo cáo tài chính, mặc dù không tính lãi dự thu hàng tháng.

Khi KH đến giao dịch, kế toán thực hiện tính lãi trên chương trình IPCAS theo phương pháp trực thu, tính từ ngày giải ngân đến trước 1 ngày KH đến giao dịch, máy tính sẽ tự động hạch toán:

Nợ TK101101, 421101 .... Số tiền lãi

Có TK 702001 ....Số tiền lãi

❖ Đối với những hồ sơ vay thông thường

Khi KH đến trả lãi và nợ gốc định kì, kế toán kiểm tra, đối chiếu thông tin trên sổ vay vốn hoặc hợp đồng tín dụng của NH và KH, sau đó tiến hành nhập liệu và hạch toán như thông thường, in 02 liên Chứng từ giao dịch và ghi thông tin vào Phụ lục hợp đồng tín dụng hoặc Sổ lưu tờ rời.

Xét tiếp trường hợp của ông Võ Quang Vinh, ngày 16/04/2012 ông Vinh đến NH trả lãi và gốc định kì bằng tài khoản tiền gửi của mình. Sau khi kiểm tra thông tin trên sổ vay vốn KH, kế toán nhập liệu, tính số lãi vay cho KH. Ông Vinh đã nộp lãi đến ngày 03/03/2012, do đó số tiền lãi ông phải nộp tính từ ngày 04/03/2012 đến ngày 16/06/2012 với lãi suất 9,5%/năm là 521.708 đồng và số nợ gốc phải trả định kì là 3.000.000 đồng.

Sau khi nhập liệu vào Phân hệ Modul Loan\_giải ngân/thu nợ - thu gốc, thu lãi, kế toán tiến hành nhập liệu vào hệ thống Sổ cái, đồng thời in 2 liên Chứng từ giao dịch (*Xem phụ lục 3*): Liên 01 kế toán lưu lại, liên 02 giao KH để nộp tiền tại thủ quỹ, sau đó phần mềm sẽ tự động hạch toán:

Nợ TK 421101            3.521.708 đồng

Có TK 211101            3.000.000 đồng

Có TK 702001            521.708 đồng

Sau đó kế toán ghi thông tin trả lãi vào Sổ vay vốn của KH:

**3- THEO DÕI THU NỢ, CHUYỂN NỢ QUÁ HẠN, DƯ NỢ:**

Ngày, tháng, năm	Thu nợ trong hạn		Chuyển nợ quá hạn	Thu nợ quá hạn		Dư nợ		Chữ ký	
	Gốc	Lãi		Gốc	Lãi	Tổng số	Trong đó nợ QH	Kế toán cho vay	Người trả
16/04/2012	3.000.000 đồng	521.708 đồng							

Đồng thời ghi vào Sổ lưu từ rời để lưu vào Hồ sơ KH tại NH:

**SỔ LƯU TỜ RỜI**

**3- THEO DÕI THU NỢ, CHUYỂN NỢ QUÁ HẠN, DƯ NỢ:**

Ngày, tháng, năm	Thu nợ trong hạn		Chuyển nợ quá hạn	Thu nợ quá hạn		Dư nợ		Chữ ký	
	Gốc	Lãi		Gốc	Lãi	Tổng số	Trong đó nợ QH	Kế toán cho vay	Người trả
16/04/2012	3.000.000 đồng	521.708 đồng							

- Thủ quỹ sau khi nhận tiền, ghi thông tin vào Sổ nhật kí quỹ :

**SỔ NHẬT KÍ QUỸ**

Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam

Chi nhánh NHNo&PTNT tỉnh: Hà Tĩnh

Chi nhánh : Huyện Nghi Xuân - 3708

Mẫu số: S1.1992/NHNo

Trang ....

Số phiếu		Diễn giải	Thu				Chi			
Thu	Chi	Mang sang				đ				đ
89		Võ Quang Vinh		3	521	708				

❖ Đối với những hồ sơ được hỗ trợ lãi suất.

Trường hợp được hỗ trợ lãi suất, ngoài việc sử dụng Sổ vay vốn hoặc Hợp đồng tín dụng và in Chứng từ giao dịch, kế toán còn phải lập 03 giấy xác nhận hỗ trợ lãi suất theo mẫu, liên 01 lưu tại NH, liên 02 giao KH, liên 03 là cơ sở để NHNN thanh toán lại.

Sau khi nhập liệu vào Phân hệ Modul Loan\_giải ngân/thu nợ - thu gốc, thu lãi, phần mềm sẽ tự động hạch toán, sau đó kế toán nhập liệu vào Hệ thống Sổ Cái

Nợ TK 101101                      Số tiền KH phải nộp

Nợ TK 353900                      Số tiền KH được hỗ trợ

Có TK 702001                      Số tiền lãi

Xét trường hợp cụ thể sau:

Ngày 17/04/2013, hộ vay Đinh Văn Lợi ở địa chỉ xã Trường Phúc – Xuân Trường – Nghi Xuân – Hà Tĩnh có mã KH là 3708.183402001 vay 30 triệu đồng để nuôi trồng thủy sản. Thời hạn vay là 12 tháng, lãi được trả 3 tháng một lần. Ngày đáo hạn vào ngày 17/04/2014. Sau khi xem xét, Ban giám đốc quyết định đây là trường hợp được hỗ trợ lãi suất theo quyết định 26/2012/QĐ – UBND của UBND Tỉnh Hà Tĩnh ban hành ngày 11/06/2012 với mức lãi suất ưu đãi là 0,65%/tháng.

Ngày 16/07/2013 ông đến nộp lãi kì đầu tiên, sau khi đối chiếu thông tin trên hồ sơ KH, kế toán nhập liệu, phần mềm sẽ tự động tính số lãi phải thu từ KH

Lãi phải thu = (Nợ gốc x Lãi suất tháng x số ngày) / 30

Cách tính lãi được thể hiện qua phiếu tính lãi sau:

**PHIẾU TÍNH LÃI**

Khách hàng: Đinh Văn Lợi

Mã KH: 3708.183402001

Từ	Đến	Số ngày	Số tiền gốc liên quan	Tiền lãi	Lãi suất	Ghi chú
17/04/2013	15/07/2013	89	30.000.000 đồng	1.112.500 đồng	1,25%/tháng	Được hỗ trợ 534.000 đồng
	TS lãi phải đóng					

Và phần mềm sẽ tự động hạch toán:

Nợ TK 101101            578.000 đồng

Nợ TK 353900            534.000 đồng

Có TK 702001            1.112.500 đồng

Khi thu lãi của KH được hỗ trợ lãi suất, kế toán lập 03 giấy xác nhận hỗ trợ lãi suất theo mẫu, liên 01 lưu tại NH, liên 02 giao KH, liên 03 là cơ sở để NHNN thanh toán lại (*Xem phụ lục 4*)

Tiếp theo, kế toán nhập liệu nhập quỹ tiền mặt vào hệ thống Sổ Cái và in 2 liên Chứng từ giao dịch cho KH, liên 01 NH lưu vào hồ sơ vay, liên 02 giao KH để nộp tiền tại thủ quỹ.

Đồng thời kế toán ghi vào Sổ vay vốn của KH :

**3- THEO DÕI THU NỢ, CHUYỂN NỢ QUÁ HẠN, DƯ NỢ:**

Ngày, tháng, năm	Thu nợ trong hạn		Chuyển nợ quá hạn	Thu nợ quá hạn		Dư nợ		Chữ ký	
	Gốc	Lãi		Gốc	Lãi	Tổng số	Trong đó nợ QH	Kế toán cho vay	Người trả
16/07/2013	0 đồng	578.000 đồng							

Và ghi vào Sổ lưu tờ rời để lưu vào hồ sơ KH tại NH :

**SỔ LƯU TỜ RỜI**

**3- THEO DÕI THU NỢ, CHUYỂN NỢ QUÁ HẠN, DƯ NỢ:**

Ngày, tháng, năm	Thu nợ trong hạn		Chuyển nợ quá hạn	Thu nợ quá hạn		Dư nợ		Chữ ký	
	Gốc	Lãi		Gốc	Lãi	Tổng số	Trong đó nợ QH	Kế toán cho vay	Người trả
16/07/2013	0 đồng	578.000 đồng							

- Sau khi nhận tiền từ KH, thủ quỹ ghi thông tin vào Sổ nhật kí quỹ

❖ Đối với lãi suất thay đổi trong thời hạn vay vốn.

Đối với số vay vốn trong thời hạn vay vốn lãi suất sẽ không thay đổi khi mức lãi suất cho vay của ngân hàng thay đổi.

Khi kí kết HĐTD, ngân hàng và khách hàng đã thỏa thuận mức lãi suất sẽ thay đổi khi mức lãi suất cho vay của ngân hàng thay đổi.



**PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG**

**3. ĐIỀU CHỈNH LÃI SUẤT.**

Thời gian áp dụng lãi suất	Cán bộ tín dụng	Chữ kí người vay
Từ ngày 04/03/2012 đến ngày 23/03/2012 lãi suất trong hạn 1,7% tháng		
Từ ngày 24/03/2012 đến ngày 01/06/2012 lãi suất trong hạn 1,63% tháng		
Từ ngày 02/06/2012 đến ngày 03/06/2012 lãi suất trong hạn 1,54% tháng		

**4- THEO DÕI THU NỢ, CHUYỂN NỢ QUÁ HẠN, DƯ NỢ:**

Ngày, tháng, năm	Thu nợ trong hạn		Chuyển nợ quá hạn	Thu nợ quá hạn		Dư nợ		Chữ ký	
	Gốc	Lãi		Gốc	Lãi	Tổng số	Trong đó nợ QH	Kế toán cho vay	Người trả
04/06/2012	0 đồng	2.513.900 đồng							

**2.4.3. Kế toán giai đoạn thu nợ**

**2.4.3.1. Chứng từ sử dụng**

Khi thu nợ khách hàng, chứng từ kế toán sử dụng gồm : Sổ vay vốn hoặc Hợp đồng tín dụng, Chứng từ giao dịch (2 liên), Bảng kê thu nợ.

**2.4.3.2. Tài khoản sử dụng**

Tài khoản sử dụng khi thu nợ gồm:

TK 1011, 4211,...Các hình thức thanh toán của NH

TK 2111 : Số tiền vay



TK 702 : Số tiền lãi

TK 994 : Giá trị TSTC

### **2.4.3.3. Quy trình hạch toán và luân chuyển chứng từ**

Tại NHNo&PTNT Chi nhánh huyện Nghi Xuân, khi sắp đến kì hạn trả nợ thì cán bộ tín dụng và kế toán cho vay (căn cứ vào kì hạn trên hợp đồng tín dụng) phải lập giấy báo nợ theo mẫu quy định và gửi tới KH trước kì hạn nợ tối thiểu là 10 ngày.

Việc luân chuyển chứng từ ở giai đoạn này cũng giống như giai đoạn thu lãi, khi đến hạn tất toán khoản vay, KH đến NH trả nợ kèm theo Khế ước vay vốn. Sau khi đối chiếu và kiểm tra thông tin trên Hồ sơ KH cung cấp, kế toán tiến hành nhập liệu, tính toán số lãi phải thu còn lại, sau đó in Chứng từ giao dịch gồm 2 liên. Liên 01, kế toán lưu lại, liên 02 giao KH qua thủ quỹ để nộp tiền vay. Thủ quỹ kiểm tra thông tin, thu tiền KH và ghi số tiền thu được vào mục thu của sổ Nhật kí sổ quỹ. Kế toán ghi thông tin số tiền KH tất toán vào sổ vay vốn của KH, Sổ lưu từ rời hoặc Phụ lục Hợp đồng tín dụng rồi giao cho KH.

❖ Khi khách hàng trả nợ trong hạn, kế toán tiến hành tất toán khoản nợ cho vay của KH và thu thêm phần lãi còn lại đến ngày KH tất toán. Khi nhập liệu, phần mềm sẽ tự động hạch toán :

Nợ TK 101101	Tổng số tiền phải thu
Có TK 211101	Số tiền vay
Có TK 702001	Số tiền lãi

Sau đó tiến hành giải chấp TSĐB khi KH hoàn thành nghĩa vụ trả nợ, sau khi nhập liệu, phần mềm sẽ tự động hạch toán :

Nợ TK 994002:	Giá trị TSTC
Có TK 994001:	Giá trị TSTC

Xét trường hợp cụ thể sau :

Ngày 16/04/2013 khách hàng Hoàng Thị Thủy (mã KH: 3708.168120322) đến tất toán khoản vay 50.000.000 đồng, số HĐTD: 3708-LAV-201202907. Thế chấp TSĐB trị giá 200.000.000 đồng, ngày giải ngân 20/07/2012, đáo hạn ngày 20/07/2013, KH đã đóng lãi đến ngày 22/03/2013.

Kế toán thực hiện thu nợ KH như sau:

- Kiểm tra thông tin khoản vay và KH trên Kế ước vay vốn.
- Nhập liệu vào phần mềm máy tính, tính toán số lãi còn lại phải nộp và nợ gốc của KH, phần mềm tự động hạch toán:

Nợ TK 101101    50.433.333 đồng

    Có TK 211101    50.000.000 đồng

    Có TK 702001    433.333 đồng

Đồng thời giải chấp TSTC :

Nợ TK 994002    200.000.000 đồng

    Có TK 994001    200.000.000 đồng

Việc tính lãi được thực hiện như sau:

### PHIẾU TÍNH LÃI

Khách hàng: Hoàng Thị Thủy

Mã KH: 3708. 168120322

Từ	Đến	Số ngày	Số tiền gốc liên quan	Tiền lãi	Lãi suất	Ghi chú
23/03/2013	15/04/2013	24	50.000.000 đồng	433.333 đồng	1,08%/tháng	

- Tiếp theo, kế toán cũng tiến hành nhập dữ liệu vào hệ thống Sổ Cái và in Chứng từ giao dịch gồm 2 liên (*Xem phụ lục 6*). Liên 01, kế toán lưu lại, liên 02 giao KH để nộp tiền tại thủ quỹ.

- Sau đó, kế toán ghi thông tin vào Phụ lục hợp đồng tín dụng

**PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG**

**3- THEO DỐI THU NỢ, CHUYỂN NỢ QUÁ HẠN, DƯ NỢ:**

Ngày, tháng, năm	Thu nợ trong hạn		Chuyển nợ quá hạn	Thu nợ quá hạn		Dư nợ		Chữ ký	
	Gốc	Lãi		Gốc	Lãi	Tổng số	Trong đó nợ QH	Kế toán cho vay	Người trả
16/04/2013	50.000.000 đồng	433.333 đồng				0 đồng			

- Thủ quỹ ghi số tiền thu được vào sổ Nhật kí sổ quỹ.

**SỔ NHẬT KÍ QUỸ**

Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam

Chi nhánh NHNo&PTNT tỉnh: Hà Tĩnh

Chi nhánh : Huyện Nghi Xuân - 3708

Mẫu số: S1.1992/NHNo

Trang ....

Số phiếu		Diễn giải	Thu				Chi			
Thu	Chi				Đ				đ	
		Mang sang								
61		Hoàng Thị Thủy	50	433	333					

❖ Đối với những hồ sơ quá hạn, khi tất toán khoản vay kê toán thu 2 phần lãi: trong hạn theo lãi suất HĐTD, và tính lãi phạt chậm trả nợ gốc (bằng 150% lãi suất cho vay tính trên số ngày quá hạn trên số tiền gốc).

Xét trường hợp sau :

Khách hàng Nguyễn Văn Bình (mã KH: 3708.990701236) tại địa chỉ Xuân Mỹ - Nghi Xuân – Hà Tĩnh đã vay số tiền 300.000.000 đồng (số HĐTD: 8720/HĐTD), thời hạn vay 12 tháng, trả lãi hàng quý, lãi suất 1,7%/tháng, ngày giải ngân 07/12/2011

ngày đáo hạn 05/12/2012. Ông Bình đã đóng lãi cho NH đến ngày 11/06/2012, đến ngày 06/12/2012 khoản vay của ông Bình bị chuyển nợ quá hạn. Ngày 20/12/2012 ông Bình đến NH đề nghị tắt toán hồ sơ vay.

- Sau khi nhận hồ sơ vay của ông Bình, kế toán kiểm tra thông tin trên hồ sơ và tiến hành nhập liệu, máy tính sẽ tự động chuyển nợ quá hạn và lãi trong hạn theo lãi suất trên HĐTD và lãi phạt quá hạn.

Việc tính lãi được thể hiện qua Phiếu tính lãi sau:

### PHIẾU TÍNH LÃI

Khách hàng: Nguyễn Văn Bình

Mã KH: 3708.990701236

Từ	Đến	Số ngày	Số tiền gốc liên quan	Tiền lãi	Lãi suất	Ghi chú
12/06/2012	30/07/2012	91	300.000.000 đồng	14.014.000 đồng	1,54%/tháng	
31/07/2012	03/08/2012	4	300.000.000 đồng	584.000 đồng	1,46%/tháng	
04/08/2012	07/10/2012	65	300.000.000 đồng	9.100.000 đồng	1,4%/tháng	
08/10/2012	05/12/2012	59	300.000.000 đồng	7.375.000 đồng	1,25%/tháng	
06/12/2012	20/12/2012	15	300.000.000 đồng	2.812.500 đồng	1,875%/tháng	Lãi quá hạn
	Tổng		300.000.000 đồng	33.885.500 đồng		

Sau đó, phần mềm sẽ tự động hạch toán:

Nợ TK 101101	333.885.500 đồng
Có TK 211101	300.000.000 đồng
Có TK 702001	31.073.000 đồng
Có TK 702001	2.812.500 đồng

Kế toán in chứng từ giao dịch, 01 liên NH lưu lại, 01 liên giao KH để nộp tiền cho thủ quỹ, đồng thời kế toán ghi vào Phụ lục hợp đồng tín dụng :

**PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG**

**3- THEO DÕI THU NỢ, CHUYỂN NỢ QUÁ HẠN, DƯ NỢ:**

Ngày, tháng, năm	Thu nợ trong hạn		Chuyển nợ quá hạn	Thu nợ quá hạn		Dư nợ	
	Gốc	Lãi		Gốc	Lãi	Tổng số	Trong đó nợ QH
20/12/2012	300.000.000	31.073.000			2.812.500	0	
	đồng	đồng			đồng	đồng	

❖ Ngoài ra, ngân hàng còn thực hiện thu lãi gián tiếp.

NHNo&PTNT Chi nhánh huyện Nghi Xuân thành lập các tổ thu nợ lưu động đến các thôn xã để KH thuận tiện trong việc trả lãi, trả nợ với định kỳ thu nợ vào 2 tháng cuối quý. Các cán bộ của tổ thu lưu động thu tiền của KH và lập bảng kê đối chiếu nợ nộp về Ngân hàng.

Sau khi nhận được bảng kê của tổ thu gửi đến, kế toán kiểm tra các yếu tố trên bảng kê. Nếu đầy đủ, đúng đắn thì căn cứ vào bảng kê ghi vào sổ theo dõi tiền vay của KH và hạch toán, đồng thời lập phiếu thu chuyển sang kiểm soát để xem xét, kiểm soát lại các thông tin trên bảng kê và phiếu thu, nếu không có gì sai sót thì chuyển sang thủ quỹ để nộp tiền đã thu từ khách hàng. Bảng kê thu nợ được lưu trữ cùng với phiếu thu tiền trong hồ sơ vay KH.

Dưới đây là Bảng kê đối chiếu nợ của Tổ thu nợ Xóm Yên Nam

NHNo&PTNT HÀ TỈNH

CHI NHÁNH: 3708

**BẢNG KÊ ĐỐI CHIẾU NỢ**

Tổ thu nợ: Xóm Yên Nam

Đơn vị tính: VNĐ

Mẫu số 02/ĐCN

TT	MÃ KH MÃ GIẢI NGÂN	TÊN KH	NGÀY GIẢI NGÂN	NGÀY ĐẾN HẠN	GIẢI NGÂN	ĐÃ TRẢ LÃI ĐẾN NGÀY	HT LÃI SUẤT	GÓC ĐÃ THU	DƯ NỢ
1	3708045834707 3708LDS201102199	Phan Văn Hường	30/05/2011	30/05/2013	20.000.000	30/12/2012	Không	5.000.000	15.000.000
2	3708045853765 3708LDS201104566	Nguyễn Thị Hải	11/10/2011	11/10/2013	30.000.000	30/12/2012	Không	17.005.000	12.995.000
3	3708207703677 3708LDS201204698	Phan Thị Hoa	31/10/2012	30/10/2014	20.000.000	30/12/2012	Không	0	20.000.000
4	3708045813753 3708LDS201204853	Phan Văn Minh	12/11/2012	12/11/2013	30.000.000	30/12/2012	Không	0	30.000.000
5	3708139498423 3708LDS201205561	Hoàng Thị Thông	25/12/2012	25/12/2014	30.000.000		Không	0	30.000.000
6	3708045808007 3708LDS201300262	Nguyễn Thị An	18/01/2013	18/01/2015	20.000.000		Không	0	20.000.000
7	<b>TỔNG CỘNG</b>				150.000.000			22.005.000	127.995.000

3708, ngày 21 tháng 2 năm 2013

LẬP BẢNG

KIỂM SOÁT

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

#### **2.4.4. Kế toán giai đoạn gia hạn nợ**

Khi đến ngày cuối cùng trả nợ mà KH không trả được nợ do nguyên nhân khách quan như: Thiên tai, dịch bệnh, giá cả biến động không có lợi cho tiêu thụ sản phẩm và các nguyên nhân bất khả kháng khác, KH phải lập Giấy đề nghị gia hạn nợ gửi đến NH trước ngày đến hạn để NH xem xét giải quyết. (Xem phụ lục 7)

Thời gian gia hạn nợ đối với nợ vay ngắn hạn tối đa bằng thời gian cho vay đã thỏa thuận hoặc bằng một chu kỳ SXKD nhưng không quá 12 tháng.

Khi nhận được giấy đề nghị gia hạn nợ của KH, cán bộ tín dụng xem xét gia hạn nợ, trình trưởng phòng tín dụng và giám đốc phê duyệt. Sau khi được giám đốc phê duyệt chuyển xuống kế toán cho vay xử lý:

- Đóng dấu hoặc ghi chú dòng “gia hạn lần...kì” vào hợp đồng tín dụng để tiện theo dõi.

- Điều chỉnh thời hạn nợ, số tiền được gia hạn nợ, ngày tháng năm cho gia hạn nợ trên Phụ lục hợp đồng tín dụng và dữ liệu lưu trữ trong máy tính theo đúng báo cáo gia hạn nợ được phê duyệt

- Thông báo gia hạn nợ phải chuyển cho kế toán cho vay trước ngày đến hạn trả nợ ghi trên Hợp đồng tín dụng tối thiểu một ngày để kế toán cho vay xử lý.

#### **2.4.5. Kế toán giai đoạn chuyển nợ quá hạn**

##### **2.4.5.1. Chứng từ sử dụng**

Nợ quá hạn là những khoản nợ của KH vay vốn đến hạn không trả được nợ, không được NH gia hạn nợ thì chuyển sang nợ quá hạn và phải chịu mức lãi suất cao hơn lãi suất thông thường trong thời gian quá hạn đã được thỏa thuận trong HĐTD.

Chứng từ kế toán sử dụng gồm: Sổ vay vốn hoặc Hợp đồng tín dụng, Thông báo chuyển nợ quá hạn.

##### **2.4.5.2. Tài khoản sử dụng**

Tài khoản sử dụng khi chuyển nợ quá hạn gồm: TK 2111, TK 2112, TK 2113, TK 2114, TK 2115.

##### **2.4.5.3. Quy trình hạch toán và luân chuyển chứng từ**

Khi đến ngày cuối cùng trả nợ mà KH không trả được nợ và không được NH gia hạn nợ thì đến ngày làm việc kế tiếp kế toán tiến hành làm thủ tục chuyển số nợ

này sang quá hạn, đồng thời lập thông báo chuyển nợ quá hạn gửi cho CBTD để thông báo cho khách hàng

Ta xét tiếp trường hợp của ông Nguyễn Văn Bình (mã KH: 3708.990701236) tại địa chỉ Xuân Mỹ - Nghi Xuân – Hà Tĩnh đã vay số tiền 300.000.000 đồng (số HĐTD: 8720/HĐTD), thời hạn vay 12 tháng, ngày giải ngân 07/12/2011 ngày đáo hạn 05/12/2012. Ông Bình đã đóng lãi cho NH đến ngày 11/06/2012, đến ngày 20/12/2012 ông Bình mới đến tất toán khoản vay nên từ ngày 06/12/2012 khoản vay của ông bị chuyển nợ quá hạn.

Kế toán xử lý như sau:

Cuối ngày 05/12/2012 ông Bình không đến NH tất toán khoản vay, phần mềm IPCAS sẽ tự động thông báo khoản nợ đến hạn. Đến ngày 06/12/2012 kế toán sẽ tiến hành làm thủ tục chuyển số nợ này sang quá hạn bằng cách ghi vào Phụ lục hợp đồng tín dụng cho KH như sau :

### **PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG**

#### **4- THEO DÕI THU NỢ, CHUYỂN NỢ QUÁ HẠN, DƯ NỢ:**

Ngày, tháng, năm	Thu nợ trong hạn		Chuyển nợ quá hạn	Thu nợ quá hạn		Dư nợ	
	Gốc	Lãi		Gốc	Lãi	Tổng số	Trong đó nợ QH
06/12/2012			300.000.000 đồng				

Sau đó kế toán tiến hành nhập liệu vào máy tính, phần mềm sẽ tự động hạch toán:

Nợ TK 211201                    300.000.000 đồng

    Có TK 211101                300.000.000 đồng

Đồng thời lập Thông báo chuyển nợ quá hạn gửi cán bộ tín dụng để thông báo với khách hàng:



**THÔNG BÁO CHUYỂN NỢ QUÁ HẠN**

Mẫu số 08/CV

- Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 8720/HĐTD ngày 06/12/2012

Chi nhánh NHNo&PTNT Chi nhánh huyện Nghi Xuân thông báo số tiền vay của ông Nguyễn Văn Bình tại Hợp đồng tín dụng trên đã chuyển sang tài khoản nợ quá hạn từ ngày 06/12/2012

Số tiền bằng số: 300.000.000 đồng

(Bằng chữ: Ba trăm triệu đồng chẵn)

Kể từ ngày chuyển nợ quá hạn phải chịu lãi suất phạt 150%/tháng tính trên số nợ gốc: 300.000.000 đồng.

Yêu cầu Ông Nguyễn Văn Bình tìm mọi biện pháp sớm trả số nợ nói trên

**GIÁM ĐỐC**

=> Cuối ngày, giao dịch viên cũng như kế toán phải tiến hành khóa Sổ Cái. Lúc này số dư của các tài khoản thanh toán bù trừ phải bằng 0, số dư tài khoản tiền mặt hoặc tài khoản tiền gửi KH phải bằng số dư tiền thực tế của tất cả giao dịch viên nắm giữ cộng lại. Sau khi kiểm tra tính chính xác giao dịch viên tiến hành in “Bảng tổng kê giao dịch” và “Liệt kê giao dịch” để trình trưởng phòng kế toán ký duyệt. Sau đó các chứng từ giao dịch trong ngày được sắp xếp thành tập theo từng GDV, theo thứ tự trên xuống gồm: bảng liệt kê các giao dịch phát sinh trong ngày, thứ tự các giao dịch phát sinh theo bảng liệt kê chứng từ (trong mỗi giao dịch, chứng từ ghi sổ(chứng từ giao dịch liên 1 lưu NH). Chứng từ sau khi sắp xếp thành từng tập được đóng thành quyển Nhật ký chứng từ. Tùy theo số lượng chứng từ phát sinh hàng ngày mà Chi nhánh thực hiện phân chia thành các quyển Nhật ký chứng từ cho phù hợp với việc lưu trữ, bảo quản. Trong mỗi quyển NKCT, xếp theo thứ tự tập chứng từ của từng GDV. Bảng liệt kê giao dịch tổng hợp của toàn chi nhánh trong ngày được đặt ở vị trí trang đầu tiên trên cùng ( sau tờ bìa NKCT) của quyển NKCT thứ nhất.

Bảng liệt kê giao dịch và Bảng liệt kê giao dịch tổng hợp ngày 01/09/2012.

**LIỆT KÊ GIAO DỊCH**

Ngày 1 tháng 9 năm 2012

Mã chi nhánh: 3708

Tên chi nhánh: H.Nghi Xuan Branch

**1.Liệt kê giao dịch phát sinh ngày 01/09/2012**

User ID : HNXTMAI    Tên GDV: Trịnh Thị Mai    N: Bình thường    C: Hủy    X: GD Tiền mặt

Số BT	Tiền mặt	Tình trạng	Mã KH	Tên KH	TK	Nợ/Có	LTT	Số tiền	Số tham chiếu
		N	3708.100257863	Lê Văn Bá	994002	D	VND	300.000.000	
131		N			994001	C	VND	300.000.000	
		N			101101	C	VND	70.000.000	
		N			211101	D	VND	70.000.000	

**Tổng giao dịch tiền mặt : 1**

**Tổng giao dịch : 2**

**2.Tổng giao dịch phát sinh ngày: 01/09/2012**

Số BT	Loại tiền	Số BT Nợ	Phát sinh Nợ	Số BT Có	Phát sinh có
1	VND	2	70.000.000	2	70.000.000
Tổng số Nợ		Tổng số Có		2	

**3.Tổng giao dịch tiền mặt phát sinh ngày : 01/09/2012**

Số BT	Loại tiền	Số BT Nợ	Phát sinh Nợ	Số BT Có	Phát sinh có
1	VND	0	0	1	70.000.000
Tổng số Nợ		Tổng số Có		1	

Người phê duyệt

Giao dịch viên

Kiểm soát

Hậu kiểm

**2.4.6. Về lưu giữ và quản lý hồ sơ vay.**

Việc lưu giữ hồ sơ chứng từ cho vay hết sức quan trọng, vì bảo quản nó cũng chính là bảo quản tài sản của ngân hàng.

NHNo&PTNT Chi nhánh huyện Nghi Xuân thực hiện việc lưu trữ và quản lý tài liệu kế toán theo Quyết định số 1913/2005/QĐ-NHNN ngày 30/12/20105 của Thống đốc NHNN về việc ban hành chế độ lưu trữ tài liệu kế toán trong ngành ngân hàng. Hồ sơ vay được sắp xếp lưu trữ theo từng khu vực địa bàn, từng loại khách hàng để tiện cho việc theo dõi và dễ tìm thấy khi cần. Các chứng từ giao dịch được sắp xếp theo ngày và theo đúng trình tự giao dịch rồi được đóng thành tập và ghim lại.

Sổ lưu từ rời đối với mỗi KH được sắp xếp theo từng khu vực, trong đó lại sắp xếp theo thứ tự ngày giao dịch nên mỗi khi có giao dịch với KH kế toán dễ dàng tìm kiếm theo dõi.

Đối với tài sản tín chấp, thế chấp, cầm cố của KH được cán bộ kế toán cất giữ cẩn thận trong kho và sắp xếp theo từng loại khu vực. Bởi vậy, trong những năm qua NH luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình trong công tác lưu giữ và quản lý hồ sơ, không làm thất thoát tài sản của khách hàng.

**2.4.7. Việc áp dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán của NHNo & PTNT Chi nhánh Nghi Xuân.**

NHNo&PTNT Chi nhánh huyện Nghi Xuân sử dụng chương trình IPCAS để quản lý toàn bộ hoạt động của ngân hàng. Đây là chương trình chung ứng dụng trong toàn hệ thống NHNo, tất cả NHNo đều giao dịch trực tuyến thông qua hệ thống mạng nội bộ, nên tất cả các giao dịch giữa Hội sở, Chi nhánh với các phòng giao dịch đều được thực hiện trực tuyến nhanh chóng.

Tất cả các nghiệp vụ đều được đưa vào chương trình và được giao dịch trực tuyến. Từ khâu phát vay đến thu lãi, tất toán nợ, chuyển nợ đều thực hiện trên máy, nên việc theo dõi quản lý được chặt chẽ hơn.

Đội ngũ cán bộ của chi nhánh đều được đào tạo, tập huấn sử dụng chương trình thường xuyên.

Tuy nhiên chương trình vẫn còn những hạn chế cần được cải tiến như:

- Chương trình không hỗ trợ tính năng tự cập nhật chung khi lãi suất thay đổi, cán bộ kế toán phải tự cập nhật từng khách hàng khi mức lãi suất thay đổi làm mất thời gian và dễ xảy ra sai sót.

- Chương trình chưa hỗ trợ đầy đủ các chứng từ giao dịch (phiếu chi trong giao dịch giải ngân), thông tin trên các chứng từ cũng chưa được hoàn chỉnh như thông tin về ngày tháng chưa tự động cập nhật theo ngày trên giấy nhận hỗ trợ lãi suất...

**CHƯƠNG 3****MỘT SỐ GIẢI PHÁP GÓP PHẦN NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC  
KẾ TOÁN TẠI NHNo&PTNT CHI NHÁNH NGHI XUÂN – HÀ TĨNH.****3.1. Đánh giá thực trạng kế toán cho vay tại NHNo&PTNT Chi nhánh huyện Nghi Xuân – Hà Tĩnh.****3.1.1. Ưu điểm**

Thực hiện đường lối của Đảng và Nhà nước đối với phát triển kinh tế, trong những năm qua NHNo&PTNT Chi nhánh huyện Nghi Xuân đã hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình góp phần phát triển nền kinh tế huyện nhà, và NH hoạt động ngày càng tăng trưởng. Để đạt được kết quả như vậy là cả một quá trình nỗ lực không ngừng của NH trong đó góp phần không nhỏ là việc tổ chức thực hiện công tác kế toán cho vay.

Qua một thời gian gần tiếp xúc và tìm hiểu, em đã nhận thấy những ưu điểm trong công tác kế toán cho vay tại đơn vị như sau:

- Thứ nhất, về bộ máy kế toán : nếu như trước đây nhân viên kế toán cho vay vừa theo dõi và hạch toán khoản vay cho khách hàng vừa thực hiện giải ngân, thu lãi thu nợ định kỳ cho khách hàng thì hiện nay, sau khi thực hiện việc cải cách bộ máy công tác trong hệ thống NHNo&PTNT, nhân viên kế toán chỉ có nhiệm vụ duy nhất là xử lý chứng từ và hạch toán trên phần mềm kế toán nội bộ IPCAS , còn việc giải ngân, thu nợ thu lãi do một thủ quỹ riêng đảm nhận, nghĩa là hiện nay, mỗi kế toán thực hiện giao dịch với khách hàng sẽ có một thủ quỹ đi kèm có nhiệm vụ thực hiện thu chi thay kế toán. Như vậy, với mô hình mới trên giúp cho công tác kế toán cho vay thực hiện được nhanh chóng, kế toán xử lý chứng từ kịp thời, giúp giảm nhẹ khối lượng công việc cho kế toán khi phải thường xuyên xử lý một lượng lớn chứng từ, giảm thiểu được tình trạng mất tiền, phát nhầm tiền cho khách hàng. Ngoài ra, việc tổ chức công tác như vậy còn giúp kế toán dễ phát hiện sai sót trong quá trình giao dịch.

- Thứ hai, về quy trình hạch toán và luân chuyển chứng từ : quá trình xử lý chứng từ trong công tác kế toán cho vay tại Chi nhánh khá rõ ràng, chặt chẽ. Tất cả các Chứng từ trước khi giải ngân đều được xem xét cẩn thận tính hợp lý hợp lệ, được sự kí

duyet của giám đốc hay kế toán trưởng. Tất cả các chứng từ đều được lập thành 2 liên, ngân hàng vừa theo dõi, quản lý khoản nợ vay.

- Thứ ba, về tính chính xác, đầy đủ thông tin trên chứng từ : sau mỗi lần giao dịch, chứng từ của kế toán đều được kiểm tra, soát xét lại bởi bộ phận kiểm soát. Đồng thời, đến cuối ngày, tất cả chứng từ của kế toán cho vay giao dịch trong ngày tiếp tục được tổng hợp lại và kiểm soát lần nữa bởi hậu kiểm kiêm Phó phòng kế toán. Như vậy, tính chính xác và mức độ chặt chẽ của chứng từ kế toán cho vay tại đơn vị là rất cao, do đó ít khi xảy ra các tranh chấp giữa khách hàng và ngân hàng.

- Thứ tư, về mức độ tự động hóa trong hạch toán kế toán : tất cả các giao dịch từ tính lãi vay phải thu, hạch toán kế toán tại đơn vị hoàn toàn được tự động hóa bởi phần mềm kế toán nội bộ IPCAS. Phần mềm được trang bị nhiều chức năng thông minh, tự động thông báo nợ đến hạn của KH, in chứng từ giao dịch mỗi khi kế toán giao dịch với KH với đầy đủ thông tin về thời gian, loại hình giao dịch, mã giải ngân, mã HĐTD của KH, từ đó giúp kế toán rút ngắn tối đa thời gian giao dịch với KH.

- Thứ năm, về trình độ chuyên môn của kế toán viên : Đội ngũ cán bộ kế toán được tập huấn, học tập về việc sử dụng chương trình kế toán nội bộ IPCAS nên việc xử lý các nghiệp vụ phát sinh đạt hiệu quả cao, giúp giải quyết nhanh các giao dịch với KH.

### **3.1.2. Tồn tại**

Bên cạnh những ưu điểm và kết quả đạt được, công tác kế toán cho vay tại chi nhánh còn tồn tại các nhược điểm cần khắc phục sau:

- Chương trình kế toán chưa sử dụng tài khoản chi tiết cho từng đối tượng khách hàng nên việc theo dõi nợ vay đôi khi còn thiếu sót.

- Trong giai đoạn thu lãi bằng hình thức chuyển khoản, kế toán không tiến hành lập ủy nhiệm chi hay chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt cho khách hàng mà chỉ yêu cầu khách hàng cung cấp số tài khoản và NH sẽ trừ tiền vào tài khoản của khách hàng. Như vậy, trong trường hợp này kế toán đã không sử dụng đầy đủ chứng từ, nếu xảy ra tranh chấp sẽ không có giấy tờ chứng minh cho việc chuyển khoản.

- Khi thu lãi trực tiếp tại ngân hàng, kế toán chỉ dựa vào yêu cầu nộp tiền bằng miệng của KH chứ không yêu cầu KH lập giấy nộp tiền để hạch toán xử lý lãi vay, việc

này có thể giúp công việc của kế toán được giải quyết nhanh hơn nhưng lại thiếu tính chặt chẽ và đầy đủ về mặt chứng từ trong kế toán.

- Tuy công tác kế toán đã được tự động hóa bởi phần mềm IPCAS nhưng việc chiết khế trên hồ sơ KH mỗi khi có giao dịch ngoài hạch toán tự động trên máy, kế toán viên còn phải chiết khế thủ công trên chứng từ, điều này làm tốn rất nhiều thời gian khi số lượng giao dịch là rất lớn và nó cũng không thực sự cần thiết bởi mọi thông tin đã được lưu trữ trong phần mềm.

- Việc xin chữ kí hay sự xét duyệt trên giấy lĩnh tiền vay của giám đốc tại đơn vị không phải lúc nào cũng do nhân viên kế toán cho vay trực tiếp thực hiện mà đôi khi khách hàng phải tự đi xin dấu. Điều đó có thể gây ra sự không hài lòng đối với khách hàng và tình trạng kí chữ kí giả.

- Một số nhân viên kế toán trẻ với năng lực và kinh nghiệm còn hạn chế nên việc giải quyết các vấn đề với khách hàng đôi khi còn chậm trễ.

- Chứng từ sử dụng trong giai đoạn cho vay còn khá nhiều và phức tạp

### **3.2. Một số giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả công tác kế toán cho vay đối với tổ chức, cá nhân trong nước tại NHNo & PTNT Chi nhánh Nghi Xuân**

Qua nghiên cứu và tìm hiểu thực tế về công tác kế toán cho vay tại NHNo&PTNT Chi nhánh huyện Nghi Xuân – Hà Tĩnh, nhận thức được tầm quan trọng của cũng như những mặt còn tồn tại trong công tác kế toán cho vay tại Chi nhánh, em xin đưa ra một số ý kiến đóng góp nhằm nâng cao hiệu quả công tác kế toán cho vay tại Chi nhánh như sau :

#### **❖ Trong ngắn hạn**

Thứ nhất, bổ sung thêm các chứng từ cần thiết trong qua trình giao dịch: việc sử dụng chứng từ trong công tác kế toán cho vay tại đơn vị khá đầy đủ, tuy nhiên khi thu lãi cho vay bằng chuyển khoản, ngoài việc xem xét và yêu cầu KH cung cấp số tài khoản, kế toán cần lập Ủy nhiệm chi hoặc Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt (02 liên) trong đó 01 liên giao KH, 01 liên bộ phận kế toán lưu vào hồ sơ khách hàng tại ngân hàng. Ngoài ra, khi KH nộp lãi định kì tại NH, kế toán cần yêu cầu KH lập giấy nộp tiền với đầy đủ các thông tin như người nộp tiền, số tiền nộp, thời gian nộp...để kế toán căn cứ vào đó và khế ước vay vốn hạch toán vào phần mềm.

Thứ hai, đẩy mạnh hơn nữa công tác hậu kiểm đối với công việc hạch toán: mỗi bút toán khi thực hiện sẽ được hệ thống máy tính chấp nhận và lưu vào bộ nhớ. Do đó, công việc của bộ phận hậu kiểm rất quan trọng, đây là công việc của những cán bộ rất có kinh nghiệm trong công tác kế toán cũng như khả năng bao quát và am hiểu nghiệp vụ. Thực tế tại NHNo&PTNT Chi nhánh huyện Nghi Xuân, số lượng cán bộ hậu kiểm còn hạn chế, công việc hậu kiểm chủ yếu do phó phòng kế toán thực hiện trong khi khối lượng giao dịch là rất lớn. Chính vì vậy, trong thời gian tới NHNo&PTNT Chi nhánh huyện Nghi Xuân cần bổ sung cán bộ có năng lực vào vị trí hậu kiểm nhằm giảm bớt tình trạng quá tải trong công việc đối với phó phòng kế toán từ đó nâng cao hiệu quả công tác kế toán cho vay.

Thứ ba, việc xin chữ kí của giám đốc mỗi khi giải ngân đôi khi không do cán bộ ngân hàng thực hiện mà do chính khách hàng trực tiếp thực hiện dưới sự yêu cầu của nhân viên kế toán. Tuy nhiên, để tạo tâm lí thoải mái cho khách hàng, bộ phận kế toán nên hoàn toàn trực tiếp thực hiện công việc này, điều đó cũng phần nào hạn chế được tình trạng giả mạo chữ kí có thể xảy ra.

Thứ tư, việc chiết khế vào chứng từ và hồ sơ khách hàng mỗi khi có giao dịch không phải lúc nào kế toán cũng thực hiện ngay sau khi giao dịch mà đôi khi tiến hành chiết khế 2 hoặc 3 tháng một lần. Như vậy, số lượng thông tin là rất lớn, có khi đến hàng nghìn giao dịch. Do đó, công việc này làm tốn rất nhiều thời gian mà lại không cần thiết, bởi tất cả thông tin liên quan đến việc trả lãi, trả nợ của khách hàng đã được lưu trong máy tính. Bởi vậy, để giảm thiểu công việc và áp lực thời gian cho kế toán, chi nhánh nên chỉ thực hiện chiết khế vào hồ sơ KH khi KH tắt toán hết khoản vay hoặc những khoản nợ quá hạn, còn những giao dịch thông thường như trả lãi, trả nợ định kì thì kế toán chỉ việc nhập thông tin vào phần mềm máy tính, khi nào KH yêu cầu cung cấp thông tin chỉ cần in từ máy cho KH.

❖ Trong dài hạn

Thứ nhất, nên nghiên cứu, nâng cấp phần mềm kế toán nội bộ IPCAS để có thể tạo các tài khoản chi tiết cho từng đối tượng khách hàng, nhằm giúp kế toán theo dõi chặt chẽ hơn các khoản cho vay với nhiều khách hàng khác nhau.



Thứ hai, tăng cường công tác kiểm tra kiểm soát nội bộ, điều này một mặt giúp nhận biết và sửa chữa các sai sót kịp thời, mặt khác giúp nâng cao ý thức trách nhiệm của cán bộ ngân hàng. Để nâng cao hiệu quả hoạt động kế toán cho vay, NH nên quan tâm hơn nữa đến chất lượng kiểm tra kiểm soát, xử lý những trường hợp vi phạm nhất là những trường hợp cố tình vi phạm, Ngoài ra, khi phát hiện những sai phạm không những người làm sai phải chịu trách nhiệm mà cả người quản lý nhân viên đó cũng phải chịu liên đới.

Thứ ba, ngân hàng nên khuyến khích KH mở tài khoản gửi tại ngân hàng, bởi điều này sẽ tạo được nhiều thuận lợi cho công tác kế toán cho vay của chi nhánh, như :

- Việc phát tiền vay thông qua chuyển khoản không những thuận tiện cho KH và NH mà còn giúp NH có thể kiểm tra, giám sát KH vay cũng như tình hình sử dụng nguồn vốn vay của KH một cách dễ dàng.

- Thông tin giao dịch của KH sẽ làm cơ sở cho việc kiểm tra tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, mối quan hệ tín dụng với KH khác. Đồng thời giúp cho việc thu nợ gốc và lãi được thực hiện dễ dàng hơn.

Thứ tư, để nâng cao hơn nữa trình độ, chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ kế toán, chi nhánh nên thường xuyên mở thêm các đợt tập huấn, hướng dẫn học tập về các kỹ năng, kiến thức về chuyên môn, đồng thời củng cố và yêu cầu cán bộ thường xuyên nắm bắt, cập nhật những thông tư, quyết định mới của Chính phủ để vận dụng cho phù hợp nhằm giảm thiểu tối đa những sai sót có thể xảy ra.

### PHẦN III

### KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

#### **1. Kết luận**

Ngân hàng giữ một vai trò vô cùng quan trọng trong đời sống xã hội, các hoạt động của NH tác động đến mọi mặt của nền kinh tế đất nước. Trong những năm qua NHNo&PTNT Chi nhánh huyện Nghi Xuân đã hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình, phục vụ nhu cầu vốn kịp thời và hiệu quả cho các tổ chức cá nhân trên địa bàn, tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân phát triển sản xuất kinh doanh, góp phần nâng cao tăng trưởng kinh tế huyện nhà. Điều đó được thể hiện rõ qua các chỉ số về nguồn vốn huy động cả về nội tệ lẫn ngoại tệ đều tăng, doanh số cho vay, doanh số thu nợ cũng tăng dần qua các năm giai đoạn từ 2011 – 2013, đặc biệt tỷ lệ nợ quá hạn, nợ xấu có xu hướng ngày càng giảm. Đây có thể nói là một kết quả đáng ghi nhận cho thấy những nỗ lực không ngừng của cán bộ nhân viên tại chi nhánh, đồng thời thấy được sự tin tưởng và uy tín của ngân hàng trên địa bàn huyện Nghi Xuân.

Để đạt được những kết quả đó, công tác kế toán cho vay đóng một vai trò không nhỏ và có ảnh hưởng lớn đến kết quả kinh doanh của NH, nó vừa là công cụ đảm bảo tài sản của NH và KH, vừa là công cụ góp phần nâng cao hiệu quả chất lượng tín dụng. Hiểu được tầm quan trọng đó, NHNo&PTNT Chi nhánh huyện Nghi Xuân đã ngày càng chú trọng hơn đến công tác kế toán cho vay, tuy vẫn còn một số hạn chế nhất định cần sửa đổi, bổ sung, nhưng nhìn chung đã hoàn thành tốt mục tiêu đề ra như : đảm bảo giám sát chặt chẽ quá trình sử dụng tiền vay, bảo vệ an toàn tài sản của ngân hàng, thu hút và tạo dựng được niềm tin của KH đối với NH.

Cùng với nền kinh tế thị trường ngày càng phát triển đòi hỏi công tác kế toán cho vay phải ngày càng hoàn thiện hơn. Muốn làm được điều này, cán bộ kế toán phải nâng cao trình độ chuyên môn, trình độ nhận thức, thường xuyên cập nhật những thông tư, quyết định mới của Chính phủ để vận dụng một cách phù hợp, đảm bảo tính kịp thời nhanh chóng, chính xác nhằm gây dựng niềm tin và ấn tượng tốt đối với khách hàng.

#### **2. Kiến nghị**

Trong quá trình thực tập em nhận thấy rằng, việc tự liên hệ thực tập của sinh viên còn gặp nhiều khó khăn, việc tìm kiếm đơn vị thực thực tập mất khá nhiều thời

gian cũng như việc xin số liệu để làm đề tài còn có nhiều khó khăn bởi quan hệ của sinh viên chưa thật sự tốt.

Do hạn chế về thời gian nghiên cứu cũng như kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ và kinh nghiệm thực tế chưa nhiều nên đề tài mới chỉ tìm hiểu về công tác kế toán cho vay khách hàng cá nhân dựa trên cách hạch toán thông thường từ những kiến thức em tìm hiểu được và kiến thức được học trên trường như cách tính lãi cho vay, lãi quá hạn, quy trình cho vay và hạch toán nợ vay... và từ đó đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác kế toán cho vay tại Chi nhánh. Nếu trong thời gian tới em có cơ hội tiếp cận với hoạt động của ngân hàng nhiều hơn thì em có thể phát triển đề tài theo hướng sâu hơn vào công tác kế toán trên phần mềm kế toán áp dụng chung cho toàn bộ hệ thống của NHNo&PTNT là phần mềm IPCAS và tìm hiểu thêm về cách xử lý nợ quá hạn của cán bộ NH, để từ đó đưa ra các biện pháp cụ thể và hiệu quả hơn.

### **3. Hướng nghiên cứu của đề tài**

Hiện tại, do hạn chế về mặt kiến thức cũng như thời gian tiếp xúc, làm việc thực tế với hoạt động của Ngân hàng nên đề tài của em mới chỉ tìm hiểu và nêu lên các vấn đề chung của công tác kế toán cho vay khách hàng cá nhân tại NHNo&PTNT Chi nhánh huyện Nghi Xuân từ giai đoạn giải ngân cho vay, thu lãi, thu nợ, chuyển nợ quá hạn. Bên cạnh đó, trong mỗi giai đoạn đề tài có nêu lên được các ví dụ thực tế, đi kèm cách hạch toán và xử lý chứng từ. Tuy nhiên, trong thời gian tới nếu có cơ hội tiếp xúc với hoạt động của Ngân hàng nhiều hơn, em sẽ phát triển đề tài theo hướng đi sâu vào tìm hiểu công tác kế toán trên phần mềm kế toán nội bộ IPCAS và tìm hiểu thêm về cách xử lý nợ quá hạn của cán bộ NH, để từ đó đưa ra các biện pháp cụ thể và hiệu quả hơn.


**DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. <http://agribank.com.vn>
2. TS. Nguyễn Thị Loan, *Giáo trình Kế toán ngân hàng*, Trường đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh
3. TS. Nguyễn Minh Kiều, *Nghiệp vụ Ngân hàng thương mại*, Nhà xuất bản Thống kê (2009), Hà Nội.
4. Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22/4/2005 *Quy định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng* của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
5. Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN ngày 25/4/2007 *về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng ban hành theo quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN* của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
6. Quyết định số 666/QĐ – HĐQT – TDHO ngày 15/06/2010 *về việc Ban hành quy định cho vay đối với khách hàng trong hệ thống Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam* của Chủ tịch Hội đồng quản trị NHNN Việt Nam.
7. Quyết định số 1000/2011/QĐ – HĐQT-TCKT ngày 05/07/2011 của Hội đồng quản trị NHNo&PTNT Việt Nam *về việc ban hành chế độ chứng từ kế toán ngân hàng*.
8. Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29/04/2004 *về việc ban hành Hệ thống tài khoản của các tổ chức tín dụng và quyết định số 02/2008/QĐ – NHNN ngày 15/01/2008 của Thống đốc NHNN về việc bổ sung, sửa đổi một số tài khoản trong hệ thống tài khoản của các TCTD*.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1:

**NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP  
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM**  
VIETNAM BANK FOR AGRICULTURE AND RURAL DEVELOPMENT



**SỔ VAY VỐN**  
DÙNG CHO HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN VAY VỐN  
KHÔNG PHẢI BẢO ĐẢM BẰNG TÀI SẢN  
(Ngân hàng lưu giữ)

**BG 192444**

Họ và tên chủ hồ:	Võ Quang Vinh	Mã số khách hàng:	8708.029895533
Tên thường gọi:	Võ Quang Vinh		
Địa chỉ nơi cư trú:	An Tiên - Xuân Quang - Hà Tĩnh		
Huyện:	Nghi Xuân	Tỉnh:	Hà Tĩnh
Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT nơi giao dịch:	Chi nhánh Nghi Xuân		

Phụ lục 2:



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: 01A/CV  
(Do khách hàng lập)

**GIẤY ĐỀ NGHỊ KIÊM PHƯƠNG ÁN VAY VỐN**

(Dùng cho hộ gia đình, cá nhân vay vốn không phải bảo đảm bằng tài sản)

**Kính gửi:** Chi nhánh NHNo & PTNT huyện Nghi Xuân

Họ và tên chủ hộ hoặc người đại diện: Võ Quang Vinh Năm sinh: 1961  
 CMND số: 183403420 Do công an: Hà Tĩnh Cấp ngày: 5/10/2001 Điện thoại:  
 Hiện cư trú tại: Tổ (xóm): \_\_\_\_\_ Xã (phường): \_\_\_\_\_ Huyện (thị, TP): Nghi Xuân  
 Hoặc: số nhà \_\_\_\_\_ ngách \_\_\_\_\_ ngõ \_\_\_\_\_ đường \_\_\_\_\_ Thị xã (TP): \_\_\_\_\_  
 Ngành nghề SXKD: Chăn nuôi Số giấy phép KD \_\_\_\_\_

Các thành viên trong hộ gia đình (từ đủ 18 tuổi trở lên)

STT	Họ và tên	Quan hệ với chủ hộ	Ký tên hoặc điểm chỉ
1	<u>Nguyễn Thị Xuân</u>	<u>Vợ</u>	
2	<u>Võ Quang Nam</u>	<u>Con trai</u>	
3	<u>Võ Quang Dũng</u>	<u>Con trai</u>	
4	<u>Võ Hồng Sơn</u>	<u>Con gái</u>	

Chúng tôi đề nghị Ngân hàng cho vay số tiền: 15.000.000 đồng (Bởi mười lăm triệu đồng) để thực hiện phương án: Chăn nuôi gia súc  
 + Tổng nhu cầu vốn: \_\_\_\_\_ đ, trong đó vốn tự có tham gia \_\_\_\_\_ đ

**Đối tượng vật tư chi phí sản xuất cần vay vốn**

STT	Đối tượng	Số lượng	Thành tiền

+ Thời hạn vay: 24 tháng. + Ngày trả nợ cuối cùng: 25/1/2014  
 + Trả gốc: \_\_\_\_\_ kỳ. + Lãi suất: 0,7% / tháng, Trả lãi theo: quý  
 + Lãi suất tiền vay được điều chỉnh 3 tháng/một lần, hoặc được điều chỉnh ngay khi lãi suất cho vay trên thị trường biến động đột xuất phù hợp với quy định của NHNN và NHNo Việt Nam.

**LỊCH SỬ TÍN DỤNG**

Về lịch sử tín dụng đến ngày xin vay: Nợ tại NHNo&PTNT: \_\_\_\_\_ đồng, trong đó Ngắn hạn \_\_\_\_\_ đồng, Hạn trả nợ cuối cùng ngày: \_\_\_\_\_/\_\_\_\_\_/\_\_\_\_\_; Nợ tại Ngân hàng khác: \_\_\_\_\_ đ, Trong đó nợ Ngắn hạn \_\_\_\_\_ đồng, Hạn trả nợ cuối cùng ngày: \_\_\_\_\_/\_\_\_\_\_/\_\_\_\_\_;  
 Các loại nợ khác: \_\_\_\_\_ đ

Gia đình tôi có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: \_\_\_\_\_ cấp ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_ diện tích \_\_\_\_\_ m<sup>2</sup>, và diện tích đất đang sử dụng nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng là: \_\_\_\_\_ m<sup>2</sup>. Toàn bộ diện tích trên không có tranh chấp.

Chúng tôi cam kết: Giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ngân hàng hoặc khi nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sẽ giao ngay cho Ngân hàng; sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ gốc, lãi đúng hạn, chấp thuận các điều chỉnh về lãi suất, thanh toán các khoản phí theo quy định của Ngân hàng, nếu chúng tôi không thực hiện đầy đủ các cam kết Ngân hàng có quyền xử lý nợ theo quy định của ngành.

Nghi Xuân, ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm 201 \_\_\_\_\_  
**Chủ hộ hoặc người đại diện**  
 (Ký, ghi rõ họ tên)

**XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ (PHƯỜNG)**

Hộ Ông (Bà) Võ Quang Vinh..... hiện đang cư trú tại địa phương; Những nội dung đã kê khai về số các thành viên trong gia đình, quyền sử dụng đất, nhu cầu vay vốn là đúng sự thật.

Nghị Xuân, ngày 25 tháng 2 năm 2012.....

T/M UBND xã (phường)  
(Ký tên, đóng dấu)

Hương Văn Nam

**THẨM ĐỊNH CỦA CÁN BỘ TÍN DỤNG**

Sau khi thẩm định các điều kiện vay vốn, tôi đề nghị:

- Cho vay số tiền: 45.000.000..... đồng (bằng chữ: Bốn mươi lăm triệu đồng.....)
- + Thời hạn: 24..... tháng + Hạn trả cuối cùng: 25/1/2014.....
- + Lãi suất: 0,79.....%/tháng + Trả lãi theo: quý.....
- + Kỳ hạn trả nợ:..... + Phương thức cho vay: trùng lần.....

Ngày 25 tháng 2 năm 2012.....

Cán bộ tín dụng  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thư

**Ý KIẾN CỦA TRƯỞNG PHÒNG TÍN DỤNG**

**Đề nghị Giám đốc:**

- Duyệt cho vay: 45.000.000..... đồng (bằng chữ: Bốn mươi lăm triệu đồng.....)
- Lãi suất: 0,79.....%/tháng
- Thời hạn cho vay: 24..... tháng
- Hạn trả cuối cùng: 25/1/2014.....
- Trả lãi theo: quý.....
- Kỳ hạn trả nợ:.....
- Phương thức cho vay: trùng lần.....
- Không cho vay: Lý do.....

Ngày 25 tháng 2 năm 2012.....

Trưởng phòng (tổ trưởng)  
(Ký, ghi rõ họ tên)


**PHÊ DUYỆT CỦA GIÁM ĐỐC**

- Cho vay số tiền: 45.000.000..... đồng (bằng chữ: Bốn mươi lăm triệu đồng.....)
- Lãi suất: 0,79.....%/tháng
- Thời hạn cho vay: 24..... tháng
- Hạn trả cuối cùng: 25/1/2014.....
- Trả lãi theo: quý.....
- Kỳ hạn trả nợ:.....
- Phương thức cho vay:.....
- Không cho vay: Lý do.....

Ngày 25 tháng 2 năm 2012.....

Giám đốc  
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 3:

NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM  
  
 Mang phần thịnh đến khách hàng

### CHỨNG TỪ GIAO DỊCH

Ngày GD: 16/04/2014  
 Liên 1: Ngân hàng (Bản sao)

Mẫu số: 01GTGT2/3708  
 Ký hiệu: LN/14T  
 Số hóa đơn: 04160080000175  
 Ngày giá trị: 16/04/2014 SBT: 175

Chi nhánh: 3708 - Chi nhánh H. Nghi Xuân - Hà Tĩnh  
 Địa chỉ: Thị trấn Nghi Xuân, Hà Tĩnh

Mã số thuế: 0100686174-127  
 Điện thoại/Fax: /

Tên khách hàng: Võ Quang Vinh  
 Mã số khách hàng: 3708029895533  
 CMT/Hộ chiếu: 183403720 Ngày cấp: 05/10/2001 Nơi cấp: Công an Tỉnh Hà Tĩnh  
 Mã số thuế: /  
 Địa chỉ: An tiên xuân giang

Loại giao dịch: Trả gốc thông thường - Trả lãi bình thường  
 Số HĐTD: 3708-LAV-201400644 Số giải ngân: 3708-LDS-201400663  
 Số thu nợ: 3708-LRP-201412100 Dư nợ: 42.000.000 VND  
 Nội dung: Trả nợ vay ((12) Medium term loan)

Thông tin giao dịch	Số tiền	LTT	Ghi chú
Số tiền gốc	3.000.000 VND		Ngày đến hạn :25/02/2016
Tổng số tiền gốc	3.000.000 VND		
Tiền lãi	510.625 VND		Gốc: 45.000.000;LS: 9,50%;04/03/2014 - 15/04/2014;43 ngày
Tiền lãi	11.083 VND		Gốc: 42.000.000;LS: 9,50%;16/04/2014 - 16/04/2014;1 ngày
Tổng số lãi trong hạn	521.708 VND		
Phương thức thanh toán			

Khách hàng  
(Ký và ghi rõ họ tên)


Thủ quỹ

Giao dịch viên  
(Mã GDV: HNX2MAI)

Kiểm soát  
(Mã KS: )

Giám đốc

Người in: HNX2TANH Thời gian in: 23/04/2014 17:13:02

NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM  
  
 Mang phần thịnh đến khách hàng

Chi nhánh: 3708 - Chi nhánh H. Nghi Xuân - Hà Tĩnh  
 Địa chỉ: Thị trấn Nghi Xuân, Hà Tĩnh

Mã số thuế: 0100686174-127  
 Điện thoại/Fax: /

Tên khách hàng: Võ Quang Vinh  
 Mã số khách hàng: 3708029895533  
 CMT/Hộ chiếu: 183403720 Ngày cấp: 05/10/2001 Nơi cấp: Công an Tỉnh Hà Tĩnh  
 Mã số thuế: /  
 Địa chỉ: An tiên xuân giang

Loại giao dịch: Trả gốc thông thường - Trả lãi bình thường  
 Số HĐTD: 3708-LAV-201400644 Số giải ngân: 3708-LDS-201400663  
 Số thu nợ: 3708-LRP-201412100 Dư nợ: 42.000.000 VND  
 Nội dung: Trả nợ vay ((12) Medium term loan)

Thông tin giao dịch	Số tiền	LTT	Ghi chú
Tải khoản tiền gửi	3.521.708 VND		3708207000463

Khách hàng  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Thủ quỹ

Giao dịch viên  
(Mã GDV: HNX2MAI)

Kiểm soát  
(Mã KS: )

Giám đốc

Người in: HNX2TANH Thời gian in: 23/04/2014 17:13:04

Trịnh Thị Mai



**Phụ lục 4:**

NHNO&PTNT HÀ TỈNH  
**CHI NHÁNH : NGHI XUÂN**  
 Số: /GXN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Mẫu số 02/NTM  
 (Kèm theo CV số 167/NHNN-HT14)



**GIẤY XÁC NHẬN SỐ TIỀN LÃI PHẢI HỖ TRỢ**

Theo Quyết định số 26/2012/QĐ -UBND ngày 11/6/2012 của UBND tỉnh

Tên đơn vị ngân hàng cho vay vốn: NHNO&PTNT huyện Nghi Xuân - Hà Tĩnh

Tên khách hàng vay : *Đình Văn Lợi*

Địa chỉ: Trường Phúc Xuân Trường CMT: *183 930017*

Người đại diện: *Đình Văn Lợi*

Chi nhánh NHNO&PTNT huyện Nghi Xuân và Ông (bà) :

Xác nhận số lãi tiền vay khách hàng được hỗ trợ từ nguồn vốn CTMTQGXDNTM theo Quyết định số 26/2012/QĐ - UBND như sau:

STT	Số kế ước vay hoặc số HĐTD/ Ngày	Dư nợ khoản vay được HTLS đến ngày thu lãi	Tổng số tiền lãi theo HĐTD mà TCTD đã thu của khách	Lãi Suất	Tổng số tiền lãi khách hàng được hỗ trợ từ nguồn
1	2	3	4		5
1		<i>30.000.000 đ</i>	<i>1.112.500 đ</i>	<i>1,25% /tháng</i>	<i>534.000 đ</i>
	Tổng cộng				

Bảng Chữ:( )

Hai bên xác nhận, số tiền lãi được hỗ trợ nêu trên để khách hàng làm cơ sở nhận tiền từ Ban quản lý XDNTM xã.

Giấy xác nhận được lập thành 02 bản: khách hàng giữ 01 bản, Ngân hàng giữ 01 bản.

*Nghi Xuân, ngày tháng năm 2014*

**Đại diện khách hàng vay**

(Ký tên, đóng dấu)

*Lợi*  
*Đình Văn Lợi*

**Đại diện Ngân hàng No nơi cho vay**

**Lập bảng**

**Kiểm soát**

**Giám đốc**

(Ký tên, đóng dấu)

*A*

*A*

PHẦN THEO DÕI CHI TRẢ CỦA BAN QLXDNTM XÃ:

Tổng số tiền lãi BQLXDNTM xã đã chi trả cho khách hàng: *534.000 đ*

Bảng chữ: *Năm trăm ba mươi bốn ngàn đồng*

Tổng số tiền còn nợ khách hàng (nếu có)

*Nghi Xuân, ngày tháng năm 2013*

**Khách hàng nhận tiền Thủ quỹ BQLXDNTM**

**TM/BQLXDNTM xã**



*Lợi*

*A*

*Uhu*

*Uhu*

Phụ lục 5:

CHUNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
*Độc lập - Tự do - Hạnh phúc*

**HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG**  
Số: 3900/HĐTD

(Dùng cho khách hàng là hộ gia đình, cá nhân)

Mẫu số: 04B/CV

- Căn cứ Bộ luật Dân sự năm 2005 và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan;  
- Theo thỏa thuận của các bên.  
Hôm nay, ngày 15 tháng 8 năm 2011 tại NHNo & PTNT Nghi Xuân chúng tôi gồm:

**BÊN CHO VAY (BÊN A):**  
Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam; Chi nhánh huyện Nghi Xuân  
Địa chỉ: Khối 3 - Chi trấn Nghi Xuân - Hà Tĩnh  
Người đại diện: Ông (bà): Phạm Thị Hồng Hạnh Chức vụ: Giám đốc  
Theo giấy uỷ quyền số: ngày tháng năm 20 của Giám đốc

**BÊN VAY (BÊN B):**  
Tên khách hàng: Hà Chí Sơn Điện thoại:  
Địa chỉ: tổ (xóm) Khối 1 phường (xã) huyện (thị, TP) Nghi Xuân  
hoặc: số nhà ngách ngõ đường thị xã (TP) Hà Tĩnh  
Người đại diện: Ông (bà) Hà Chí Sơn Chức vụ:  
CMND số: 183219331 do công an Hà Tĩnh cấp ngày 30/6/2011  
Theo giấy uỷ quyền số: ngày tháng năm 20 của

Hai bên thống nhất việc bên A cho bên B vay tiền theo các nội dung dưới đây:

**Điều 1. Phương thức cho vay, số tiền cho vay, mục đích sử dụng tiền vay**  
Phương thức cho vay: Từng lần  
Mức dư nợ cao nhất: 50.000.000 đồng (bằng chữ năm mươi triệu đồng chẵn)  
(Số tiền cho vay cụ thể được tính cho từng lần rút vốn được theo dõi tại phụ lục hợp đồng hoặc giấy nhận nợ kèm theo hợp đồng này).  
Mục đích sử dụng tiền vay:  
- Nuôi sẫm, tiêu dùng

**Điều 2: Lãi suất:** - Lãi tiền vay Bên B phải trả cho Bên A tính từ ngày vay đến ngày trả nợ.  
- Lãi suất tiền vay là: 17% và được điều chỉnh 3 tháng một lần, hoặc được điều chỉnh ngay khi lãi suất cho vay trên thị trường biến động đột xuất phù hợp với quy định của NHNN và NHNo Việt Nam.  
- Lãi suất điều chỉnh được tính từ ngày sau liền kề ngày có thông báo tăng lãi suất của Ngân hàng cấp trên (lãi suất cơ bản hoặc lãi suất trần hoặc cơ chế điều hành lãi suất khác).  
- Lãi suất nợ quá hạn: Nếu Bên B không trả nợ gốc, lãi đúng hạn và không được điều chỉnh kỳ hạn hoặc gia hạn trả nợ gốc thì NHNo sẽ chuyển dư nợ thực tế sang nợ quá hạn và Bên B phải chịu lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tương ứng.  
- Phương pháp trả lãi: 3 tháng một lần vào ngày 19 bắt đầu từ ngày 19 / 11 / 2011

**Điều 3: Thời hạn cho vay, phương thức và kỳ hạn trả nợ**  
Thời hạn cho vay hoặc thời hạn của hạn mức tín dụng tháng, kể từ ngày ký hợp đồng. Nếu Bên B trả nợ trước hạn không được Bên A chấp thuận phải chịu phí trả nợ trước hạn bằng % trên số tiền trả nợ trước hạn.  
Kế hoạch phát tiền vay và kỳ hạn trả nợ thực hiện theo phụ lục kèm theo.  
Bên B vay đồng tiền nào phải trả nợ bằng đồng tiền đó.  
Trường hợp Bên B rút tiền vay nhiều lần thì mỗi lần nhận tiền vay bên B lập một giấy nhận nợ gửi bên A.

**Điều 4: Hình thức bảo đảm tiền vay:**  
- Thế chấp quyền sử dụng đất

**Điều 5: Quyền và nghĩa vụ của Bên A:**

**5.1, Bên A có quyền:**

- a) Kiểm tra, giám sát quá trình vay vốn, sử dụng vốn vay và trả nợ của Bên B;
- b) Chấm dứt việc cho vay, thu hồi nợ trước hạn hoặc chuyển nợ quá hạn khi phát hiện Bên B cung cấp thông tin sai sự thật, thiếu vật tư bảo đảm nợ hoặc tài sản bảo đảm nợ bị giảm, vi phạm hợp đồng tín dụng;
- c) Định đoạt tài sản hình thành từ vốn vay và tài sản làm bảo đảm tiền vay trong những trường hợp:
  - Bên B không có khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ;
  - Không có chủ thể kế thừa nghĩa vụ của Bên B;
  - Xảy ra bất kỳ sự kiện pháp lý nào giải phóng Bên B khỏi nghĩa vụ cam kết trong hợp đồng này.
- d) Gia hạn nợ gốc, lãi; điều chỉnh kỳ hạn trả nợ gốc, lãi theo quy định của NHNN.

**5.2, Bên A có nghĩa vụ:**

- a) Thực hiện đúng thoả thuận trong hợp đồng tín dụng;
- b) Lưu giữ hồ sơ tín dụng phù hợp với quy định của pháp luật.

**Điều 6: Quyền và nghĩa vụ của Bên B**

**6.1, Bên B có quyền:**

- a) Từ chối yêu cầu của Bên A không đúng với các thoả thuận trong hợp đồng này;
- b) Khiếu nại, khởi kiện vi phạm hợp đồng này theo quy định của pháp luật.

**6.2, Bên B có nghĩa vụ:**

- a) Cung cấp đầy đủ, trung thực các thông tin, tài liệu liên quan đến việc vay vốn và chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của các thông tin, tài liệu đã cung cấp;
- b) Sử dụng tiền vay đúng mục đích và thực hiện đúng các nội dung khác đã thoả thuận trong hợp đồng này;
- c) Trả nợ gốc và lãi tiền vay theo thoả thuận trong hợp đồng này;
- d) Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi không thực hiện đúng những thoả thuận về việc trả nợ vay.

**Điều 7: Một số cam kết khác:**

- Bên B cam kết thanh toán hết cho Bên A các khoản phí do Ngân hàng cấp trên quy định ở các thời điểm cả mức phí và phương thức thanh toán
- *Bên B chịu mức lãi suất phạt nếu không trả nợ đúng hạn khi đến hạn*

**Điều 8: Sửa đổi, bổ sung, chuyển nhượng hợp đồng**

Khi một trong hai bên muốn có sự thay đổi nội dung điều khoản nào của hợp đồng này thì gửi đề xuất tới bên kia bằng văn bản. Nếu bên kia chấp thuận, hai bên sẽ ký bổ sung điều khoản thay đổi đó trong một thoả thuận bằng văn bản đi liền với hợp đồng này.

Trường hợp chuyển nhượng hợp đồng tín dụng này phải được hai bên cùng thoả thuận theo quy định về mua, bán nợ của NHNN. Các điều khoản khác của hợp đồng này không thay đổi.

**Điều 9. Cam kết chung:**

Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản của hợp đồng. Nếu có tranh chấp hai bên sẽ giải quyết bằng thương lượng dựa trên nguyên tắc bình đẳng và cùng có lợi. Trường hợp không thể giải quyết bằng thương lượng, hai bên sẽ đưa tranh chấp ra giải quyết tại tòa kinh tế nơi có trụ sở chính của bên A.

Hợp đồng này lập thành 02 bản, các bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 01 bản.

Hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký và được thanh lý khi Bên B hoàn trả xong cả gốc và lãi.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**  
(Ký tên, đóng dấu)

**ĐẠI DIỆN BÊN B**  
(Ký tên, đóng dấu)

*Hà Thị Sơn*

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG

Kèm theo Hợp đồng tín dụng số 390 /HĐTD ngày 15 tháng 8 năm 2011 tờ số

1. THEO DỜI PHÁT TIỀN VAY VÀ KẾ HOẠCH TRẢ NỢ:

PHÁT TIỀN VAY				PHÂN KỲ TRẢ NỢ			CHỮ KÝ	
Ngày, tháng, năm	Đối tượng cho vay	Số tiền vay	Lãi suất cho vay	Ngày, tháng, năm	Số tiền gốc	Số tiền lãi	Kế toán cho vay	Người vay
19/8/2011	Mua sắm, tiêu dùng	50.000.000đ	1,7% /tháng	19/8/2012	50.000.000đ		<i>Muc</i>	<i>Thu</i>

2. ĐIỀU CHỈNH KỲ HẠN TRẢ NỢ GỐC, LÃI; GIA HẠN NỢ GỐC, LÃI:

NGÀY, THÁNG, NĂM	GIA HẠN NỢ GỐC		GIA HẠN NỢ LÃI		ĐIỀU CHỈNH KỲ HẠN TRẢ NỢ GỐC		ĐIỀU CHỈNH KỲ HẠN TRẢ NỢ LÃI	
	Số tiền	Đến ngày... tháng...	Số tiền	Đến ngày... tháng...	Số tiền	Đến ngày... tháng...	Số tiền	Đến ngày... tháng...


  

3. ĐIỀU CHỈNH LÃI SUẤT, Thời gian áp dụng lãi suất				Cán bộ tín dụng	Chữ ký người vay
Từ ngày 04 / 05 / 2012 đến 23 / 05 / 2012	lãi suất trong hạn 1,7% tháng				<i>Thu</i>
Từ ngày 24 / 05 / 2012 đến 01 / 06 / 2012	lãi suất trong hạn 4,65% tháng				<i>Thu</i>
Từ ngày 02 / 06 / 2012 đến 03 / 06 / 2012	lãi suất trong hạn 1,5% tháng				<i>Thu</i>
Từ ngày / / 20 đến / / 20	lãi suất trong hạn % tháng				
Từ ngày / / 20 đến / / 20	lãi suất trong hạn % tháng				

4. THEO DỜI THU NỢ, CHUYỂN NỢ QUÁ HẠN, DƯ NỢ:

NGÀY, THÁNG, NĂM	THU NỢ TRONG HẠN		CHUYỂN NỢ QUÁ HẠN	THU NỢ QUÁ HẠN		DƯ NỢ		CHỮ KÝ	
	Gốc	Lãi		Gốc	Lãi	Tổng số	Tr đó: NQH	Kế toán cho vay	Người trả
04/06/2012	0 đồng	2.543.880đ							
19/11/2011	0 đồng	2.606.666đ							
3/3/2012	0 đồng	2.946.667đ							
4/6/2012	0 đồng	2.515.900đ							

Phụ lục 6:



NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM  
**AGRIBANK**  
*Mang phồn thịnh đến khách hàng*

### CHỨNG TỪ GIAO DỊCH

Ngày GD: 16/04/2014  
Liên 1: Ngân hàng (Bản sao)

Mẫu số: 01GTGT2/3708  
Ký hiệu: LN/14T  
Số hóa đơn: 04160080000118  
Ngày giá trị: 16/04/2014 SBT: 118

Chi nhánh: 3708 - Chi nhánh H. Nghi Xuân - Hà Tĩnh  
Địa chỉ: Thị trấn Nghi Xuân, Hà Tĩnh

Mã số thuế: 0100686174-127  
Điện thoại/Fax: /

Tên khách hàng: Hoàng Thị Thủy  
CMT/Hộ chiếu: 184060480 Ngày cấp: 16/07/2010 Nơi cấp: Công an Tỉnh Hà Tĩnh  
Địa chỉ: Hội Thủy Xuân Hội  
Loại giao dịch: Tất toán  
Số HĐTD: 3708-LAV-201202907  
Số thu nợ: 3708-LRP-201412053  
Nội dung: Trả nợ vay ((252102) Refin. loan from gov (mid))

Mã số khách hàng: 3708168120322  
Mã số thuế:  
Số giải ngân: 3708-LDS-201202983  
Dư nợ: 0 VND

Thông tin giao dịch	Số tiền	LTT	Ghi chú
Số tiền gốc	10.000.000	VND	Ngày đến hạn :19/07/2014
Số tiền gốc	40.000.000	VND	Ngày đến hạn :20/07/2014
Tổng số tiền gốc	50.000.000	VND	
Tiền lãi	433.333	VND	Gốc: 50.000.000;LS: 13,00%;23/03/2014 - 15/04/2014;24 ngày
Tổng số lãi trong hạn	433.333	VND	
Phương thức thanh toán			

Khách hàng  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Thủ quỹ

Giao dịch viên  
(Mã GDV: HNXTMAI)

Kiểm soát  
(Mã KS: )

Giám đốc

Trịnh Thị Mai

1/2



NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM  
**AGRIBANK**  
*Mang phồn thịnh đến khách hàng*

### CHỨNG TỪ GIAO DỊCH

Ngày GD: 16/04/2014  
Liên 1: Ngân hàng (Bản sao)

Mẫu số: 01GTGT2/3708  
Ký hiệu: LN/14T  
Số hóa đơn: 04160080000118  
Ngày giá trị: 16/04/2014 SBT: 118

Chi nhánh: 3708 - Chi nhánh H. Nghi Xuân - Hà Tĩnh  
Địa chỉ: Thị trấn Nghi Xuân, Hà Tĩnh

Mã số thuế: 0100686174-127  
Điện thoại/Fax: /

Tên khách hàng: Hoàng Thị Thủy  
CMT/Hộ chiếu: 184060480 Ngày cấp: 16/07/2010 Nơi cấp: Công an Tỉnh Hà Tĩnh  
Địa chỉ: Hội Thủy Xuân Hội  
Loại giao dịch: Tất toán  
Số HĐTD: 3708-LAV-201202907  
Số thu nợ: 3708-LRP-201412053  
Nội dung: Trả nợ vay ((252102) Refin. loan from gov (mid))

Mã số khách hàng: 3708168120322  
Mã số thuế:  
Số giải ngân: 3708-LDS-201202983  
Dư nợ: 0 VND

Khách hàng  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Thủ quỹ

Giao dịch viên  
(Mã GDV: HNXTMAI)

Kiểm soát  
(Mã KS: )

Giám đốc

Trịnh Thị Mai

2/2

**Phụ lục 7:**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Mẫu số: 06/CV

... ngày...tháng...năm...

**GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN NỢ GỐC, NỢ LÃI**

**Kính gửi: CHI NHÁNH NHNo&PTNT Chi nhánh huyện Nghi Xuân**

Họ tên người vay:.....

Địa chỉ:....

Nợ vay NHNo&PTNT số tiền:.... Tại Hợp đồng tín dụng số:....ngày...tháng...năm....

Đã trả nợ được, số tiền gốc:....đồng

Còn nợ:....đồng. Hạn phải trả vào ngày:....tháng...năm

Lý do:....

Đề nghị chi nhánh NHNo&PTNT huyện Nghi Xuân gia hạn: Số nợ gốc đến ngày.../.../..

Số tiền lãi trả...tháng. Chúng tôi xin cam kết trả đúng hạn trên.

**NGƯỜI VAY**

(kí, ghi rõ họ tên)

**PHẦN PHÊ DUYỆT CỦA NGÂN HÀNG**

**1.ý kiến của cán bộ tín dụng:**

Qua xem xét thực tế và nội dung trình bày trong giấy đề nghị gia hạn nợ của Ông (bà):... tôi thấy nguyên nhân khách hàng không trả được nợ là do:.....

Đề nghị :..... Số tiền gốc:.....thời gian:....tháng....

Hạn trả cuối cùng vào ngày:....tháng...năm...

Số tiền trả lãi hàng tháng:....

**CÁN BỘ TÍN DỤNG**

*(kí, ghi rõ họ tên)*

**Ý kiến của phòng tín dụng:**

**Duyệt của phó phòng giám đốc**

Căn cứ giấy đề nghị gia hạn nợ của khách hàng và ý kiến của cán bộ tín dụng, tôi đề nghị giám đốc:

- Cho...nợ gốc...đồng. Thời hạn...tháng. Hạn trả cuối cùng ngày.../.../...
- Lãi trả hàng tháng:...

**TRƯỞNG PHÒNG TÍN DỤNG**

Phụ lục 8:



NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP  
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM  
CHI NHÁNH: Nghi Xuân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MÃU SỐ: 08/CV  
(Do ngân hàng lập)

Nghi Xuân, ngày 16... tháng 12... năm 2012

THÔNG BÁO CHUYỂN NỢ QUÁ HẠN

Kính gửi: Ông (bà): Nguyễn Văn Bình

- Căn cứ hợp đồng tín dụng/ sổ vay vốn số 8720... ngày 7... tháng 12... năm 2011.  
Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Nghi Xuân thông báo số tiền vay của Ông( bà) Nguyễn Văn Bình Tại hợp đồng sổ vay vốn trên đã quá hạn từ ngày 6... tháng 12... năm 2012

Số tiền gốc quá hạn: 300.000.000..... VND

(Bằng chữ: Ba trăm triệu đồng chẵn.....)

Kể từ ngày quá hạn, toàn bộ dư nợ tiền vay của Ông(bà) đã chuyển sang tài khoản quá hạn, lãi suất phạt quá hạn là 30,6...%/năm

Yêu cầu Ông (bà): Nguyễn Văn Bình... tìm mọi biện pháp để trả nợ số tiền trên.

Nơi nhận:  
- Như trên;  
- Lưu hồ sơ TD

GIÁM ĐỐC  
(ký tên, đóng dấu)



Phụ lục 9:

### SỔ LƯU TỜ RỜI

**I. THEO DÕI PHÁT TIỀN VAY VÀ KẾ HOẠCH TRẢ NỢ:** Đơn vị: *Đóng*

Ngày, tháng, năm	PHÁT TIỀN VAY				Ngày, tháng, năm	PHÂN KỶ TRẢ NỢ		CHỮ KÝ	
	Đối tượng cho vay	Số tiền vay	Lãi suất cho vay	Lãi suất quá hạn		Số tiền gốc	Số tiền lãi	Kế toán cho vay	Người vay
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

**II. ĐIỀU CHỈNH KỶ HẠN TRẢ NỢ GỐC, LÃI; GIA HẠN NỢ GỐC, LÃI:** Đơn vị: *Đóng*

Ngày, tháng, năm	GIA HẠN NỢ GỐC		GIA HẠN NỢ LÃI		ĐIỀU CHỈNH KỶ HẠN TRẢ NỢ GỐC		ĐIỀU CHỈNH KỶ HẠN TRẢ NỢ LÃI	
	Số tiền	Đến ngày... tháng...	Số tiền	Đến ngày... tháng...	Số tiền	Đến ngày... tháng...	Số tiền	Đến ngày... tháng...
1	2	3	4	5	6	7	8	9

**III. THEO DÕI THU NỢ, CHUYỂN NỢ QUÁ HẠN, DƯ NỢ:** Đơn vị: *Đóng*

Ngày, tháng, năm	THU NỢ TRONG HẠN		CHUYỂN NỢ QUÁ HẠN	THU NỢ QUÁ HẠN		DƯ NỢ		CHỮ KÝ	
	Gốc	Lãi		Gốc	Lãi	Tổng số	Trong đó NQH	Kế toán cho vay	Người trả